ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cần Thơ, tháng 11 năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cần Thơ, tháng 11 năm 2020

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 388/QĐ- ĐHKTCN ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1	PGS. TS Huỳnh Thanh Nhã	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	TS. Trương Minh Nhật Quang	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	ThS. Đoàn Thị Kiều Tiên	Phó trưởng khoa Phụ trách quản lý, điều hành Khoa CNTP và CNSH	Phó Chủ tịch	
4	ThS. Lê Anh Tuấn	Trưởng phòng ĐBCL&KT	Thư ký	
5	ThS. Nguyễn Thị Yên Chi	Trưởng phòng TCHC	Thành viên	
6	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
7	ThS. Cao Thị Bé Oanh	Phó trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
8	ThS. Nguyễn Chí Hiếu	Trưởng phòng CTCT&QLSV	Thành viên	
9	TS. Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	Phụ trách Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC	Thành viên	
10	ThS. Võ Khắc Tâm	Trưởng phòng QTTB	Thành viên	
11	ThS. Trần Long Hải	Trưởng phòng TCKT	Thành viên	

12	ThS. Lê Trí Ân	Phó trưởng Bộ môn CNTP	Thành viên	
13	ThS. Nguyễn Xuân Hồng	Giảng viên	Thành viên	
14	ThS. Trần Thị Thùy Linh	Giảng viên	Thành viên	
15	ThS. Đoàn Phương Linh	Giảng viên	Thành viên	
16	ThS. Nguyễn Ngọc Trang Thùy	Giảng viên	Thành viên	
17	ThS. Huỳnh Thị Sữa	Giảng viên	Thành viên	
18	ThS. Nguyễn Hồng Xuân	Giảng viên	Thành viên	
19	ThS. Trần Thị Thanh Vân	Giảng viên	Thành viên	
20	KS. Trần Hoàng Hiệp	Kỹ thuật viên PTN	Thành viên	
21	Nguyễn Song Kim Minh	Sinh viên lớp CNTP0117	Thành viên	

(Danh sách có 21 thành viên)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 388/QĐ- ĐHKTCN ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Lê Anh Tuấn	Trưởng Phòng ĐBCL&KT	Trưởng Ban
2	ThS. Lê Trí Ân	P. Trưởng Bộ môn CNTP	Phó Trưởng ban
3	ThS. Cao Thị Bé Oanh	P. Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	ThS. Hồ Chí Linh	P. Trưởng phòng QTTB	Thành viên
5	ThS. Lê Hồng Tuyên	P. Trưởng phòng NCKH-HTQT- TTr - PC	Thành viên
6	ThS. Bùi Thái Bình	P. Trưởng phòng TCKT	Thành viên
7	ThS. Nguyễn Chí Hiếu	Trưởng phòng CTCT-QLSV	Thành viên
8	ThS. Nguyễn Hoàng Viện	Bí thư Đoàn Trường	Thành viên
9	ThS. Phạm Thị Bích Ngân	Phó Trưởng khoa khoa Khoa học cơ bản	Thành viên
10	KS. Lê Anh Nhã Uyên	Chuyên viên Phòng TCHC	Thành viên
11	ThS. Nguyễn Hoàng Yến	GV kiêm nhiệm Phòng ĐBCL&KT	Thành viên
12	ThS. Trần Thị Thanh Thảo	GV kiêm nhiệm Phòng ĐBCL&KT	Thành viên
13	ThS. Đỗ Dương Phương Thảo	GV kiêm nhiệm Phòng ĐBCL&KT	Thành viên
14	ThS. Lê Thị Thảo	GV kiêm nhiệm Phòng NCKH - HTQT - TTr-PC	Thành viên
15	ThS. Nguyễn Xuân Hồng	Giảng viên	Thành viên

16	ThS. Trần Thị Thùy Linh	Giảng viên	Thành viên
17	ThS. Đoàn Phương Linh	Giảng viên	Thành viên
18	ThS. Nguyễn Ngọc Trang Thùy	Giảng viên	Thành viên
19	ThS. Huỳnh Thị Sữa	Giảng viên	Thành viên
20	ThS. Nguyễn Hồng Xuân	Giảng viên	Thành viên
21	ThS. Trần Thị Thanh Vân	Giảng viên	Thành viên
22	KS. Trần Hoàng Hiệp	Kỹ thuật viên PTN	Thành viên

(Danh sách có 22 thành viên)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 388/QĐ- ĐHKTCN ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

Nhóm	Nội dung	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	**Tiêu chuẩn 1**: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT **Tiêu chuẩn 2:** Bản mô tả CTĐT **Tiêu chuẩn 3:** Cấu trúc và nội dung CTDH	**ThS. Lê Trí Ân**	**Phó trưởng Bộ môn CNTP**	**Trưởng nhóm**
		ThS. Trần Thị Thùy Linh	Giảng viên	Thư ký
		ThS. Huỳnh Thị Sữa	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Đoàn Phương Linh	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Lê Thị Mỹ Tiên	Chuyên viên	Thành viên
		ThS. Cao Thị Bé Oanh	Phó trưởng Phòng Đào tạo	Thành viên
2	**Tiêu chuẩn 4:** Phương pháp tiếp cận trong dạy học **Tiêu chuẩn 5:** Đánh giá kết quả học tập của người học	**ThS. Đoàn Thị Kiều Tiên**	**Phó Trưởng khoa CNTP và CNSH**	**Trưởng nhóm**
		ThS. Trần Thị Thanh Vân	Giảng viên	Thư ký
		ThS. Nguyễn Xuân Hồng	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Nguyễn Thị Hồng Xuyên	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Nguyễn Ngọc Trang Thùy	Giảng viên	Thành viên

		KS. Võ Thị Phương Loan	GV kiêm nhiệm Phòng Đào tạo	Thành viên
3	**Tiêu chuẩn 6:** Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên **Tiêu chuẩn 7:** Đội ngũ nhân viên	**ThS. Nguyễn Thị Yên Chi**	**Trưởng phòng TCHC**	**Trưởng nhóm**
		KS. Lê Anh Nhã Uyên	Chuyên viên Phòng TCHC	Thư ký
		ThS. Nguyễn Thị Kim Xuân	Phó Trưởng phòng TCHC	Thành viên
		CN. Phan Ngọc Uyển	Chuyên viên Phòng TCHC	Thành viên
		CN. Lã Hoàng Lâm	Chuyên viên Phòng TCHC	Thành viên
		TS. Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	Phụ trách Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC	Thành viên
4	**Tiêu chuẩn 8:** Người học và hoạt động hỗ trợ người học	**ThS. Nguyễn Chí Hiếu**	**Trưởng phòng CTCT-QLSV**	**Trưởng nhóm**
		ThS. Đỗ Dương Phương Thảo	GV kiêm nhiệm Phòng ĐBCL&KT	Thư ký
		ThS. Nguyễn Hồng Xuân	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Nguyễn Hoàng Viện	Bí thư Đoàn Trường	Thành viên
5	**Tiêu chuẩn 9:** Cơ sở vật chất và trang thiết bị	**ThS. Hồ Chí Linh**	**Phó trưởng phòng QTTB**	**Trưởng nhóm**
		ThS. Trần Thị Thanh Thảo	GV kiêm nhiệm	Thư ký

			Phòng ĐBCL&KT	
		ThS. Lê Hồng Tuyên	P. Trưởng phòng NCKH-HTQT-TTr-PC	Thành viên
		KS. Trần Hoàng Hiệp	Kỹ thuật viên PTN	Thành viên
6	**Tiêu chuẩn 10:** Nâng cao chất lượng **Tiêu chuẩn 11:** Kết quả đầu ra	**ThS. Lê Anh Tuấn**	**Trưởng phòng ĐBCL&KT**	**Trưởng nhóm**
		ThS. Nguyễn Hoàng Yến	GV kiêm nhiệm Phòng ĐBCL&KT	Thư ký
		ThS. Nguyễn Phúc Huy	Giảng viên, Trợ lý khoa CNTP&CNSH	Thành viên
		ThS. Nguyễn Thị Kiều Diễm	GV kiêm nhiệm Phòng ĐBCL&KT	Thành viên
		ThS. Nguyễn Ngọc Ngân Khánh	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Lê Thị Thảo	GV kiêm nhiệm Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC	Thành viên
		ThS. Nguyễn Phan Tú	GV kiêm nhiệm Phòng Đào tạo	Thành viên

(Danh sách có 33 thành viên)

MỤC LỤC

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ i

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ iii

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH v

PHẦN I. KHÁI QUÁT 1

1.1. Đặt vấn đề 1

1.2. Tổng quan chung 4

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ 10

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 10

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo 16

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học 22

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học 30

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học 36

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên 48

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên 66

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học 78

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị 92

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng 106

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra 120

PHẦN III. KẾT LUẬN 134

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT 134

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT 145

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT 147

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT 151

Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo 155

Phụ lục 1: Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo 195

Phụ lục 2: Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm 200

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
BGH	Ban Giám hiệu
CB	Cán bộ
CBQL	Cán bộ quản lý
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLB	Câu lạc bộ
CNSH	Công nghệ sinh học
CNTT	Công nghệ thông tin
CNTP	Công nghệ thực phẩm
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTSV	Công tác sinh viên
CVHT	Cố vấn học tập
DVSV	Dịch vụ sinh viên
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCMH	Đề cương môn học
ĐH	Đại học
ĐHKTCN	Đại học Kỹ thuật Công nghệ
ĐT	Đào tạo
GDĐH	Giáo dục đại học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo

GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HCNS	Hành chính nhân sự
HĐT	Hội đồng trường
HĐTS	Hội đồng tuyển sinh
HTNH	Hỗ trợ người học
HTQT	Hợp tác quốc tế
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KH&HTQT	Khoa học và Hợp tác quốc tế
KHCL	Kế hoạch chiến lược
KHCN	Khoa học công nghệ
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KPIs	Key Performace Indicator (chỉ số đánh giá năng lực thực hiện công việc)
KQHT	Kết quả học tập
ĐBCL&KT	Đảm bảo chất lượng và Khảo thí
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NTD	Nhà tuyển dụng
NH	Người học
NV	Nhân viên
PPGD	Phương pháp giảng dạy
PGS	Phó Giáo sư
PVCĐ	Phục vụ cộng đồng

QL	Quản lý
QLCL	Quản lý chất lượng
QLSV	Quản lý sinh viên
QT-TB	Quản trị - Thiết bị
SĐH	Sau đại học
SHTT	Sở hữu trí tuệ
SM	Sứ mạng
SV	Sinh viên
TC-HC	Tổ chức - Hành chính
TC-KT	Tài chính - Kế toán
TĐG	Tự đánh giá
ThS	Thạc sĩ
THPT	Trung học phổ thông
TLGD	Triết lý giáo dục
TN	Tầm nhìn
TS	Tiến sĩ
TS&TT	Tuyển sinh và truyền thông
TƯ	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Năm 2017, Nhà trường có khóa sinh viên tốt nghiệp đầu tiên gồm 04 ngành: công nghệ thực phẩm, hệ thống thông tin, quản lý công nghiệp, công nghệ kỹ thuật điện - điện tử. Trên cơ sở đó, năm 2018, Nhà trường tiến hành tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Thông tư 12/2017-TT-BGDĐT.

Năm 2020, Trường đã đăng ký kiểm định chất lượng trường đại học và đã được Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường.Nhà trường tích cực triển khai nhiều hoạt động như: cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng và tập trung triển khai tự đánh giá các CTĐT có sinh viên tốt nghiệp theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, Hướng dẫn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định CLGD, Hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng. Trên cơ sở đó, Nhà trường quyết định chọn chương trình Công nghệ thực phẩm để đăng ký kiểm định chất lượng.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm, Hội đồng tự đánh giá căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT; đánh giá hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNTP bao gồm 4 phần:

+ Phần I: Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin và bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn về nội dung của bản báo cáo tự đánh giá. Phần này đồng thời cũng mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, phòng, ban, giảng viên, nhân viên, người học,…), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục lần lượt là: (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Điểm mạnh - nêu những điểm mạnh của CTĐT (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động; (5) Tự đánh giá.

+ Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, những điểm cần phát huy của CTĐT, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn; tóm tắt những điểm tồn tại và vấn đề

cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ Phần IV: Phụ lục theo công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH của Bộ GD&ĐT, bao gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và các danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNTP dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành. CTĐT ngành CNTP được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy và học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 đánh giá về đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; tiêu chuẩn 8 đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 tập trung đưa ra các nhận định về việc nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học; tiêu chuẩn 11 nêu đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành CNTP.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá:

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành CNTP theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

Quá trình tự đánh giá giúp Nhà trường nói chung và ngành CNTP nói riêng tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế của khu vực và các nước trên thế giới.

Tự đánh giá là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành CNTP.

Hoạt động tự đánh giá cũng thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường và của Khoa.

Quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTP;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTP;

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được;

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài trường giai đoạn 2016-2020, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng.

Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH của Bộ GD&ĐT. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt "Hộp minh chứng" (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết

(trường hợp n ≥ 10 thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1;

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3;

H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4;

H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8;

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Khái quát về lịch sử phát triển

Ngày 29 tháng 01 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 249/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (tên viết tắt CTUT, sau đây gọi là Trường) trên cơ sở nguồn nhân lực, cơ sở vật chất của Trung tâm Đại học Tại chức Cần Thơ.

1.1.2. Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị của Trường

Sứ mạng: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có đạo đức tốt và trình độ chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tốt trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ và cả nước.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học đào tạo chuyên ngành kỹ thuật công nghệ có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ Cách mạng công nghệ công nghiệp 4.0.

Giá trị cốt lõi: " Chất lượng - Sáng tạo - Năng động- Phát triển ".

Triết lý giáo dục: " Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập".

1.1.3. Đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên và các hoạt động của Trường

Đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên

Tính đến tháng 12 năm 2019, Trường có 07 phòng, 07 khoa và 03 trung tâm trực thuộc. Tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên của trường 196 người, trong đó giảng viên cơ hữu 169 người, giảng viên cơ hữu kiêm cán bộ quản lý 15 người, nhân viên 11 người. Phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, Trường có 01 PGS, 22 TS, 125 ThS và 21 ĐH. Nhà trường có thỉnh giảng một số giảng viên hỗ trợ công tác giảng dạy, trong đó có 18 TS, 127 ThS. Tổng số sinh viên của trường là 3109 sinh viên thuộc 14 ngành đào tạo trình độ đại học chính quy.

Hoạt động nghiên cứu khoa học

Nhà trường rất chú trọng công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) và xem hoạt động NCKH là biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Từ năm 2013 tới nay, Trường có 12 đề tài NCKH cấp cơ sở được nghiệm thu, đưa vào ứng dụng; 01 đề tài NCKH cấp Thành phố đã nghiệm thu, đăng ký giải pháp hữu ích. Trong năm 2018, Trường có 09 đề tài NCKH cấp cơ sở đăng ký mới, 04 đề tài NCKH cấp cơ sở đã được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả thực hiện. Ngoài ra, từ năm 2014 tới nay, Trường đã có 36 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus, 53 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có phản biện độc lập, 46 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước có

phản biện và 01 sách chuyên khảo xuất bản quốc tế. Bên cạnh đó, nghiên cứu khoa học trong sinh viên cũng được quan tâm, một số đề tài đã đạt được thành tích cao trong các cuộc thi khoa học và công nghệ.

Hằng năm, Nhà trường tổ chức các buổi báo cáo khoa học cấp khoa và cấp trường thu hút sự quan tâm của giảng viên, cán bộ viên chức và sinh viên. Từ năm 2014 đến nay, Trường có 137 báo cáo khoa học cấp khoa, 37 báo cáo khoa học cấp trường. Năm 2018, Trường đã tổ chức được 17 Báo cáo khoa học cấp Khoa và 05 Báo cáo khoa học cấp Trường.

Hoạt động phục vụ cộng đồng

Trường chú trọng tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề hướng nghiệp và ngày hội việc làm. Tại đây nhiều tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước được mời để trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn. Những hoạt động này cùng với những hỗ trợ/hợp tác khác đã giúp hàng trăm sinh viên có cơ hội thực tập và được tuyển dụng ngay khi tốt nghiệp.

Góp phần phục vụ và phát triển cộng đồng, các hoạt động hợp tác nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực với các chính quyền địa phương đã được đẩy mạnh trong thời gian qua. Theo đó, Trường đã ký kết hợp tác với nhiều chính quyền địa phương. Nhiều hội thảo và kết quả nghiên cứu về phát triển kinh tế - xã hội đã được triển khai tại các địa phương và đem lại kết quả tích cực, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương.

Ngoài ra, Nhà trường còn nhận nuôi 06 Bà mẹ Việt Nam anh hùng, đồng thời thăm hỏi những gia đình cán bộ chính sách, có công với đất nước. Hằng năm Nhà trường tổ chức cho tổ chức Đoàn Thanh niên cử sinh viên tham gia chiến dịch mùa hè xanh giúp đỡ những địa phương còn khó khăn về vật chất cũng như tinh thần, bên cạnh hoạt động mùa hè xanh Nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động khác như: chiến dịch tình nguyện hiến máu nhân đạo mỗi năm trên 100 đơn vị máu, tổ chức làm lồng đèn (gần 1000 chiếc) tặng cho các cháu thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thường xuyên hưởng ứng và tham gia các chương trình nhân đạo khác do Công đoàn cấp trên phát động.

Hoạt động quan hệ hợp tác

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ luôn tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác là các trường đại học, các công ty nước ngoài. Từ năm 2015 đến năm 2019, Trường đã ký kết được 10 Thỏa ước khung và Biên bản ghi nhớ hợp tác với các trường đại học và công ty nước ngoài như: Trường Đại học Ruse (Bulgaria), Trường Đại học Soonchunhyang (Hàn Quốc), Đại học Victoria Wellington (New Zealand), Trường Đại học Califonia Baptist (Hoa Kỳ), Trường Đại học Rajabhat Rajanagarindra (Thái Lan), Trường Đại học Khoa Học và Công Nghệ Quốc Gia Cao Hùng (Đài Loan), Công ty TNHH LinQ (New Zealand),

Trường Đại học Chodang (Hàn Quốc), Học viện Máy tính Kobe (Nhật Bản) và Học viện Ngoại ngữ Okayama (Nhật Bản). Trường hợp tác với Học viện Okayama để mở trung tâm đào tạo Tiếng Nhật tại Trường trong năm 2019, triển khai thực hiện chương trình tiếp nhận, trao đổi tình nguyện viên với các tổ chức quốc tế như chương trình Fulbright (Hoa Kỳ), Đại học Rajahat Rajanagarinda (Thái Lan), chương trình KIV (Hàn Quốc).

Trong năm 2019, Trường đã phối hợp với Công ty TNHH đào tạo và tư vấn du học Minh Tú tổ chức thành công Hội thảo quốc tế "Học tiếng Nhật và cơ hội việc làm cho sinh viên CTUT". Năm 2018, Trường phối hợp với Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội nghị quốc tế về Logistics và Kỹ thuật công nghiệp tại Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh. Năm 2017, Trường phối hợp với Trung tâm Động lực học thủy khí môi trường Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức thành công Hội nghị Khoa học Cơ học thủy khí toàn quốc lần thứ 20 tại Cần Thơ. Năm 2016, Trường tổ chức thành công Hội thảo Gắn kết Nhà trường với Doanh nghiệp. Cũng trong năm 2016, Trường phối hợp với Trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thành công Hội nghị Quốc tế ACOMP & FDSE 2016 thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, các giáo sư, phó giáo sư, chuyên gia, giảng viên, nghiên cứu sinh trong và ngoài nước tham dự.

Trong quá trình thành lập và phát triển Trường, tập thể CBVC và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội của Trường đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của UBND thành phố Cần Thơ, Đảng ủy Khối cơ quan Dân chính Đảng, Trung ương Đoàn và Thành đoàn Cần Thơ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên đoàn Lao động thành phố Cần Thơ.

1.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ

1.4.1. Cơ cấu tổ chức của Trường

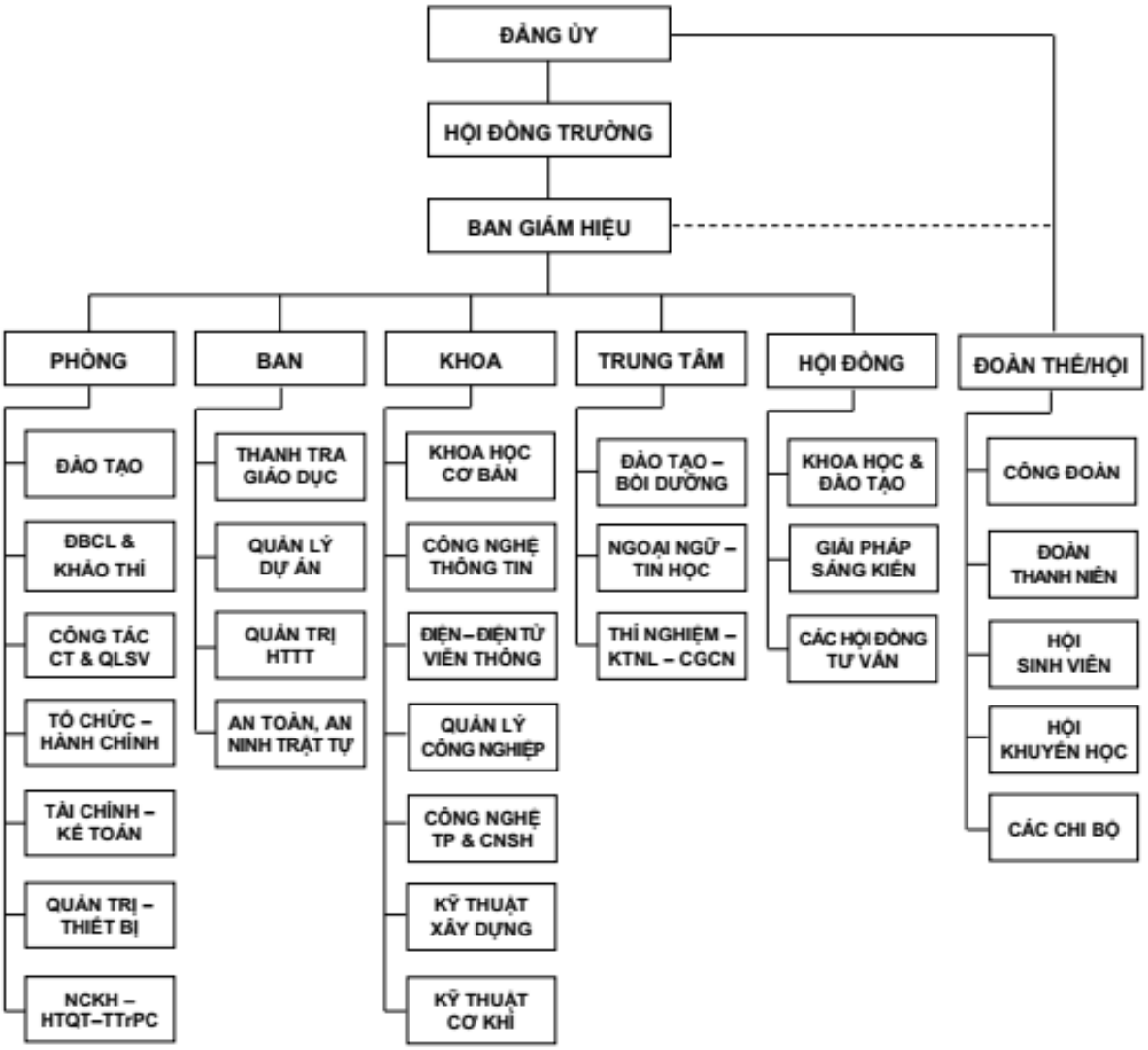

Ghi chú:

———————— : quan hệ lãnh đạo

- - - - - - - - - - - - - - : quan hệ phối hợp

1.4.2. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường

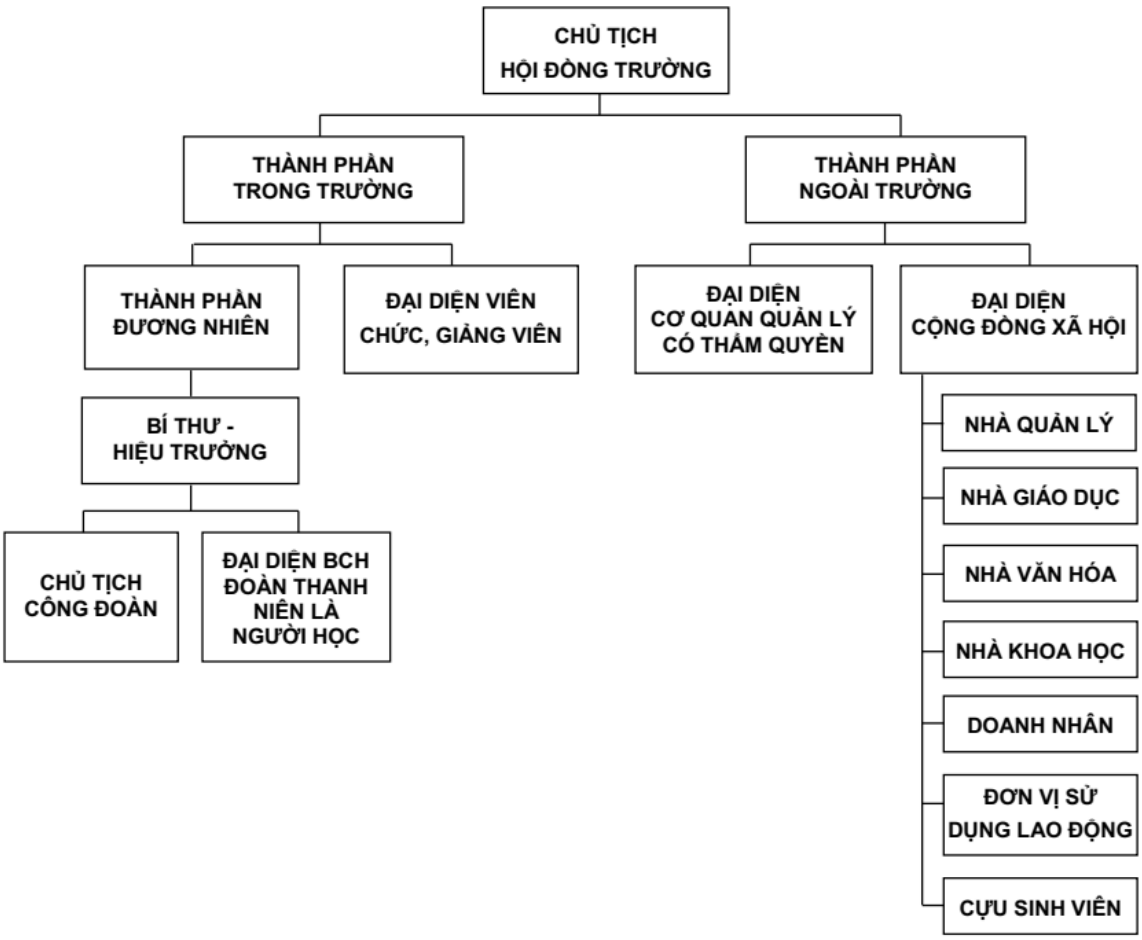

Khoa Công nghệ thực phẩm và Công nghệ sinh học được thành lập theo Quyết định số 66/QĐ-ĐHKTCN ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ. Năm năm 2020, tổng số CBGV là 19 người, trong đó có 5 CBGV nam và 15 CBGV nữ. Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm Ban Chủ nhiệm Khoa có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó Trưởng Khoa phụ trách điều hành Khoa, 01 CBGV được giao kiêm nhiệm công tác Trợ lý Khoa. Khoa có 02 Bộ môn là Bộ môn Công nghệ thực phẩm và Bộ môn Sinh Hóa được thành lập theo Quyết định số 117/QĐ-ĐHKTCNCT ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ. Đối với Bộ môn Công nghệ thực phẩm có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó Trưởng Bộ môn. Đối với Bộ môn Sinh hóa có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Trưởng Bộ môn. Tổ chức Đoàn Khoa CNTP và CNSH gồm 01 Chi đoàn CBGV và 08 Chi đoàn sinh viên, 1 Liên chi hội sinh viên khoa CNTP&CNSH, 1 Tổ Công đoàn Khoa có 19 công đoàn viên. Về trình độ chuyên môn: có 04 CBGV có trình độ Tiến sĩ, 17 CBGV có trình độ Thạc sĩ; 01 Kỹ sư. trong đó có 04 tiến sĩ, 14 thạc sĩ, 01 kỹ sư. Về cơ sở vật chất, Khoa được trang bị Văn phòng Khoa và các phòng thí nghiệm thực hành đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và NCKH.

Khoa CNTP và CNSH đang phụ trách đào tạo 02 ngành trình độ đại học: Công nghệ thực phẩm và Công nghệ sinh học. Hiện nay, tổng số quy mô sinh viên của khoa là 634, trong đó có 495 SV ngành Công nghệ thực phẩm.

Thường xuyên thực hiện phương châm "Lý thuyết đi đôi với thực hành", năm học vừa qua, hằng năm Khoa tổ chức cho trên 500 lượt sinh viên ngành Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sinh học đi tham quan thực tế, thực tập tại các Công ty, doanh nghiệp. Sinh viên của Khoa nhận được sự hài lòng của cơ sở thực tập cả về kiến thức chuyên môn lẫn đạo đức, tác phong trong công việc. Công tác gắn kết doanh nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên được đặc biệt quan tâm và có sự phát triển. Khoa đã tổ chức thành công Chương trình Tọa đàm kết nối "Doanh nghiệp - Sinh viên" năm 2019 và 2020. Chương trình Tọa đàm có nội dung phong phú, hấp dẫn, thiết thực đã thu hút hầu hết sinh viên tham dự. Qua đó, Khoa đã hợp tác với nhiều doanh nghiệp để trao quà, trao học bổng cho sinh viên, giải quyết việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp.

Tính đến tháng 10/2020, Khoa có 04 khóa sinh viên ngành Công nghệ thực phẩm tốt nghiệp, với 275 SV tốt nghiệp.

Tập thể Khoa luôn hoàn thành tốt công việc được giao, 100% CBGV hoàn thành định mức giờ chuẩn giảng dạy được giao. Năm học 2019-2020, Khoa được Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ tặng danh hiệu Tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu:

Mục tiêu của CTĐT phải được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Đồng thời, CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai. CTĐT, CĐR ngành Công nghệ thực phẩm được cập nhật, bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển theo định hướng chiến lược kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ của đất nước và phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế. CTĐT ngành CNTP trình độ đại học đã có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong cả nước, của các nước trong khu vực và trên thế giới. CTĐT ngành CNTP thể hiện mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành CNTP được sự góp ý của các bên liên quan (giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng ...) và được sự thống nhất cao của các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả:

Nhà trường ban hành CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm vào năm 2013, trong đó mục tiêu của CTĐT ngành CNTP được xác định rõ ràng, đó là: "Chương trình đào tạo (CTĐT) được thiết kế với mục tiêu đào tạo kỹ sư Công nghệ thực phẩm có kiến thức chuyên môn về chế biến, bảo quản lương thực thực phẩm; có kỹ năng thực hiện các hoạt động quản lý, vận hành, kiểm tra chất lượng, thiết kế các quy trình chế biến thực phẩm; đồng thời có đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thực phẩm, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực địa phương và cả nước, đặc biệt cho vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long dồi dào về nguyên liệu nông thủy sản." [H1.01.01.01]. CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được Nhà trường gửi đến Khoa Công nghệ thực phẩm và Công nghệ sinh học để thực hiện và thông báo, phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện [H1.01.01.02]. Ý kiến khảo sát của GV, SV, cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động thể hiện mục tiêu của CTĐT ngành CNTP được xác định rõ ràng [H1.01.01.03].

Ngay từ khi thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, trong Đề án thành lập Trường, Nhà trường xác định mục tiêu: "Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ là cơ sở giáo dục đại học công lập, đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học các chuyên ngành kỹ thuật công nghệ; đáp ứng nguồn nhân lực kỹ thuật công nghệ cho thành phố Cần Thơ nói riêng và các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các hoạt động văn hóa xã hội khác, nhà trường đóng vai trò là nhân tố thúc đẩy, ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Phấn đấu đến năm 2021, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học có uy tín trong nước" [H1.01.01.04]. Tháng 3 năm 2015, TN, SM của Trường được công bố tại Quyết định số 16/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/3/2015 của Hiệu trưởng Nhà trường [H1.01.01.05]. Sứ mạng của Trường được xác định: "Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ là cơ sở giáo dục đại học công lập, đào tạo trình độ đại học các chuyên ngành kỹ thuật công nghệ; đáp ứng nguồn nhân lực kỹ thuật công nghệ cho thành phố Cần Thơ nói riêng và các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung; Thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các hoạt động văn hóa xã hội khác, nhà trường đóng vai trò là nhân tố thúc đẩy, ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long" [H1.01.01.05]. Tầm nhìn của Nhà trường được xác định: "Phấn đấu đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học có uy tín trong nước" [H1.01.01.05]. Tháng 4 năm 2017, TN, SM của Trường được rà soát, cập nhật và bổ sung theo Quyết định số 155/QĐ-ĐHKTCN ngày 22/4/2017 của Hiệu trưởng về việc điều chỉnh, bổ sung TN, SM, giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược [H1.01.01.06]. Sứ mạng của Nhà trường được xác định: "Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, có kỹ năng nghề nghiệp tiếp cận với thực tiễn trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long" [H1.01.01.06]. Bên cạnh đó, tầm nhìn của Nhà trường là: "Hướng đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học phát triển bền vững, đào tạo có chất lượng theo hướng nghiên cứu, thực hành ngang tầm các trường đại học khối ngành kỹ thuật - công nghệ trong nước" [H1.01.01.06]. Tháng 02 năm 2020, TN, SM của Trường được rà soát, cập nhật và bổ sung theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHKTCN ngày 16/01/2020 của Hiệu trưởng về việc điều chỉnh, bổ sung TN, SM, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục [H1.01.01.07]. Sứ mạng của Nhà trường được xác định: "Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có đạo đức tốt và trình độ chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tốt trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ và cả nước"

[H1.01.01.07]. Tầm nhìn của Nhà trường được xác định là: "Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học đào tạo chuyên ngành kỹ thuật công nghệ có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ Cách mạng công nghệ công nghiệp 4.0" [H1.01.01.07]. Trên cơ sở SM, TN của Nhà trường đã được xác định, Khoa CNTP và CNSH xác định mục tiêu CTĐT ngành CNTP phù hợp với SM, TN của Trường. Trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTĐT ngành CNTP được bàn bạc, trao đổi thảo luận qua các cuộc họp của Bộ môn Công nghệ thực phẩm, thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, trong đó xem xét sự phù hợp giữa mục tiêu của CTĐT với SM, TN của Trường đã ban hành [H1.01.01.08], [H1.01.01.09]. Ngoài ra, Khoa CNTP và CNSH xem xét, tham khảo nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành CNTP [H1.01.01.10]. Dựa trên cơ sở của CTĐT ngành CNTP đã được ban hành, Nhà trường ban hành đề cương học phần ngành CNTP và Nhà trường ban hành ma trận kỹ năng vào năm 2013, điều chỉnh vào năm 2019, 2020 và bản mô tả học phần của ngành CNTP điều chỉnh vào năm 2019 và năm 2020.

Mục tiêu CTĐT ngành CNTP được xác định phù hợp với Luật GDĐH, Luật sửa đổi một số điều của Luật GDĐH [H1.01.01.11]. Trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT, Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH đã triển khai khảo sát, lấy ý kiến của GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng về CTĐT và mục tiêu của CTĐT ngành CNTP [H1.01.01.12]. Trên cơ sở đó, Khoa CNTP và CNSH tiếp thu ý kiến của GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT và mục tiêu của CTĐT ngành CNTP. CTĐT ngành CNTP, trong đó có mục tiêu được đăng tải trên website của Nhà trường, của Khoa CNTP và CNSH; niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16], [H1.01.01.16].

2. Điểm mạnh:

- Mục tiêu của CTĐT ngành CNTP được xác định rõ ràng; phù hợp với SM và TN của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH.

- Mục tiêu của CTĐT ngành CNTP tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh.

- Mục tiêu của CTĐT ngành CNTP được thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành CNTP chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Phòng ĐBCL&KT phối hợp với Khoa CNTP đa dạng hóa hình thức khảo sát ý kiến nhằm tăng số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành CNTP.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả:

Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần của Nhà trường đã ban hành có quy định về quy trình công bố CĐR của CTĐT [H1.01.02.01]. Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng và công bố CĐR của CTĐT của Trường [H1.01.02.02]. Ban Chỉ đạo xây dựng và công bố CĐR của Trường tổ chức các phiên họp, thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho các Khoa CNTP và CNSH xây dựng CĐR của CTĐT ngành CNTP [H1.01.02.03]. CĐR của các CTĐT của Nhà trường được xây dựng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành [H1.01.02.01]. Theo đó, CĐR của các CTĐT do các Khoa đề xuất, thông qua Hội đồng KH&ĐT, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.02.04]. Khoa CNTP và CNSH triển khai xây dựng dự thảo CĐR của CTĐT ngành CNTP, tổ chức lấy kiến các bên liên quan, nhà khoa học, GV, các nhà tuyển dụng, cựu SV [H1.01.02.01] [H1.01.02.05], [H1.01.02.06]. Nhà trường ban hành CĐR của CTĐT ngành CNTP vào năm 2015. Trên cơ sở đó, Nhà trường tiến hành rà soát vào năm 2017, năm 2019, trong đó, các CĐR của CTĐT ngành CNTP sau rà soát được giữ nguyên trong năm 2017 và có những điều chỉnh cụ thể vào năm 2019 [H1.01.02.07]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành ma trận kỹ năng vào năm 2013, điều chỉnh vào năm 2019, 2020 và bản mô tả học phần của ngành CNTP điều chỉnh vào năm 2019 và năm 2020.

CTĐT ngành CNTP được xây dựng và ban hành theo đúng quy định và nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR của học phần ngành CNTP được thể hiện trong đề cương học phần. Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần của Trường ban hành có yêu cầu các Khoa phải thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT [H1.01.02.01]. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan của Trường có nội dung khảo sát về CĐR của CTĐT và đề cương học phần [H1.01.02.08], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Theo đó, Khoa CNTP và CNSH lấy ý kiến của GV, SV, cựu SV và các doanh nghiệp, nhà tuyển

dụng về CĐR của CTĐT [H1.01.02.12]. Phòng ĐBCL&KT xử lý dữ liệu khảo sát các bên liên quan về CĐR của CTĐT, gửi đến Khoa để tham khảo trong quá trình điều chỉnh CĐR của các CTĐT [H1.01.02.13]. Ngoài ra, tại hội thảo, hội nghị do Trường tổ chức về hoạt động đào tạo, Nhà trường đồng thời lấy ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT và sử dụng tham khảo để điều chỉnh CĐR, CTĐT [H1.01.02.14], [H1.01.02.15]. CĐR của CTĐT ngành CNTP được đăng tải trên website của Nhà trường, của Khoa CNTP và CNSH; niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT [H1.01.02.16], [H1.01.02.17], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19], [H1.01.02.20].

2. Điểm mạnh:

- CĐR của CTĐT ngành CNTP được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT.

- CĐR của CTĐT ngành CNTP xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp.

- Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CĐR của CTĐT và tham khảo trong quá trình rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành CNTP.

3. Điểm tồn tại:

Khoa CNTP và CNSH chưa thực sự chủ động trong việc khảo sát ý kiến phản hồi của cựu SV, các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT ngành CNTP.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa CNTP và CNSH tích cực khảo sát ý kiến phản hồi của cựu SV, các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT ngành CNTP tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.3: CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả:

Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần của Trường, Nhà trường có yêu cầu phải thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT [H1.01.03.01]. Nhà trường phân công Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì, phối hợp với các phòng, khoa thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT [H1.01.03.02], [H1.01.03.03]. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan của Trường có nội dung khảo sát về CĐR của CTĐT và đề cương học phần [H1.01.03.04], [H1.01.03.05], [H1.01.03.06], [H1.01.03.07]. Theo đó, Khoa

CNTP và CNSH lấy ý kiến của GV, SV, cựu SV và các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT [H1.01.03.08]. Phòng ĐBCL&KT xử lý dữ liệu khảo sát các bên liên quan về CĐR của CTĐT, gửi đến Khoa để tham khảo trong quá trình điều chỉnh CĐR của các CTĐT [H1.01.03.09]. Ngoài ra, tại hội thảo, hội nghị do Trường tổ chức về hoạt động đào tạo, Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH đồng thời lấy ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT ngành CNTP và sử dụng tham khảo để điều chỉnh CĐR, CTĐT ngành CNTP [H1.01.03.10], [H1.01.03.11]. Trong quá trình thông qua CTĐT và CĐR của CTĐT ngành CNTP được điều chỉnh, Bộ môn, Khoa và Hội đồng KH&ĐT Nhà trường xem xét việc tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng và nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành CNTP.

Năm 2019, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường đã được điều chỉnh, trong đó điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường và thông báo đến các đơn vị biết để triển khai thực hiện [H1.01.03.12]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT của Trường vào năm 2017, 2018 và 2019 và thông báo đến các Khoa để triển khai rà soát các CTĐT đã ban hành [H1.01.03.13], [H1.01.03.14]. Năm 2017, 2018, 2019, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh CTĐT, trong đó có điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành CNTP và thông báo đến các khoa, GV, SV biết để thực hiện [H1.01.03.15], [H1.01.03.16].

Nhà trường ban hành CĐR của ngành CNTP đã được điều chỉnh và gửi đến Khoa để thực hiện cũng như thông báo, phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện. CĐR của ngành CNTP đồng thời được thể hiện trong ma trận kỹ năng và CĐR học phần được thể hiện trong đề cương học phần. CĐR của CTĐT ngành CNTP được đăng tải trên website của Nhà trường, của Khoa CNTP và CNSH; niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT [H1.01.03.17], [H1.01.03.18], [H1.01.03.19], [H1.01.03.20], [H1.01.03.21]. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH phổ biến đến SV về CĐR của CTĐT ngành CNTP tại Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học [H1.01.03.22]. Ngoài ra, tại buổi học đầu tiên, GV bộ môn phổ biến đến SV đề cương học phần, trong đó có CĐR của học phần.

2. Điểm mạnh:

- CĐR của CTĐT ngành CNTP được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động.

- CĐR của CTĐT ngành CNTP được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường.

- CĐR của CTĐT ngành CNTP được công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành CNTP ký kết hợp tác với Khoa CNTP và CNSH chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa CNTP và CNSH tăng cường ký kết hợp tác với các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành CNTP.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu của CTĐT ngành CNTP được xác định rõ ràng; phù hợp với SM và TN của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT ngành CNTP tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh và thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau. CĐR của CTĐT ngành CNTP được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành CNTP xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành CNTP được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT ngành CNTP được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường. CĐR của CTĐT ngành CNTP được công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần.

Tuy nhiên, số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành CNTP chưa nhiều. Khoa CNTP và CNSH chưa thực sự chủ động trong việc khảo sát ý kiến phản hồi của cựu SV, các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT ngành CNTP. Số lượng các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành CNTP ký kết hợp tác với Khoa CNTP và CNSH chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu:

Bản mô tả CTĐT ngành CNTP đầy đủ thông tin và cập nhật bao gồm: tên CSGD; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); đề cương các môn học/học phần; thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT. Đề cương các học phần của nhành

CNTP đầy đủ thông tin và cập nhật, được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của nhà trường. Bên cạnh đó, bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của ngành CNTP được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả:

Năm 2013, Nhà trường ban hành Bản mô tả CTĐT ngành CNTP [H2.02.01.01]. Năm 2020, sau khi tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ GD&ĐT ban hành, Nhà trường ban hành Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT, CĐR, ĐC học phần, Bản mô tả CTĐT và triển khai thực hiện [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], [H2.02.01.04]. Trên cơ sở đó, Khoa CNTP và CNSH họp triển khai rà soát CTĐT ngành CNTP, CĐR, ĐC học phần, Bản mô tả CTĐT, tiếp thu ý kiến góp ý của GV; kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV; tham khảo kết quả đối sánh với CTĐT ngành CNTP của Trường ĐH SPKT Vĩnh Long, Trường Đại học Cần Thơ để điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành CNTP [H2.02.01.05], [H2.02.01.06], [H2.02.01.07], [H2.02.01.08]. Bản mô tả CTĐT ngành CNTP bao gồm đầy đủ thông tin cần thiết bao gồm: tên CSGD; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); đề cương các môn học; thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT. Nhà trường ban hành Bản mô tả CTĐT ngành CNTP đã được điều chỉnh, cập nhật [H2.02.01.09].

Khoa CNTP và CNSH thực hiện báo cáo đối sánh giữa các Bản mô tả CTĐT, trong đó thể hiện Bản mô tả CTĐT ngành CNTP được ban hành vào năm 2016, 2017, 2019 và năm 2020 có cập nhật ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR) so với Bản mô tả CTĐT được ban hành năm 2013 [H2.02.01.10]. Bên cạnh đó, năm 2020, Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH triển khai để GV xây dựng Bản mô tả học phần. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Bản mô tả học phần đối với tất cả các học phần ngành CNTP. Bản mô tả CTĐT ngành CNTP được Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH đăng tải trên website của Trường và của Khoa, niêm yết trong Sổ tay CTĐT, thể hiện trong phần mềm quản lý đào tạo [H2.02.01.11], [H2.02.01.12], [H2.02.01.13], [H2.02.01.14]. Ngoài ra, SV được phổ biến về Bản mô tả CTĐT tại Tuần Sinh hoạt công dân đầu khóa học và đầu năm học cũng như tại các buổi sinh hoạt lớp [H2.02.01.15], [H2.02.01.16], [H2.02.01.17], [H2.02.01.18].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành Bản mô tả CTĐT ngành CNTP và thông báo đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau.

- Năm 2020, Khoa CNTP và CNSH thực hiện điều chỉnh, cập nhật Bản mô tả CTĐT ngành CNTP với đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định của tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ GD&ĐT ban hành.

- Năm 2020, GV Khoa CNTP và CNSH xây dựng Bản mô tả học phần và trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Bản mô tả học phần đối với tất cả các học phần của ngành CNTP.

3. Điểm tồn tại:

Khoa CNTP và CNSH chưa tham khảo Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản mô tả CTĐT.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa CNTP và CNSH tham khảo Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản mô tả CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả:

Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2015; Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2020 và Quy trình biên soạn, hiệu chỉnh, thẩm định đề cương chi tiết học phần có hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng ĐC học phần với các biểu mẫu thực hiện cụ thể [H2.02.02.01], [H2.02.02.02]. Nhà trường thông báo đến các Khoa để thực hiện và trên cơ sở đó, Khoa CNTP và CNSH triển khai để GV rà soát, điều chỉnh ĐC học phần [H2.02.02.03], [H2.02.02.04]. Nhà trường cử GV tham gia các khóa tập huấn về xây dựng CĐR và ĐC học phần, đồng thời Nhà trường tổ chức tập huấn cho các Khoa và GV về việc xây dựng CĐR và ĐC học phần dựa trên CĐR của CTĐT [H2.02.02.05]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp Khoa CNTP và CNSH và trong quá trình triển khai xây dựng ĐC học phần, BCN Khoa CNTP và CNSH luôn hướng dẫn, yêu cầu GV phải dựa trên CĐR của CTĐT [H2.02.02.06]. Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường, Nhà trường quy định cụ thể về trách nhiệm của các hội đồng, Phòng ĐT, các Khoa trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường. Nhà trường giao trách nhiệm cho Hội đồng KH&ĐT thành lập Ban rà soát xây dựng, điều chỉnh CTĐT, CĐR của CTĐT (Ban rà soát) vào năm 2017 và năm 2019, theo đó Ban rà soát có trách nhiệm lập kế hoạch xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT, CĐR của CTĐT, ĐC học phần và trình Hội đồng KH&ĐT Trường phê duyệt [H2.02.02.07], [H2.02.02.08]. Phòng ĐT có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ liên quan đến CĐR, CTĐT, ĐC học phần, đồng thời trình

Hiệu trưởng ban hành quyết định điều chỉnh CTĐT, CĐR, ĐC học phần [H2.02.02.09], [H2.02.02.10], [H2.02.02.11], [H2.02.02.12]. Các Khoa có trách nhiệm triển khai điều chỉnh CĐR, CTĐT, ĐC học phần theo quy định [H2.02.02.09], [H2.02.02.10], [H2.02.02.11], [H2.02.02.12]. GV có trách nhiệm thực hiện rà soát, điều chỉnh ĐC học phần và tham gia góp ý CTĐT, CĐR của CTĐT [H2.02.02.13]. Khoa CNTP và CNSH phân công GV biên soạn ĐC học phần theo biểu mẫu đã ban hành, trong đó có lưu ý đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định. ĐC học phần do GV biên soạn được thông qua Bộ môn và thông qua Khoa CNTP và CNSH, trong đó ĐC học phần đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định. Khoa CNTP và CNSH tổng hợp ĐC học phần do GV xây dựng đã được Hội đồng KH&ĐT Khoa thông qua và gửi về Phòng ĐT, trên cơ sở đó, Phòng ĐT kiểm tra định dạng, một số yêu cầu chung, thông qua Hội đồng KH&ĐT Trường, trình Hiệu trưởng ký ban hành. Trong ĐC học phần của ngành CNTP đầy đủ thông tin bao gồm: tên môn học; số tín chỉ; mục tiêu, CĐR của môn học, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của môn học; cấu trúc môn học; phương pháp dạy học; phương thức KTĐG; tài liệu chính và tài liệu tham khảo; tên GV phụ trách môn học.

Theo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐC học phần của Trường ban hành, khi triển khai xây dựng, điều chỉnh CĐR, CTĐT đều tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan. Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và phối hợp các Khoa tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT, ĐC học phần. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được gửi đến các Khoa để tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT, ĐC học phần [H2.02.02.14], [H2.02.02.15], [H2.02.02.16], [H2.02.02.17], [H2.02.02.18], [H2.02.02.19], [H2.02.02.20]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT vào năm 2017, 2018 và 2019 và thông báo đến các Khoa để triển khai rà soát các CTĐT đã ban hành [H2.02.02.11], [H2.02.02.21]. Trong kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT của Nhà trường ban hành đồng thời yêu cầu các Khoa triển khai rà soát, điều chỉnh ĐC học phần. Năm 2017, 2018, 2019, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh CTĐT và thông báo đến các khoa, GV, SV biết để thực hiện Đồng thời, ĐC học phần ngành CNTP đã được Khoa CNTP và CNSH rà soát, điều chỉnh vào năm 2019, 2020 [H2.02.02.22], [H2.02.02.23]. Bên cạnh đó, năm 2020, Nhà trường ban hành Bản mô tả học phần của CTĐT ngành CNTP. Khoa CNTP và CNSH thông báo, phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2015 và Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2020.

- Nhà trường ban hành đầy đủ ĐCCT học phần ngành CNTP và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định.

- ĐCCT học phần ngành CNTP được rà soát, điều chỉnh vào năm 2019 và 2020.

- Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH xây dựng và ban hành Bản mô tả học phần đối ngành CNTP với tất cả các học phần.

3. Điểm tồn tại:

Biểu mẫu ĐC học phần của ngành CNTP chưa tham khảo hoàn toàn ĐC học phần của CDIO.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa CNTP và CNSH tham khảo ĐC học phần của CDIO để phục vụ rà soát, điều chỉnh ĐC học phần ngành CNTP.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả:

Bản mô tả CTĐT ngành CNTP được đăng tải trên website của Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH [H2.02.03.01], [H2.02.03.02]. Bên cạnh đó, Bản mô tả CTĐT ngành CNTP được niêm yết trong Sổ tay SV, Sổ tay GV, Sổ tay CTĐT, thể hiện trong phần mềm quản lý đào tạo [H2.02.03.03], [H2.02.03.04]. Ngoài ra, SV được phổ biến về Bản mô tả CTĐT tại Tuần Sinh hoạt công dân đầu khóa học và đầu năm học cũng như tại các buổi sinh hoạt lớp [H2.02.03.05], [H2.02.03.06], [H2.02.03.07], [H2.02.03.08].

ĐCCT học phần ngành CNTP được đăng tải trên website Nhà trường và Khoa CNTP và CNS. Bên cạnh đó, ĐCCT học phần ngành CNTP được niêm yết trong Sổ tay SV, Sổ tay GV, Sổ tay CTĐT, thể hiện trong phần mềm quản lý đào tạo. Ngoài ra, SV được phổ biến về ĐCCT học phần ngành CNTP tại Tuần Sinh hoạt công dân đầu khóa học và đầu năm học cũng như tại các buổi sinh hoạt lớp, đặc biệt là GV thông báo ngay tại buổi học đầu tiên của học phần. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu BCN Khoa quán triệt GV phổ biến đầy đủ về đề cương các học phần đến người học trong buổi học đầu tiên và nội dung này được thể hiện trong Quy định đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường [H2.02.03.09], [H2.02.03.10], [[H2.02.03.11], [H2.02.03.12],

[H2.02.03.13]. Trên cơ sở đó, tại cuộc họp của Khoa CNTP và CNSH, BCN Khoa thường xuyên nhắc nhở, lưu ý GV phổ biến đầy đủ về ĐC học phần đến người học trong buổi học đầu tiên và GV của Trường thông báo, phổ biến đến người học về ĐC học phần ngay tại buổi học đầu tiên.

Năm 2019, Nhà trường ban hành Quy định về khảo sát ý kiến các bên liên quan trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và triển khai thực hiện [H2.02.03.14], [H2.02.03.15]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và phân công Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì thực hiện [H2.02.03.16], [H2.02.03.17], [H2.02.03.18], [H2.02.03.19], [H2.02.03.20]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan có nội dung khảo sát về CTĐT. Bên cạnh đó, năm 2020, Nhà trường ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV và triển khai thực hiện [H2.02.03.21]. Kết quả khảo sát thể hiện các bên liên quan dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT và ĐC học phần. Ngoài ra, ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm và các buổi sinh hoạt lớp thể hiện SV dễ dàng và thuận tiện trong việc tiếp cận Bản mô tả CTĐT và ĐC học phần [H2.02.03.22].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH xây dựng và ban hành Bản mô tả CTĐT, ĐC học phần ngành CNTP.

- Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNTP được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

- ĐCCT học phần ngành CNTP được thông báo đến SV ngay tại buổi học đầu tiên.

- Hằng năm, Nhà trường khảo sát sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan thể hiện các bên liên quan dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT và ĐC học phần.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNTP đến các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, hằng năm, Phòng ĐBCL&KT phối hợp với Khoa CNTP và CNSH đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNTP đến các bên liên quan.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Nhà trường ban hành Bản mô tả CTĐT ngành CNTP và thông báo đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau. Năm 2020, Khoa CNTP và CNSH thực hiện điều chỉnh, cập nhật Bản mô tả CTĐT ngành CNTP với đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định của tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ GD&ĐT ban hành. Bên cạnh đó, GV Khoa CNTP và CNSH xây dựng Bản mô tả học phần và trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Bản mô tả học phần đối với tất cả các học phần của ngành CNTP. Nhà trường ban hành đầy đủ ĐCCT học phần ngành CNTP và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định. ĐCCT học phần ngành CNTP được rà soát, điều chỉnh vào năm 2019 và 2020. Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH xây dựng và ban hành Bản mô tả học phần đối ngành CNTP với tất cả các học phần. Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNTP được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT học phần ngành CNTP được thông báo đến SV ngay tại buổi học đầu tiên. Hằng năm, Nhà trường khảo sát sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan thể hiện các bên liên quan dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT và ĐC học phần.

Tuy nhiên, Khoa CNTP và CNSH chưa tham khảo Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản mô tả CTĐT. Biểu mẫu ĐC học phần của ngành CNTP chưa tham khảo hoàn toàn ĐC học phần của CDIO. Nhà trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNTP đến các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí, Khoa CNTP và CNSH tự đánh giá cả 3 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu:

Chương trình dạy học của một chương trình đào tạo ở một trình độ cụ thể bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra đối với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần. CTDH ngành CNTP được thiết kế dựa trên CĐR, trong đó đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. Bên cạnh đó, CTDH ngành CNTP có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CĐR.

1. Mô tả:

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị, Phòng ĐT là đơn vị tham mưu BGH xây dựng hệ thống văn bản liên quan đến lĩnh vực đào tạo để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và trình Hiệu trưởng ban hành các CTĐT và các học phần của Trường [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04], [H1.01.01.05]. Căn cứ các văn bản quy định về đào tạo trình độ đại học, Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Phòng ĐT dự thảo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường, gửi đến các Khoa để lấy ý kiến góp ý và điều chỉnh, bổ sung, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, cuộc họp của Hội đồng KH&ĐT của Trường và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.01.06], [H3.03.01.07], [H3.03.01.08], [H3.03.01.09], [H3.03.01.10], [H3.03.01.11], [H3.03.01.12], [H3.03.01.13], [H3.03.01.14], [H3.03.01.15], [H3.03.01.16]. Năm 2015, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường [H3.03.01.16]. Năm 2020, Phòng ĐT tổ chức họp với các đơn vị để rà soát Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường đã ban hành năm 2015, tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị để chỉnh sửa Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT đã được điều chỉnh. Nhà trường thông báo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời yêu cầu các đơn vị phổ biến đến GV biết để thực hiện [H3.03.01.17]. Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường được đăng tải trên website của Trường, Phòng ĐT và các Khoa [H3.03.01.18], [H3.03.01.19]. Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành quy định CTDH được xây dựng dựa trên CĐR, đặc biệt là trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2020 nêu rõ CTDH được xây dựng dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Nhà trường cử GV tham gia các khóa tập huấn về xây dựng CTĐT dựa trên CĐR, đồng thời Nhà trường tổ chức tập huấn cho các Khoa và GV về việc xây dựng CTĐT dựa trên CĐR [H3.03.01.20]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp Khoa CNTP và CNSH và trong quá trình triển khai xây dựng, rà soát CTDH, BCN Khoa CNTP và CNSH hướng dẫn GV về xây dựng CTĐT dựa trên CĐR [H3.03.01.21]. Theo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐC học phần của Trường ban hành, khi triển khai xây dựng, điều chỉnh CĐR, CTDH đều tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan. Trên cơ sở đó, Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và phối hợp Khoa CNTP và CNSH tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong quá trình điều chỉnh CTDH ngành CNTP. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được gửi đến Khoa CNTP và CNSH

để tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH ngành CNTP. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường ban hành 07 CTĐT của Trường, điều chỉnh 11 CTĐT của Trường [H3.03.01.22], [H3.03.01.23]. CTDH ngành CNTP của Nhà trường được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường năm 2020 do Nhà trường ban hành có hướng dẫn về việc xác định các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp KTĐG KQHTcủa SV phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn về việc xác định các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của SV [H3.03.01.24]. Tại các cuộc họp Khoa CNTP và CNSH, BCN Khoa hướng dẫn, yêu cầu GV xác định các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của SV phù hợp, góp phần đạt được CĐR của ngành CNTP đã xác định cũng như CĐR của học phần [H3.03.01.25]. Trên cơ sở đó, GV Khoa CNTP và CNSH xác định các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của SV và thể hiện trong ĐC học phần [H3.03.01.26]. Ngoài ra, hằng năm, tất cả GV Khoa CNTP và CNSH kê khai lịch trình giảng dạy và được lưu trữ trong hồ sơ GV . Năm 2020, Nhà trường ban hành ma trận kỹ năng ngành CNTP và kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH ngành CNTP [H3.03.01.27].

2. Điểm mạnh:

- Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, trong đó thể hiện rõ quy trình xây dựng, rà soát, đánh giá CTDH và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân thực hiện.

- Nhà trường triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Trường ban hành, trong đó CTDH ngành CNTP được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

- GV ngành CNTP xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của SV trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại:

Các PPGD hiện đại được GV Khoa CNTP xác định trong ĐC học phần chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa CNTP triển khai để GV tăng cường xác định các PPGD hiện đại trong ĐC học phần để từ đó áp dụng trong quá trình giảng dạy nhằm đạt CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng.

1. Mô tả:

Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2015 và năm 2020 có hướng dẫn xác định các học phần trong CTDH tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR thông qua việc xác lập ma trận kỹ năng [H3.03.02.01]. Tại các cuộc họp của Khoa CNTP và CNSH, BCN Khoa hướng dẫn hướng dẫn GV xác định các học phần trong CTDH tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR cũng như xác định các ma trận kỹ năng [H3.03.02.02]. Trên cơ sở đó, GV Khoa CNTP và CNSH tham khảo CTĐT ngành CNTP của Trường ĐH SPKT Vĩnh Long, Trường Đại học Cần Thơ để xác định các học phần trong CTDH tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR [H3.03.02.03], [H3.03.02.04]. Bên cạnh đó, trong quá trình thông qua CTDH ngành CNTP, Hội đồng KH&ĐT Khoa và Hội đồng KH&ĐT Trường xem xét đến việc các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR [H3.03.02.05]. Các học phần trong CTDH ngành CNTP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR được xác định và thể hiện rõ trong ma trận kỹ năng, trong Bản mô tả CTĐT, Bản mô tả học phần. CTDH ngành CNTP được công bố công khai đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau [H3.03.02.06], [H3.03.02.07].

Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2015 và năm 2020 có hướng dẫn xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG của môn học phần phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR [H3.03.02.01]. Tại các cuộc họp của Khoa CNTP và CNSH, BCN Khoa hướng dẫn hướng dẫn GV xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG của học phần phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR [H3.03.02.02]. Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn về phương pháp KTĐG KQHT của SV, hướng dẫn rubric đánh giá, hướng dẫn các phương pháp dạy học tích cực [H3.03.02.08]. Trên cơ sở đó, GV Khoa CNTP và CNSH xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG của học phần phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Hằng năm, căn cứ CTDH đã được phê duyệt, Phòng ĐT xây dựng kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH, trình Hiệu trưởng ký ban hành và triển khai thực hiện [H3.03.02.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành và triển khai kế hoạch năm học trong toàn trường [H3.03.02.10].

Nội dung các môn học trong CTDH ngành CNTP với việc đạt được CĐR được thể hiện trong ma trận kỹ năng, Bản mô tả CTĐT, Bản mô tả học phần, ĐC học phần. Năm 2019, Nhà trường ban hành quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và hằng năm ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan của Trường. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT, trong đó có khảo sát về nội dung các môn học trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR ngành CNTP [H3.03.02.11], [H3.03.02.12], [H3.03.02.13], [H3.03.02.14], [H3.03.02.15], [H3.03.02.16]. Bên cạnh đó, năm 2020, Nhà trường ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV và triển khai thực hiện [H3.03.02.17]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được Khoa CNTP và CNSH sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH ngành CNTP [H3.03.02.18]. Ngoài ra, trong các cuộc họp nghiệm thu CTDH và ĐC học phần ngành CNTP luôn chú trọng đến việc tham khảo, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan [H3.03.02.19].

2. Điểm mạnh:

- Các học phần trong CTDH ngành CNTP được cấu trúc thành từng khối kiến thức gắn kết giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành.

- Tất cả các học phần trong CTDH ngành CNTP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.

- Tất cả ĐC học phần trong CTDH ngành CNTP xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.

- Nội dung các môn học/học phần trong CTDH ngành ngành CNTP thể hiện việc đạt được CĐR.

- Hằng năm, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung về CTDH ngành CNTP.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành CNTP tại các hội nghị, hội thảo do Khoa CNTP và CNSH tổ chức chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, hằng năm, Khoa CNTP tổ chức hội nghị, hội thảo và tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức, Khoa CNTP tăng cường lấy ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng và cựu SV về CTDH ngành CNTP.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 3.3: CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả:

Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2015 và năm 2020 có yêu cầu và hướng dẫn xác định các học phần trong CTDH có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất với các biểu mẫu cụ thể để thực hiện [H3.03.03.01]. Tại các cuộc họp của Khoa CNTP và CNSH, BCN Khoa hướng dẫn hướng dẫn GV xác định các học phần trong cấu trúc của CTDH nhằm đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất [H3.03.03.02]. Bên cạnh đó, Khoa CNTP và CNSH tổ chức hướng dẫn, thảo luận với GV về việc xác định các môn học trong cấu trúc của CTDH nhằm đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Trên cơ sở đó, GV Khoa CNTP và CNSH tham khảo CTĐT ngành CNTP của Trường ĐH SPKT Vĩnh Long, Trường ĐH Cần Thơ để xác định các học phần trong cấu trúc của CTDH nhằm đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất [H3.03.03.03], [H3.03.03.04]. CTDH ngành CNTP được thông qua Hội đồng KH&ĐT Khoa, Hội đồng KH&ĐT Trường, trong đó chú ý xem xét về các môn học trong cấu trúc của CTDH nhằm đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. [H3.03.03.05]. Năm 2015, CTDH ngành CNTP gồm 143 tín chỉ, được cập nhật vào năm 2020 bao gồm 141 tín chỉ đối với hệ Cử nhân, 161 tín chỉ đối với hệ Kỹ sư,với các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, có cấu trúc chặt chẽ, gắn kết, liền mạch và là một khối thống nhất. CTDH ngành CNTP năm 2020 với khối kiến thức đại cương có 41 tín chỉ bao gồm các môn học: Môn bắt buộc: 39 ; Môn tự chọn: 02 ; cơ sở ngành có 37 tín chỉ bao gồm các môn học: Môn bắt buộc: 33 ; Môn tự chọn: 04; chuyên ngành có 72 tín chỉ (hệ kỹ sư) bao gồm các môn học: Môn bắt buộc: 62; Môn tự chọn: 08; chuyên ngành có 52 tín chỉ (hệ cử nhân) bao gồm các môn học: Môn bắt buộc: 44; Môn tự chọn: 08 (Chưa bao gồm GDTC và GDQP: 11 TC) [H3.03.03.06]

Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2015 và năm 2020 có yêu cầu và hướng dẫn bố trí hợp lý các môn học trong CTDH [H3.03.03.01]. Trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNTP, Khoa CNTP và CNSH luôn chú trọng đến việc bố trí hợp lý của các học phần và thảo luận cụ thể trong các cuộc họp của Khoa cũng

như của bộ môn. Bên cạnh đó, Hội đồng KH&ĐT Khoa và Hội đồng KH&ĐT Trường xem xét đến việc bố trí hợp lý của các học phần khi thông qua CTDH ngành CNTP. CTDH ngành CNTP được bố trí theo học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kỳ thực hiện,... [H3.03.03.06]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành Bản mô tả CTĐT, Bản mô tả học phần của CTĐT ngành CNTP.

Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT của Trường vào năm 2017, 2018, 2019, 2020 và thông báo đến các Khoa để triển khai rà soát các CTDH đã ban hành [H3.03.03.07], [H3.03.03.08]. Trong kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá CTDH, Nhà trường yêu cầu các Khoa trong quá trình điều chỉnh CTDH phải tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, đồng thời lấy kiến phản hồi của các bên liên quan. Trong kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan của Nhà trường luôn có nội dung khảo sát về CTĐT [H3.03.03.09], [H3.03.03.10], [H3.03.03.11], [H3.03.03.12], [H3.03.03.13], [H3.03.03.14], [H3.03.03.15]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTĐT được Phòng ĐBCL&KT xử lý và gửi đến các Khoa để tham khảo và sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH [H3.03.03.16]. Ngoài ra, tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức, Nhà trường đồng thời lấy ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động về CTDH và các Khoa đã sử dụng kết quả để tham khảo trong quá trình điều chỉnh CTDH [H3.03.03.17], [H3.03.03.18]. CTDH ngành CNTP tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh. Hằng năm, Phòng ĐT xây dựng kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH, trình Hiệu trưởng ký ban hành và triển khai thực hiện [H3.03.03.19], [H3.03.03.20].

Khoa CNTP và CNSH họp và lựa chọn CTDH trong nước và quốc tế để tham khảo. Khoa CNTP và CNSH xác định tham khảo CTDH trong nước cua Trường ĐH SPKT Vĩnh Long, Trường ĐH Cần Thơ và CTDH quốc tế của Trường ĐH UPC (Universitat Politècnica de Catalunya) [H3.03.03.03] [H3.03.03.04] [H3.03.03.21]. Trên cơ sở đó, Khoa CNTP và CNSH tham khảo CTĐT ngành CNTP của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH nhằm đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. CTDH ngành CNTP được công khai bằng nhiều hình thức khác nhau [H3.03.03.22], [H3.03.03.23].

2. Điểm mạnh:

- Các học phần trong CTDH ngành CNTP được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

- Tất cả các học phần trong CTDH ngành CNTP được bố trí hợp lý, có tính hệ thống, đảm bảo học phần song hành, học trước và tiên quyết.

- CTDH ngành CNTP được rà soát, điều chỉnh vào năm 2106, 2017, 2019 và năm 2020.

- Khoa CNTP và CNSH tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng CTĐT của các trường ĐH quốc tế được Khoa CNTP và CNSH tham khảo để điều chỉnh CTDH ngành CNTP chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa CNTP tăng cường tham khảo CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh CTDH ngành CNTP.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, trong đó thể hiện rõ quy trình xây dựng, rà soát, đánh giá CTDH và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân thực hiện. Nhà trường triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Trường ban hành, trong đó CTDH ngành CNTP được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. GV ngành CNTP xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của SV trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Các học phần trong CTDH ngành CNTP được cấu trúc thành từng khối kiến thức gắn kết giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Tất cả các học phần trong CTDH ngành CNTP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Tất cả ĐC học phần trong CTDH ngành CNTP xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung các môn học/học phần trong CTDH ngành ngành CNTP thể hiện việc đạt được CĐR. Hằng năm, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung về CTDH ngành CNTP. Các học phần trong CTDH ngành CNTP được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Tất cả các học phần trong CTDH ngành CNTP được bố trí hợp lý, có tính hệ thống, đảm bảo học phần song hành, học trước và tiên quyết. CTDH ngành CNTP được rà soát, điều chỉnh vào năm 2106, 2017, 2019 và năm 2020. Khoa CNTP và CNSH tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

Tuy nhiên, các PPGD hiện đại được GV Khoa CNTP xác định trong ĐC học phần chưa nhiều. Số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành CNTP tại các hội nghị, hội thảo do Khoa CNTP và CNSH tổ chức chưa nhiều.

Số lượng CTĐT của các trường ĐH quốc tế được Khoa CNTP và CNSH tham khảo để điều chỉnh CTDH ngành CNTP chưa nhiều. Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí, Khoa CNTP và CNSH tự đánh giá 2 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu:

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học đóng vai trò quan trọng trong giáo dục đại học. Khoa CNTP&CNSH chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho người học. Bên cạnh đó, triết lý giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Ngoài ra, các hoạt động dạy và học của ngành CNTP được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR, đồng thời thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả:

Năm 2017, Nhà trường đề ra phương châm giáo dục“Lý thuyết đi đôi với ứng dụng thực tiễn” và được thể hiện trong Brochure quảng bá tuyển sinh của Trường, tuy nhiên Nhà trường chưa ban hành triết lý giáo dục [H4.04.01.01], [H4.04.01.02], [H4.04.01.03]. Đến năm 2019, Nhà trường triển khai rà soát TN, SM, GTCL, TLGD và thông báo đến các đơn vị đóng góp ý kiến về TLGD của Trường [H4.04.01.04]. Căn cứ các ý kiến góp ý của các đơn vị và xu thế phát triển của Trường, Đảng ủy và BGH quyết định TLGD là “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” vì phù hợp với xu thế, định hướng phát triển của Trường cũng như xu hướng mới của giáo dục đại học [H4.04.01.05], [H4.04.01.06], [H4.04.01.07], [H4.04.01.08]. TLGD của Nhà trường được xác định là: “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” và được ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHKTCN ngày 16/01/2020 [H4.04.01.03].

TLGD của Nhà trường được Đảng ủy, Hội đồng Trường và BGH xác định dựa trên SM, TN và Kế hoạch định hướng phát triển của Trường hướng đến năm 2030 là trường đại học phát triển bền vững, đào tạo có chất lượng theo hướng nghiên cứu, thực hành ngang tầm các trường đại học khối ngành kỹ thuật

- công nghệ trong nước [H4.04.01.04], [H1. 04.01.05], [H1. 04.01.06]. TLGD của Nhà trường ban hành bằng văn bản, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H1. 04.01.07].

Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường luôn yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trực thuộc chú trọng phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết và hiểu về TLGD của Trường. Tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị cũng như tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học, lãnh đạo các đơn vị phổ biến, giải thích để CB, GV, NV, SV biết và hiểu về TLGD của Trường [H4.04.01.08], [H4.04.01.09]. Trong nội dung sinh hoạt lớp, CVHT phổ biến về TLGD của Trường [H4.04.01.10]. Ngoài ra, TLGD của Trường được đăng tải trên website Trường và các đơn vị, được niêm yết tại các bảng thông báo và được đặt tại những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên Trường cũng như in ấn trên các Brochure của Trường, Sổ tay SV [H4.04.01.11], [H4.04.01.12], [H4.04.01.13], [H4.04.01.14], [H1. 04.01.15], [H4.04.01.16]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV về TLGD [H4.04.05.17], [H4.04.05.18], [H4.04.05.19], [H4.04.05.20], [H4.04.05.21], [H4.04.05.22], [H4.04.05.23], [H4.04.05.24], [H4.04.05.25], [H4.04.05.26]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD của Trường [H4.04.05.27], [H4.04.05.28].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường tuyên bố TLGD "Đức trí – Kỹ năng – Sáng tạo – Hội nhập" và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường.

- Triết lý giáo dục được cán bộ, GV, SV của Trường hiểu rõ và triển khai thực hiện.

- Hằng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Nhà trường có khảo sát về TLGD của Trường.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa khảo sát mức độ hiểu biết của các nhà tuyển dụng về TLGD của Trường.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, hằng năm, Phòng ĐBCL&KT tiến hành khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng, trong đó có khảo sát mức độ hiểu biết về TLGD của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR.

1. Mô tả:

Nghị quyết của Đảng ủy Nhà trường luôn chỉ đạo BGH, các đơn vị quan tâm tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CĐR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi và khám phá kiến thức [H4.04.02.01]. Trong nội dung kế hoạch năm học của Trường và của đơn vị, Nhà trường luôn chú trọng tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CĐR đã xác định [H4.04.02.02], [H4.04.02.03]. BCN Khoa CNTP và CNSH tổ chức hướng dẫn, thảo luận với GV về việc xác định các hoạt động dạy học và các PPGD đa dạng, phù hợp để đạt CĐR. Ngoài ra, GV Khoa CNTP và CNSH tích cực tham dự các hội nghị, hội thảo về PPGD và đổi mới PPGD,… cũng như trong nội dung đào tạo nghiệp vụ sư phạm của GV có nội dung hướng dẫn về các PPGD tích cực, phù hợp CĐR. Trên cơ sở đó, GV Khoa CNTP và CNSH xác định các PPGD tích cực, phù hợp CĐR đã được ban hành cũng như thể hiện trong Bản mô tả CTĐT ngành CNTP.

Nhà trường tổ chức các khóa tập huấn cho SV về kỹ năng tự học, phương pháp học tập đại học nhằm giúp SV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR [H4.04.02.04]. GV Khoa CNTP và CNSH áp dụng đa dạng các hoạt động dạy học và tiếp cận các xu thế hiện đại như: dạy học theo dự án, hoạt động nhóm hiệu quả,... được thể hiện trong ĐC học phần [H4.04.02.05], [H4.04.02.06], [H4.04.02.07]. Nhà trường hợp tác với nhiều doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp phù hợp với ngành nghề đào tạo [H4.04.02.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường ký kết hợp tác với các trường đại học quốc tế để SV có cơ hội trao đổi học tập trong môi trường quốc tế [H4.04.02.09]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường trao đổi SV tham gia học tập tại các quốc gia như: Thái Lan, Đài Loan, đồng thời tiếp nhận SV Hàn Quốc, Thái Lan tham gia các hoạt động tình nguyện tại Trường [H4.04.02.10], [H4.04.02.11].

Nhà trường tổ chức nhiều khóa tập huấn, bồi dưỡng GV về việc ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR [H4.04.02.12]. Bên cạnh đó, GV Khoa CNTP và CNSH tham dự và được cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học, trong đó có nội dung về đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy [H4.04.02.13]. Trong các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu BCN các Khoa phổ biến, quán triệt GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR [H4.04.02.14]. Trên cơ sở đó, Khoa Khoa CNTP và CNSH phổ biến, triển khai GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của tất cả học phần [H4.04.02.15]. Trong giai đoạn 2016-

2020, GV Khoa CNTP và CNSH ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của học phần [H4.04.02.16], [H4.04.02.17]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV có nội dung khảo sát về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong CTĐT. Bên cạnh đó, trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV có khảo sát về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong môn học. [H4.04.02.1], [H4.04.02.19], [H4.04.02.20], [H4.04.02.21], [H4.04.02.22]. Kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng của GV, SV về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV Khoa CNTP và CNSH sử dụng trong CTĐT ngành CNTP [H4.04.02.23]. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH tiếp thu ý kiến của SV về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong CTĐT thông qua diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm và tại các buổi sinh hoạt lớp [H4.04.02.24], [H4.04.02.25], [H4.04.02.26].

2. Điểm mạnh:

- GV Khoa CNTP&CNSH xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành CNTP và thể hiện trong ĐC học phần.

- Nhà trường tạo điều kiện để GV Khoa CNTP&CNSH tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR.

- GV Khoa CNTP&CNSH tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.

- GV, SV Khoa CNTP&CNSH hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành CNTP.

3. Điểm tồn tại:

Vẫn còn trường hợp SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc đại học.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho SV, đặc biệt SV năm thứ nhất về phương pháp học ở bậc đại học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

1. Mô tả:

Trong nội dung CĐR CTĐT ngành CNTP luôn nêu rõ về khả năng tiếp tục học tập lên những bậc học cao hơn nhằm tạo động lực để SV học tập suốt đời và đạt CĐR [H1.15.03.05], [H1.15.03.06], [H1.15.03.07]. Bên cạnh đó, trong tất cả ĐC học phần của ngành CNTP có nội dung về PPGD, phương pháp học tập phù hợp nhằm đạt được CĐR và thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm của SV. Trong Bản mô tả học phần đồng thời thể hiện các PPGD, phương pháp học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. ĐC học phần, Bản mô tả học phần được thông báo, phổ biến đến SV bằng nhiều hình thức khác nhau. Tại buổi học đầu tiên của môn học, SV được GV thông báo về ĐC học phần, trong đó có phổ biến về các PPGD, phương pháp học tập phù hợp [H4.04.03.04].

Trong tất cả ĐC học phần của ngành CNTP đồng thời chú trọng đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV [H4.04.03.05]. Các hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV trong ĐC học phần được thể hiện rõ thông qua việc xác định các PPGD, phương pháp học tập nhằm trang bị cho SV khả năng học tập suốt đời. Để tăng cường tính chủ động học tập của SV, Nhà trường triển khai cổng thông tin đào tạo trực tuyến [H4.04.03.06]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập câu lạc bộ học thuật như: Câu lạc bộ Tiếng Anh, Câu lạc bộ Tin học, Câu lạc SV 5 tốt,… nhằm động viên, khuyến khích SV rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời cũng như tích cực học tập nhằm đạt được CĐR [H4.04.03.07]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị SV NCKH nhằm tạo điều kiện để SV có cơ hội thực hiện và báo cáo kết quả sản phẩm NCKH, đồng thời khuyến khích khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV [H4.04.03.08].

GV của Khoa CNTP và CNSH sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: thuyết giảng, tiếp cận cá nhân, thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm, thuyết trình cá nhân hoặc theo nhóm, dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp,… Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường hợp tác với nhiều doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp phù hợp với ngành nghề đào tạo, cụ thể: Công ty cổ phần mía đường Sóc Trăng, Nhà máy đường Phụng Hiệp, , Công ty cổ phần thực phẩm Bích Chi, Công ty TNHH công nghiệp thực phẩm Pataya, Công ty TNHH Công nghiệp Thủy Sản Miền Nam, Công ty Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang [H4.04.03.09]. Nhà trường ký kết hợp tác với các trường đại học quốc tế để SV có cơ hội trao đổi học tập trong môi trường quốc tế [H4.04.03.10]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường trao đổi SV tham gia học tập tại các quốc gia như: Thái Lan, Đài Loan, đồng thời tiếp nhận SV Hàn Quốc, Thái Lan tham gia các hoạt động tình nguyện tại Trường, bao gồm: Trường Đại học Rajabhat: Giảng dạy tiếng Thái giao tiếp và giao lưu văn hóa, Cơ quan thông tin xã hội quốc gia Hàn quốc (KIV)/Hàn

Quốc: giảng dạy CNTT, giới thiệu văn hóa Hàn Quốc, Đoàn Trường Đại học MIYAGI/Nhật Bản: thực hiện chương trình giao lưu sinh viên [H4.04.03.11], [H4.04.03.12]. Ngoài ra, GV CNTP và CNSH sử dụng đa dạng các nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện GV Khoa CNTP và CNSH sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

2. Điểm mạnh:

- Tất cả ĐC học phần ngành CNTP mô tả rõ việc sử dụng các phương giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV.

- Tất cả ĐC học phần ngành CNTP mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV.

- GV Khoa CNTP và CNSH sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: Dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp,…

- Nhà trường tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

- Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện GV Khoa CNTP và CNSH sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa CNTP và CNSH tổ chức chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, hằng năm, Khoa CNTP và CNSH tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường tuyên bố TLGD "Đức trí – Kỹ năng – Sáng tạo – Hội nhập" và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường. Triết lý giáo dục được cán bộ, GV, SV của Trường hiểu rõ và triển khai thực hiện. Hằng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Nhà trường có khảo sát về TLGD của Trường. GV Khoa CNTP&CNSH xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành CNTP và thể hiện trong ĐC học phần. Nhà trường tạo điều kiện để

GV Khoa CNTP&CNSH tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR. GV Khoa CNTP&CNSH tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, SV Khoa CNTP&CNSH hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành CNTP. Tất cả ĐC học phần ngành CNTP mô tả rõ việc sử dụng các phương giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV, đồng thời mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. GV Khoa CNTP và CNSH sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: Dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp,…Nhà trường tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện GV Khoa CNTP và CNSH sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa khảo sát mức độ hiểu biết của các nhà tuyển dụng về TLGD của Trường.; Vẫn còn trường hợp SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc đại học. Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa CNTP và CNSH tổ chức chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí, Khoa CNTP và CNSH tự đánh giá 2 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu:

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng giúp người dạy cũng như người học gắn kết những kiến thức, kỹ năng được học trong trường với cuộc sống thực, giúp người học có ý thức hơn với những nhiệm vụ mà họ sẽ phải thực hiện khi tốt nghiệp. Việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành CNTP được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Phương pháp đánh giá KQHT ngành CNTP đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

1. Mô tả:

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Phòng ĐBCL&KT xây dựng dự thảo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành vào năm 2015 [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], [H5.05.01.04], [H5.05.01.05], [H5.05.01.06]. Năm 2020, Nhà trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã điều điều chỉnh, bổ sung [H5.05.01.06]. Nhà trường gửi Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến GV, SV biết và thực hiện [H5.05.01.07]. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đồng thời được đăng trên website của Trường, của Phòng ĐT và Phòng ĐBCL&KT [H5.05.01.08], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10]. Tại tuần lễ sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học, Nhà trường phổ biến Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho toàn thể SV biết để thực hiện [H5.05.01.11]. Năm 2020, Nhà trường ban hành hướng dẫn các phương pháp KTĐG, phiếu đánh giá (rubric) môn học và phổ biến đến GV để tham khảo, sử dụng trong quá trình xác định các phương pháp KTĐG với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện [H5.05.01.06].

Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường ban hành có quy định hình thức kiểm tra đánh giá và chọn lựa các hình thức đánh giá người học [H5.05.01.12]. Bên cạnh đó, trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành có hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp KTĐG phù hợp với mục đích cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Ngoài ra, GV có trách nhiệm triển khai hoạt động KTĐG KQHT của người học và được thể hiện trong Quy định chế độ làm việc đối với GV của Trường [H5.05.01.13]. Hình thức thi, KTĐG KQHT được thể hiện rõ trong ĐC học phần ngành CNTP và GV Khoa CNTP và CNSH thông báo cho SV ngay trong buổi học đầu tiên [H5.05.01.14].

Trong nội dung tập huấn về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH, Nhà trường hướng dẫn GV xác định các hình thức, tiêu chí, nội dung thi, KTĐG học phần phù hợp và đạt CĐR [H5.05.01.15], [H5.05.01.16], [H5.05.01.17], [H5.05.01.18]. Trên cơ sở đó, GV xác định các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và được thể hiện trong ĐC học phần đã được phê duyệt của Trường

[H5.05.01.14]. Trong giai đoạn 2016-2020, GV Khoa CNTP và CNSH áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR [H5.05.01.19], [H5.05.01.20]. Các phương pháp KTĐG KQHT của Khoa CNTP và CNSH áp dụng thông qua kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện là phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR [H5.05.01.21]. Ngoài ra, các ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm và các buổi sinh hoạt lớp thể hiện các phương pháp KTĐG KQHT là phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR [H5.05.01.22].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng và ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường, trong đó có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị.

- Nhà trường thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường đến các Khoa, GV, SV thực hiện.

- Nhà trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp CĐR và yêu cầu các Khoa triển khai thực hiện.

- Hình thức thi, KTĐG KQHT được thể hiện rõ trong ĐC học phần ngành CNTP và GV Khoa CNTP và CNSH thông báo cho SV ngay trong buổi học đầu tiên.

- Trong giai đoạn 2016-2020, GV Khoa CNTP và CNSH áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR.

3. Điểm tồn tại:

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG được xác định chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH triển khai để GV tiếp tục rà soát các phương pháp KTĐG để bổ sung các các phương pháp KTĐG phù hợp và đo lường CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.

1. Mô tả:

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ

thể cho các đơn vị thực hiện, trong đó Phòng ĐBCL&KT là đơn vị xây dựng kế hoạch thi kết thúc học phần của toàn Trường [H5.05.02.01]. Hằng năm, căn cứ kế hoạch học kỳ, vào khoảng giữa học kỳ, Phòng ĐBCL&KT dự thảo lịch thi kết thúc học phần, gửi đến các đơn vị để góp ý và trên cơ sở đó điều chỉnh, tổng hợp lịch thi, trình Hiệu trưởng phê duyệt lịch thi chính thức, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến toàn thể CB, GV, SV biết và thực hiện theo kế hoạch [H5.05.02.02]. Theo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, chậm nhất trước 07 ngày kể từ ngày thi học phần, các khoa, bộ môn, GV phải nộp đủ số lượng đề thi, đáp án, niêm phong bảo mật và bàn giao về Phòng ĐBCL&KT theo quy định. Bên cạnh đó, Phòng ĐBCL&KT là đơn vị tổ chức thi, chấm thi và quản lý kết quả chấm thi, bài thi theo quy định. Các Khoa cử cán bộ coi thi, chấm thi, nhập điểm lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đúng theo thời gian quy định. Phòng ĐT chịu trách nhiệm xử lý dữ liệu, đánh giá kết quả học tập của người học trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo [H5.05.02.03]. Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về trọng số đánh giá học phần có tổ chức thi kết thúc học phần, cụ thể: Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận, điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%; Đối với các học phần thực hành, SV phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành; Đối với học phần thực hành phải thi kết thúc học phần, cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do GV đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong ĐC học phần [H5.05.02.04]. Ngoài ra, việc chọn các hình thức đánh giá bộ phận, phương pháp thi, KTĐG học phần được thể hiện trong ĐC học phần được thông qua BCN Khoa, Hội đồng KH&ĐT và được Hiệu trưởng phê duyệt [H5.05.02.05].

Nhà trường thông báo Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H5.05.02.04], H5.05.02.01], [H5.05.02.06], [H5.05.02.07]. Các Khoa phổ biến Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến GV, SV biết để thực hiện đúng quy định [H5.05.02.08]. Bên cạnh đó, Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết

thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ được đăng tải trên website của Trường, của Phòng ĐT và Phòng ĐBCL&KT [H5.05.02.09], [H5.05.02.10], [H5.05.02.11]. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ và Quy định về biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần của Trường có quy định rõ về quy trình thi và hướng đến đạt CĐR [H5.05.02.01], [H5.05.02.12]. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng ĐBCL&KT là đơn vị xây dựng kế hoạch thi, tổ chức thi lưu trữ kết quả chấm thi và bài thi cho toàn Trường [H5.05.02.13]. Năm 2019, Nhà trường ban hành Quy định về biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần [H5.05.02.12]. Căn cứ Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín, Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT cũng như Quy trình biên soạn, hiệu chỉnh, thẩm định đề cương chi tiết học phần, các Khoa triển khai xây dựng ĐC học phần, trong đó có nội dung xác định các phương pháp KTĐG phù hợp để đạt CĐR [H5.05.02.04], [H5.05.02.01], [H5.05.02.14], [H5.05.02.15]. Khi thông qua ĐC học phần do GV biên soạn, Khoa CNTP và CNSH, Hội đồng KH&ĐT luôn chú trọng sự tương thích của các phương pháp KTĐG để đạt CĐR học phần [H5.05.02.16], [H5.05.02.17].

Trong nội dung sinh hoạt tuần công dân đầu năm học, đầu khóa học và các buổi sinh hoạt lớp, Phòng ĐBCL&KT, Khoa CNTP và CNSH, CVHT phổ biến, lưu ý SV thực hiện các nội dung của Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường [H5.05.02.18]. Ngay buổi học đầu tiên, GV Khoa CNTP và CNSH thông báo đến SV các phương pháp KTĐG học phần đã được xác định trong ĐC học phần [H5.05.02.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín đã được điều chỉnh đến toàn thể các đơn vị, CB, GV, NV thông qua trang hành chính điện tử nội bộ (EGOV) H5.05.02.19]. Ngoài ra, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường ban hành được niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT [H5.05.02.20], [H5.05.02.21], [H5.05.02.22].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học.

- Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về thời gian,

hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học.

- Nhà trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp KTĐG phù hợp CĐR và yêu cầu Khoa CNTP và CNSH triển khai thực hiện.

- Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành.

3. Điểm tồn tại:

Khoa CNTP và CNSH chưa đánh giá mức độ hiểu biết của SV các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học.

6. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa CNTP và CNSH triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết của SV của Khoa đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học..

7. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả:

Trong nội dung tập huấn về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH, Nhà trường hướng dẫn GV xác định các hình thức, tiêu chí, nội dung thi, KTĐG học phần phù hợp và đạt CĐR [H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04]. Các phương pháp KTĐG người học của CTĐT ngành CNTP được thể hiện trong CTĐT, Bản mô tả CTĐT. Đối với phương pháp KTĐG học phần được thể hiện trong ĐC học phần, Bản mô tả học phần. Trong giai đoạn 2016-2020, GV Khoa CNTP và CNSH sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG KQHT của người học bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm-tự luận, thuyết trình, thực hành, thi vấn đáp, tiểu luận, làm đồ án, sự kiện... Nhà trường bổ sung áp dụng các loại hình, phương pháp KTĐG KQHT của người học như: thi vấn đáp, tiểu luận, làm đồ án,.... Bên cạnh đó, Nhà trường điều chỉnh trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học cho phù hợp [H5.05.03.05, [H5.05.03.06]. Đối với công tác tuyển sinh, trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường bổ sung thêm các hình thức, tổ hợp xét tuyển, phương thức xét tuyển, cụ thể: tăng tổ hợp xét tuyển từ 02 tổ hợp lên 04 tổ hợp cho mỗi ngành; bổ sung thêm hình thức xét tuyển học bạ từ lớp 10, 11, 12 [H5.05.03.07].

Nhà trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường, trong đó có quy trình xây dựng

và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi. Trong giai đoạn 2016-2020, các quy trình về việc tổ chức thi, KTĐG người học cũng như quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học được Nhà trường triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc. Đồng thời, quy trình về việc tổ chức thi, KTĐG người học, quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học được rút kinh nghiệm, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn hoạt động đào tạo của Trường và được đánh giá tại các hội nghị về công tác đào tạo do Trường tổ chức [H5.05.03.08], [H5.05.03.09]. Kết thúc mỗi học kỳ, năm học, căn cứ kết quả học tập của SV, Phòng ĐBCL&KT tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá KQHT của người học [H5.05.03.10]. Bên cạnh đó, hằng năm, Phòng ĐT luôn đánh giá sự phù hợp của phương thức tuyển sinh, các tổ hợp xét tuyển để từ đó Nhà trường có những điều chỉnh cho năm tiếp theo [H5.05.03.11], [H5.05.03.07]. Tại cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị về công tác đào tạo, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý của các Khoa về công tác thi, KTĐG KQHT của người học [H5.05.03.12]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các hoạt động của Nhà trường có nội dung khảo sát về sự phù hợp của các hình thức thi, KTĐG học phần cũng như tác động của các hình thức KTĐG đối với chất lượng và hình thức tuyển chọn người học của Trường [H5.05.03.13], [H5.05.03.14], [H5.05.03.15], [H5.05.03.16], [H5.05.03.17], [H5.05.03.18], [H5.05.03.19], [H5.05.03.20]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức hội thảo, hội nghị về đào tạo và tiếp thu ý kiến của các đại biểu tham dự hội nghị, hội thảo về các hoạt động đào tạo của Trường, trong đó có ý kiến về KTĐG người học [H5.05.03.21], [H5.05.03.22]. Ngoài ra, tại diễn đàn đối thoại giữa BGH và SV hằng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý, phản hồi của SV về các hình thức, phương pháp thi, KTĐG KQHT của người học [H5.05.03.23]. Trên cơ sở báo cáo của Phòng ĐBCL&KT về kết quả nghiên cứu, đánh giá phổ điểm thi của các học phần, sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học, kết quả rà soát, đánh giá các phương pháp KTĐG người học, Nhà trường tổ chức họp với Phòng ĐT, Phòng ĐBCL&KT, các Khoa để điều chỉnh, cải tiến các loại hình, phương pháp KTĐG KQHT của người học [H5.05.03.24], [H5.05.03.25]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường xử lý hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, kiểm tra, đánh giá và không có tình trạng khiếu nại của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học. Kết quả và hiệu quả sử dụng các phương pháp KTĐG KQHT của SV được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, Phòng ĐT, Phòng ĐBCL&KT, các Khoa và trong các báo cáo tham luận tại các hội nghị, hội thảo về công tác ĐT cũng như đổi mới phương pháp dạy học, KTĐG [H5.05.03.08], [H5.05.03.09].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường, trong đó có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi.

- GV Khoa CNTP và CNSH sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV.

- Kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học.

- Các phương pháp KTĐG KQHT của SV ngành CNTP được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng.

3. Điểm tồn tại:

Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần của ngành CNTP.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Khoa CNTP và CNSH tăng cường xây dựng ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập.

1. Mô tả:

Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Nhà trường ban hành có quy định GV công bố điểm quá trình cho SV trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (Education) chậm nhất trước 03 ngày kể từ ngày kết thúc học phần giảng dạy [H5.05.04.01], [H5.05.04.02]. Điểm thi kết thúc học phần được công bố cùng với điểm tổng kết của học phần. Đối với học phần vấn đáp, điểm thi của SV được công bố ngay sau kết thúc buổi thi vấn đáp. Việc công bố điểm học phần được công bố chậm nhất 10 ngày kể từ ngày thi kết thúc học phần và được cập nhật lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và cổng thông tin của Trường [H5.05.04.03], [H5.05.04.04]. Mỗi SV được Nhà trường cấp 01 tài khoản và sử dụng để xem kết quả thi, KTĐG các học phần. Đối với việc phúc khảo bài thi kết thúc học phần, SV nộp đơn phúc khảo về Phòng ĐBCL&KT trong thời gian 03 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi kết thúc học

phần. Thời hạn chấm phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc khảo của SV. Các Khoa phân công GV chấm phúc khảo không phải là GV chấm thi lần đầu tiên và nếu có thay đổi điểm phải có biên bản đối chất giữa GV chấm lần đầu và GV chấm phúc khảo. Trường hợp có sự khác biệt giữa phiếu ghi điểm đã công bố và điểm được nhập lưu trữ trong hệ thống quản lý đào tạo, Phòng ĐT có trách nhiệm kiểm tra và điều chỉnh (nếu có sai sót) theo quy định của Trường.

Nhà trường gửi văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín, trong đó có quy định cụ thể về phản hồi kết quả đánh giá đến các Khoa để phổ biến GV, SV của Khoa biết và thực hiện [H5.05.04.05]. Văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Nhà trường ban hành được thể hiện trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT cũng như đăng tải trên website của Trường, của Khoa và trong phần mềm quản lý đào tạo [H5.05.04.06], [H5.05.04.07], [H5.05.04.08], [H5.05.04.09]. Trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học và các buổi sinh hoạt lớp, Phòng CTCT&QLSV, Phòng ĐBCL&KT, Khoa CNTP và CNSH, CVHT thông báo, phổ biến cụ thể quy định thi, KTĐG KQHT của người học đến SV [H5.05.04.10], [H5.05.04.11], [H5.05.04.12], [H5.05.04.13].

Kết quả phúc khảo được thông báo đến SV thông qua phần mềm quản lý đào tạo đào tạo. SV sử dụng tài khoản được cấp để đăng nhập vào phần mềm quản lý đào tạo để xem kết quả phúc khảo. Trong trường hợp có sự thay đổi về kết quả phúc khảo, Phòng ĐT có trách nhiệm điều chỉnh kết quả đánh giá của người học theo quy định của Trường. Trong giai đoạn 2016-2020, tất cả các trường hợp SV phản hồi về kết quả đánh giá được Nhà trường giải quyết kịp thời. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV cũng như ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH và SV hằng năm thể hiện SV được phản hồi ý kiến đánh giá kịp thời [H5.05.04.14], [H5.05.04.15], [H5.05.04.16].

Kết quả đánh giá của SV được thể hiện trong báo cáo năm học của Nhà trường, Phòng ĐT, Phòng ĐBCL&KT, các Khoa [H5.05.04.17], [H5.05.04.18], [H5.05.04.19], [H5.05.04.20]. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu các Khoa thông báo thông tin phản hồi về kết quả đánh giá đến SV và theo dõi, giám sát việc SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập [H5.05.04.21]. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá của SV được Phòng ĐBCL&KT gửi đến các Khoa để thông báo CVHT và trên cơ sở đó, CVHT thông báo đến SV tại các buổi sinh hoạt lớp để SV điều chỉnh, cải thiện hoạt động học tập. Nhiều ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm trao đổi hoạt động KTĐG nói chung và cải thiện hoạt động học tập dựa trên thông tin về kết quả KTĐG.

2. Điểm mạnh:

- Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín do Nhà trường ban hành có các quy định cụ thể về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học.

- Nhà trường thông báo, phổ biến đến SV quy định về phản hồi kết quả đánh giá với nhiều hình thức khác nhau.

- Trong giai đoạn 2016-2020, tất cả các trường hợp SV phản hồi về kết quả đánh giá được Nhà trường giải quyết kịp thời.

- Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được CVHT thông báo đến SV sử dụng để cải thiện việc học tập của SV.

3. Điểm tồn tại:

Khoa CNTP và CNSH chưa đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Khoa CNTP và CNSH phối hợp với Phòng ĐBCL&KT khảo sát đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.5: NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả:

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín do Nhà trường ban hành quy định rõ về việc khiếu nại KQHT đối với người học [H5.05.05.01]. Nhà trường gửi văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín đến các Khoa để phổ biến đến SV [H5.05.05.02]. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín được thể hiện trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT cũng như đăng tải trên website của Trường, của Khoa và trong phần mềm quản lý đào tạo [H5.05.05.03], [H5.05.05.04] [H5.05.05.05], [H5.05.05.06], [H5.05.05.07], [H5.05.05.08]. Phòng ĐT, Khoa CNTP và CNSH phổ biến Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Nhà trường đến SV tại tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học [H5.05.05.09]. Bên cạnh đó, CVHT thông báo, phổ biến cụ thể đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ

thống tín đến SV tại các buổi sinh hoạt lớp [H5.05.05.10], [H5.05.05.11], [H5.05.05.12].

Nhà trường chú trọng đến việc giải quyết khiếu nại của SV đối với kết quả thi, KTĐG và phân công trách nhiệm cụ thể cho Phòng ĐT, Phòng ĐBCL&KT và các Khoa trong việc giải quyết khiếu nại, phản ánh của SV về kết quả thi, KTĐG. Trong giai đoạn 2016-2020, Khoa CNTP và CNSH không có trường hợp khiếu nại về KQHT. Thông tin về khiếu nại KQHT người học trên website của Phòng ĐBCL&KT. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát ý kiến của SV thể hiện sự hài lòng về việc giải quyết khiếu nại về KQHT [H5.05.05.13].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH, CVHT phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến SV thông qua nhiều hình thức khác nhau.

- Nhà trường quan tâm và yêu cầu các đơn vị giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của SV.

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, tất cả các khiếu nại về KQHT được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

3. Điểm tồn tại:

Một số học phần công bố điểm kết thúc học phần còn chậm so với kế hoạch, quy định của Trường.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa CNTP&CNSH có kế hoạch giám sát, kiểm tra GV nhập điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng theo kế hoạch và quy định của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường xây dựng và ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường, trong đó có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị, xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học; thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường đến các Khoa, GV, SV thực hiện. Nhà trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp CĐR và yêu cầu các Khoa triển khai thực hiện. Hình thức thi, KTĐG KQHT được thể hiện rõ trong ĐC học phần ngành CNTP và GV Khoa CNTP và CNSH thông báo cho SV ngay trong buổi học đầu tiên. Trong giai đoạn 2016-2020, GV Khoa CNTP và CNSH áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt

CĐR. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học. Nhà trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp KTĐG phù hợp CĐR và yêu cầu Khoa CNTP và CNSH triển khai thực hiện. Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành.

Nhà trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường, trong đó có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi. GV Khoa CNTP và CNSH sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV. Kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học. Các phương pháp KTĐG KQHT của SV ngành CNTP được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng.

Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín do Nhà trường ban hành có các quy định cụ thể về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Nhà trường thông báo, phổ biến đến SV quy định về phản hồi kết quả đánh giá với nhiều hình thức khác nhau. Trong giai đoạn 2016-2020, tất cả các trường hợp SV phản hồi về kết quả đánh giá được Nhà trường giải quyết kịp thời. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được CVHT thông báo đến SV sử dụng để cải thiện việc học tập của SV. Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH, CVHT phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến SV thông qua nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường quan tâm và yêu cầu các đơn vị giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của SV. Trong giai đoạn 2016 - 2020, tất cả các khiếu nại về KQHT được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

Tuy nhiên, các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG được xác định chưa nhiều. Khoa CNTP và CNSH chưa đánh giá mức độ hiểu biết của SV các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học. Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần của ngành CNTP. Khoa CNTP và CNSH chưa đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về

kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập. Nhà trường chưa có nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa việc khiếu nại của SV.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí, Khoa CNTP và CNSH tự đánh giá cả 5 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu:

Đội ngũ GV là nguồn nhân lực quan trọng góp phần thực hiện thành công sứ mạng của Nhà trường nhằm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có đạo đức tốt và trình độ chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tốt trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ và cả nước. Trên cơ sở đó, Nhà trường tập trung triển khai công tác quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường đảm bảo tỉ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Ngoài ra, các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Trong quá trình thành lập và phát triển, Nhà trường luôn quan tâm và chú trọng công tác quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực của Trường và được thể hiện trong Đề án "Nâng cao năng lực đội ngủ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2011-2020", Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa CNTP&CNSH và Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 [H6.06.01.01], [H6.06.01.02]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng TC-HC tham mưu về công tác quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, đồng thời phối hợp Khoa CNTP&CNSH xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch đội ngũ CBGV [H6.06.01.03], [H6.06.01.04], [H6.06.01.05]. Công tác ĐT, BD đội ngũ GV của Khoa CNTP&CNSH nói chung và của Bộ môn Công nghệ thực phẩm nói riêng được thực hiện thường xuyên phù hợp với quy định chung của Nhà trường và đáp ứng tốt yêu cầu ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ, phù hợp định hướng chiến lược phát triển của Nhà trường. Nhà trường ban hành quy định cụ thể về quy trình quy hoạch nhân lực và tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng đối với từng vị trí cán bộ quản

lý và được thể hiện trong kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nguồn nhân lực và bản mô tả vị trí việc làm của Trường giai đoạn 2016-2020 [H6.06.01.06]. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn, tiêu chí về vị trí CB, VC, GV, NV được quy định cụ thể trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm của Trường đã ban hành [H6.06.01.07]. Kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2015-2020 được Nhà trường thông báo công khai đến các đơn vị và toàn thể GV của Trường [H6.06.01.08], [H6.06.01.09]. Nhà trường phê duyệt và công bố danh sách quy hoạch nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2016-2020 đến toàn thể GV được biết [H6.06.01.10]. Đồng thời, Nhà trường ký ban hành Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2015-2020. Nhà trường thông báo Đề án vị trí việc làm giai đoan 2015-2020 đến các đơn vị để phổ biến cho GV biết và thực hiện [H6.06.01.11].

Phòng TC-HC là đơn vị quản lý CSDL của GV toàn trường. Hiện nay, Nhà trường có 193 CBVC, trong đó có 143 GV, với 74 nam, 69 nữ, độ tuổi trung bình của GV Nhà trường là 35 tuổi. Khoa CNTP và CNSH có 19 GV, trong đó có 05 tiến sĩ, với 04 nam và 15 nữ, độ tuổi trung bình của GV Nhà trường là 35 tuổi. Đội ngũ GV của Khoa CNTP và CNSH được quy hoạch theo 5 hướng chuyên ngành bao gồm: CNTP, CNTP và đồ uống, CN hóa học, Hóa sinh ứng dụng, CN sinh học, CN sau thu hoạch. Việc xác định và xây dựng tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm CB, GV, NV khác nhau được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả công việc do Nhà trường ban hành, trong đó bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo phù hợp với vị trí công tác của từng nhóm đội ngũ GV của Trường và của Khoa CNTP và CNSH [H6.06.01.07], [H6.06.01.12]. Nội dung quy định về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV được thể hiện rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường đã ban hành [H6.06.01.05]. Bên cạnh đó, trong Kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2015-2019 có nêu rõ các tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ CB, GV [H6.06.01.06]. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, sắp xếp GV thực hiện theo Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường và theo nội dung phát triển nguồn nhân lực được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011-2020" và kế hoạch tuyển dụng hằng năm của Trường [H6.06.01.13], [H6.06.01.01], [H6.06.01.14], [H6.06.01.15]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường tuyển dụng 75 CBVC, trong đó có 03 TS, 29 ThS và thu hút được 01 TS [H6.06.01.16], [H6.06.01.17]. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường bổ nhiệm 60 nhân sự quản lý [H6.06.01.18]. Hằng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để thực hiện công tác tuyển dụng [H6.06.01.19]. Căn cứ kết quả tuyển dụng, Nhà trường ra quyết định tuyển dụng và tiến hành ký hợp đồng giảng dạy, hợp đồng lao động đúng theo quy định của pháp luật [H6.06.01.20] [H6.06.01.21], [H6.06.01.22], [H6.06.01.23]. Kế hoạch

ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV của Nhà trường được xây dựng phù hợp với nhu cầu ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV do các đơn vị đề xuất [H6.06.01.24], [H6.06.01.25]. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Phòng TC-HC xây dựng báo cáo phân tích nhu cầu ĐT, BD của đội ngũ GV. Bên cạnh đó, kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV của Nhà trường phù hợp và phục vụ nhu cầu nhân lực để triển khai các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được thể hiện trong Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011-2020", cũng như kế hoạch ĐT, BD đội ngũ GV hằng năm của Nhà trường được xây dựng phù hợp với TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H6.06.01.26], [H6.06.01.27], [H6.06.01.28]. Ngoài ra, kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ GV, NCV của Nhà trường phù hợp với nội dung chỉ đạo trong Nghị quyết của Đảng ủy của Trường [H6.06.01.29]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có quy định cụ thể về định mức đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng GV, NCV [H6.06.01.30]. Hằng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí cho hoạt động ĐT, BD của đội ngũ GV. Đối với GV hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm được Nhà trường ưu tiên đầu tư tài chính, tạo điều kiện để học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong giai đoạn 2016-2020 có 34 GV, NCV được Nhà trường tạo điều kiện học tập sau đại học, 444 lượt GV, NCV được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước [H6.06.01.31], [H6.06.01.32], [H6.06.01.33], [H6.06.01.34], [H6.06.01.35].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV biết và thực hiện.

- Nhà trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ.

- Đội ngũ GV khoa CNTP&CNSH có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt đông chuyên môn khác.

- Bộ môn Công nghệ thực phẩm có đủ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH.

3. Điểm tồn tại:

Việc điều chỉnh một số văn bản liên quan đến công tác quy hoạch GV còn chậm.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường, Phòng TC-HC thường xuyên rà soát để kịp thời điều chỉnh các văn bản liên quan đến công tác quy hoạch GV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.2: Tỉ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV của Nhà trường được xây dựng phù hợp với nhu cầu ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV do các đơn vị đề xuất [H6.06.02.01], [H6.06.02.02]. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị xây dựng CSDL về đội ngũ GV của Nhà trường. Hiện nay, Nhà trường có 193 CBVC, trong đó có 166 GV., có 71 nữ, độ tuổi trung bình của GV Nhà trường là 35 tuổi. Khoa CNTP và CNSH có 19 GV, trong đó có 05 tiến sĩ, với 05 nam và 15 nữ, độ tuổi trung bình của GV Nhà trường là 35 tuổi. Tỷ lệ GV/người học của ngành CNTP là: 17 SV/GV, đáp ứng đúng theo quy định. Hằng năm, căn cứ danh sách đăng ký nhu cầu ĐT, BD của GV các Khoa, Phòng TC-HC thực hiện báo cáo phân tích nhu cầu ĐT, BD của GV toàn trường, trong đó có Khoa CNTP và CNSH.

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đã được ban hành có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của GV, quan trọng nhất là hoạt động giảng dạy và tham gia NCKH [H6.06.02.03]. Bên cạnh đó, chức năng, nhiệm vụ của GV được thể hiện trong Quy định chế độ làm việc đối với GV do Nhà trường ban hành [H6.06.02.04]. Ngoài ra, tiêu chuẩn, tiêu chí về vị trí CB, VC, GV, NV được quy định cụ thể trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm của Trường đã ban hành [H6.06.02.05]. Nhà trường thông báo, phổ biến Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định chế độ làm việc đối với GV, Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm đến các đơn vị để phổ biến GV biết và thực hiện [H6.06.02.06], [H6.06.02.07].

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường xây dựng, điều chỉnh và ban hành các văn bản Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có quy định rõ ràng về quyền lợi, nghĩa vụ của GV phải thực hiện, có quy định về giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và các công tác khác [H6.06.02.04], [H6.06.02.08]. Tại các cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, BGH quán triệt, yêu cầu các Khoa thông báo, phổ biến đến toàn thể GV các văn bản quy định đối với GV. Trên cơ sở đó, tại các cuộc họp Khoa, BCN Khoa CNTP và CNSH phổ biến đến GV các văn bản quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy chế chi tiêu nội bộ để GV biết và thực hiện.

Nhà trường giám sát tiến trình giảng dạy của GV thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường (Education) [H6.06.02.09]. Hằng năm, các Khoa thường xuyên tiến hành dự giờ GV của Khoa [H6.06.02.10]. Ngoài ra, Bộ phận Thanh tra của Trường thường xuyên kiểm tra việc thực hiện giờ giấc giảng dạy của GV

[H6.06.02.11], [H6.06.02.12]. Hằng năm, căn cứ các hướng dẫn, quy định đánh giá, phân loại GV, NCV của Trường, Phòng TC-HC tham mưu BGH ban hành kế hoạch và triển khai đánh giá GV, NCV của Trường, trong đó có đánh giá đội ngũ GV [H6.06.02.13], [H6.06.02.14]. BCN các Khoa phổ biến để GV thực hiện đánh giá theo kế hoạch đã được Trường ban hành [H6.06.02.15]. Trên cơ sở đó, GV thực hiện báo cáo tổng kết công tác thi đua của cá nhân, theo đó, BCN khoa tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học của GV, gửi về Phòng TC-HC tổng hợp, thông qua cuộc họp giữa Đảng ủy với BGH để thống nhất kết quả đánh giá [H6.06.02.16]. Nhà trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị giám sát khối lượng của đội ngũ GV để áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Hằng năm, Phòng ĐT tổng hợp giờ giảng của GV Khoa CNTP và CNSH và gửi đến Phòng TC-HC; Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC tổng hợp giờ NCKH của GV Khoa CNTP và CNSH và gửi đến Phòng TC-HC; Công đoàn Trường tổng hợp các hoạt động PVCĐ của GV toàn trường, trong đó có GV Khoa CNTP và CNSH và gửi đến Phòng TC-HC. Trên cơ sở đó, Phòng TC-HC cập nhật CSDL của GV về việc thực hiện khối lượng công việc hằng năm, đồng thời sử dụng kết quả hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của GV đạt được để phục vụ hoạt động đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của GV cũng như hoạt động thi đua khen thưởng. Trong giai đoạn 2016-2020, GV Khoa CNTP và CNSH được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H6.06.02.17]. Bên cạnh đó, hằng năm, Phòng ĐBCL&KT tham mưu Hiệu trưởng ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của GV thông qua phần mềm quản lý đào tạo và SV trước khi xem điểm phải trả lời các câu hỏi liên quan đến hoạt động giảng dạy của GV về học phần phụ trách [H6.06.02.18], [H6.06.02.19], [H6.06.02.20], [H6.06.02.21], [H6.06.02.22], [H6.06.02.23]. Phòng ĐBCL&KT xử lý dữ liệu và gửi báo cáo kết quả khảo sát đến BGH và BCN các Khoa. Trong giai đoạn 2016-2020, hầu hết các ý kiến của SV ngành CNTP hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV [H6.06.02.24].

2. Điểm mạnh:

- Tỉ lệ GV/người học của CTĐT ngành CNTP đáp ứng yêu cầu theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.

- Nhà trường ban hành văn bản liên quan đến việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện.

- Quy định chế độ làm việc của GV được Nhà trường ban hành, trong đó có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV.

- Hằng năm, Nhà trưởng có triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Trong giai đoạn 2016-2020, GV Khoa CNTP và CNSH được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và hầu hết các ý kiến của SV ngành CNTP hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng GV có học hàm, học vị cao của Khoa CNTP và CNSH còn ít.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tăng cường số lượng GV có học hàm, học vị cao cho Khoa CNTP và CNSH.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả:

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV bao gồm cả các tiêu chí về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng,… trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự; quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ GV được thể hiện trong Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức do Nhà trường ban hành [H6.06.03.01]. Căn cứ Luật Viên chức, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, Nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Bộ Nội vụ, Phòng TC-HC tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường [H6.06.03.02], [H6.06.03.03], [H6.06.03.04], [H6.06.03.05], [H6.06.03.06], [H6.06.03.07]. Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng hằng năm của Trường và triển khai thực hiện [H6.06.03.08]. Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường trong đó có tiêu chí lựa chọn, quy trình tuyển dụng, kế hoạch tuyển dụng hằng năm, thông báo tuyển dụng hằng năm được đăng tải trên website của Trường và của Phòng TC-HC [H6.06.03.09], [H6.06.03.10], [H6.06.03.11]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường tuyển dụng 75 CBVC, trong đó có 03 TS, 29 ThS và thu hút được 01 TS [H6.06.03.12]. Nhà trường ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý và thông báo đến các đơn vị thực hiện [H6.06.03.13]. Trong Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý do Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về các tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự. Bên cạnh đó, các nhân sự được đề bạt phải đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí và yêu cầu được thể hiện trong Đề án vị trí

việc làm [H6.06.03.14]. Trước khi bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự, Đảng ủy Trường họp với BGH để xem xét và ra nghị quyết thống nhất về bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự [H6.06.03.15]. Công tác bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự đáp ứng yêu cầu, nhu cầu nguồn nhân lực giai đoạn 2013-2020 và được thể hiện trong báo cáo tổng kết Nghị quyết Đảng bộ trường nhiệm kỳ 2015-2020 [H6.06.03.16], [H6.06.03.17], [H6.06.03.18], [H6.06.03.19]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường bổ nhiệm 60 CBQL, luân chuyển 07 CBQL [H6.06.03.20], [H6.06.03.21].

Các Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường và Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường được Nhà trường thông báo công khai đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến đội ngũ GV của đơn vị [H6.06.03.22], [H6.06.03.23]. Thông qua các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH phổ biến và yêu cầu các đơn vị thông báo đến toàn thể GV, NCV biết về thông báo tuyển dụng hằng năm của Trường [H6.06.03.24]. Tại các cuộc họp giao ban của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến đội ngũ GV, NCV về thông báo tuyển dụng hằng năm của Trường [H6.06.03.25]. Đồng thời, các thông tin về tuyển dụng hằng năm của Trường được đăng tải trên website của Trường [H6.06.03.10], [H6.06.03.11]. Ngoài ra, toàn bộ thông tin về quản lý nhân sự được lưu trữ trong phần mềm quản lý nhân sự và tiền lương của Trường (HRM) và đăng tải trên website của Trường [H6.06.03.26].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển.

- Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của Phòng TC-HC.

- Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường tuyển dụng 75 CBVC, trong đó có 03 TS, 29 ThS và thu hút được 01 TS; bổ nhiệm 60 CBQL, luân chuyển 07 CBQL.

3. Điểm tồn tại:

Do những khó khăn về chính sách thu hút nên Nhà trường chưa tuyển được nhiều GV có học hàm, học vị cao.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tuyển dụng, thu hút GV có học hàm, học vị cao.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả:

Nâng cao năng lực của đội ngũ GV là một trong những mục tiêu chính của Nhà trường được thể hiện qua Đề án thành lập trường, Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030. Bên cạnh đó việc xác định và xây dựng tiêu chuẩn năng lực bao gồm: Năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng,… của các GV được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả công việc do Nhà trường ban hành [H6.06.04.01], [H6.06.04.02]. Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc được Nhà trường thông báo, phổ biến cụ thể đến đội ngũ GV để tất cả hiểu rõ về những năng lực cần có và cần bổ sung, hoàn thiện trong quá trình thực thi công việc [H6.06.04.03], [H6.06.04.04]. Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc được lãnh đạo đơn vị phổ biến đến đội ngũ GV thông qua cuộc họp giao ban của các đơn vị [H6.06.04.05]. Ngoài ra, trong các văn bản tuyển dụng hằng năm, Nhà trường xác định và mô tả rõ năng lực cần có đối với các vị trí GV cần tuyển dụng [H6.06.04.06]. Đồng thời, văn bản hướng dẫn công tác quy hoạch và bổ nhiệm do Nhà trường ban hành có mô tả rõ năng lực đối với từng vị trí quy hoạch và bổ nhiệm [H6.06.04.07].

Nội dung quy định về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV được thể hiện rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường đã ban hành [H6.06.04.08]. Bên cạnh đó, trong Kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2016-2020 có nêu rõ các tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV [H6.06.04.07]. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, sắp xếp GV thực hiện theo Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường và theo nội dung phát triển nguồn nhân lực được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020" và kế hoạch tuyển dụng hằng năm của Trường [H6.06.04.09], [H6.06.04.10], [H6.06.04.11], [H6.06.04.12]. Hằng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để thực hiện công tác tuyển dụng [H6.06.04.13]. Căn cứ kết quả tuyển dụng, Nhà trường ra quyết định tuyển dụng và tiến hành ký hợp đồng giảng dạy, hợp đồng lao động đúng theo quy định của pháp luật [H6.06.04.14] [H6.06.04.15], [H6.06.04.16], [H6.06.04.17]. Thông báo tuyển dụng hằng năm của Trường được công khai trên website của Trường và của Phòng TC-HC [H6.06.04.18], [H6.06.04.19]. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt

động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của CB, GV, NV [H6.06.04.20], [H6.06.04.21]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường có nêu rõ trách nhiệm của lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của CB, GV, NV của đơn vị. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ CB quản lý do BGH đánh giá và kết quả thực hiện nhiệm vụ của BGH do Đảng ủy đánh giá [H6.06.04.22].

Quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được thể hiện rõ trong Quy định đánh giá, phân loại CB, GV, NV và Kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường hằng năm [H6.06.04.23]. Bên cạnh đó, các biểu mẫu đánh giá thể hiện rõ từng tiêu chí đánh giá và được đính kèm trong Kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường hằng năm [H6.06.04.24]. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được xây dựng phù hợp với tiêu chí, năng lực trong Đề án vị trí việc làm của Trường [H6.06.04.01]. Đồng thời, các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được xác định dựa trên ý kiến đóng góp của các đơn vị tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị cũng như ý kiến đóng góp của CB, GV, NV tại cuộc họp giao ban của các đơn vị [H6.06.04.04], [H6.06.04.25].

Hằng năm, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch và trình Hiệu trưởng ban hành kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H6.06.04.23], [H6.06.04.26]. Trên cơ sở đó, các đơn vị tiến hành triển khai đến CB, GV, NV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc theo mẫu do Trường ban hành [H6.06.04.27]. Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả đạt được trong năm của CB, GV, NV, tổng hợp kết quả và gửi về Phòng TC-HC [H6.06.04.28]. Sau khi Phòng TC-HC tổng hợp kết quả hoạt động trong năm của từng viên chức mỗi đơn vị, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá CB, GV, NV của Trường và kết quả đánh giá được thông báo đến CB, GV, NV [H6.06.04.29], [H6.06.04.30]. Kết quả đánh giá CB, GV, NV hằng năm được gửi đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV [H6.06.04.28]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV được Phòng TC-HC lưu trữ dữ liệu thống nhất chung trong toàn Trường và trong hồ sơ năng lực của GV [H6.06.04.31]. Phòng TC-HC phân công 01 chuyên viên xây dựng CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường [H6.06.04.32]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường luôn được tổng hợp, đồng thời được thể hiện trong báo cáo tổng kết hằng năm của Trường và của Phòng TC-HC [H6.06.04.33], [H6.06.04.34].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV.

- Hằng năm, Nhà trường luôn triển khai đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa.

- Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV được thông báo đến GV và lưu trữ trong dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV hằng năm.

3. Điểm tồn tại:

Năng lực ngoại ngữ của GV Khoa CNTP và CNSH còn những hạn chế nhất định.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường chế độ hỗ trợ GV học ngoại ngữ và chỉ đạo Trung tâm NNTH thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ cho GV nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV Khoa CNTP và CNSH.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả:

Căn cứ Đề án thành lập Trường, Nhà trường xây dựng Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020" và đã được UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt [H6.06.05.01], [H6.06.05.02]. Trong Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020" có nội dung phát triển nhân sự của Trường. Phòng TC-HC thông báo đến các đơn vị đăng ký nhu cầu ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV và gửi về Phòng TC-HC tổng hợp, trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch ĐT, BD đội ngũ GV hằng năm và thông báo đến các đơn vị để phối hợp thực hiện [H6.06.05.03], [H6.06.05.04], [H6.06.05.05]. Các nội dung về ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV đồng thời được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường [H6.06.05.06].

Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV của Nhà trường được xây dựng phù hợp với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ GV do các đơn vị đề xuất [H6.06.05.07], [H6.06.05.08]. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Phòng TC-HC xây dựng báo cáo phân tích nhu cầu ĐT, BD của đội ngũ GV và đồng thời là cơ sở để xây dựng kế hoạch ĐT, BD đội ngũ GV hằng năm. Bên cạnh đó, kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV

của Nhà trường phù hợp và phục vụ nhu cầu nhân lực để triển khai các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được thể hiện trong Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020", cũng như kế hoạch ĐT, BD đội ngũ GV hằng năm của Nhà trường được xây dựng phù hợp với TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H6.06.05.01], [H6.06.05.09], [H6.06.05.10], [H6.06.05.11]. Ngoài ra, kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV của Nhà trường phù hợp với nội dung chỉ đạo trong Nghị quyết của Đảng ủy của Trường và nhu cầu của CTĐT [H6.06.05.12].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai hoạt động ĐT, BD đội ngũ GV của Trường [H6.06.05.13], [H6.06.05.14], [H6.06.05.15]. Định kỳ hằng năm, thực hiện chỉ đạo của BGH, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch và phối hợp các đơn vị triển khai các hoạt động ĐT, BD đội ngũ GV theo kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn GV đã được phê duyệt [H6.06.05.16]. Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho hoạt động ĐT, BD và phát triển đội ngũ GV [H6.06.05.17], [H6.06.05.18]. Nhà trường thường xuyên phối hợp với Sở Nội vụ, Sở KH&CN, Trường Chính trị TP Cần Thơ tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ GV [H6.06.05.19], [H6.06.05.20], [H6.06.05.21]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí để đội ngũ GV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước [H6.06.05.20]. Trong giai đoạn 2016-2020, 478 lượt GV, NCV của Trường đã tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tham gia các khóa tập huấn trong và ngoài nước [H6.06.05.22], [H6.06.05.23].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH theo dõi hoạt động ĐT, BD đội ngũ GV, NCV của Trường và xây dựng CSDL về đội ngũ GV, trong đó dữ liệu về hoạt động ĐT, BD đội ngũ GV hằng năm [H6.06.05.24]. Trong giai đoạn 2016-2020, gần 100% GV của Trường được ĐT, BD và phát triển chuyên môn, trong đó có 168 GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 86,6% [H6.06.05.25]. Phòng ĐBCL&KT là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH để phối hợp các đơn vị xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H6.06.05.26], [H6.06.05.27], [H6.06.05.28], [H6.06.05.29], [H6.06.05.30] [H6.06.05.31]. Năm 2019, Nhà trường ban hành quy định về khảo sát các bên liên quan trong công tác đảm bảo chất lượng, trong đó có khảo sát về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV [H6.06.05.32]. Phòng ĐBCL&KT phối hợp với các đơn vị triển khai khảo sát với kết quả 100% GV, NCV hài lòng về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường [H6.06.05.33]. Bên cạnh đó, ý kiến của GV, NCV tại

Hội nghị CB, CC, VC thể hiện sự hài lòng về hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường [H6.06.05.34].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV.

- Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT.

- Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm, trong đó gần 100% GV của Trường được ĐT, BD và phát triển chuyên môn, trong đó có 168 GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 86,6%.

- Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CB, CC, VC.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng GV có học hàm học vị của Khoa CNTP và CNSH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện kết hợp chế tài để các GV học tập nghiên cứu sinh kết hợp công tác thu hút, tuyển dụng GV có học hàm, học vị cao đúng chuyên ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV đối với các đơn vị trực thuộc trường, trong đó có GV Khoa CNTP&CNSH [H6.06.06.01], [H6.06.06.02]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường có nêu rõ trách nhiệm của lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV của đơn vị [H6.06.06.03]. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ CB quản lý do BGH đánh giá và kết quả thực hiện nhiệm vụ của BGH do Đảng ủy đánh giá [H6.06.06.04]. Quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của GV được thể hiện rõ trong Quy định đánh giá, phân loại GV và Kế hoạch đánh giá GV của Trường hằng năm [H6.06.06.05].

Bên cạnh đó, các biểu mẫu đánh giá thể hiện rõ từng tiêu chí đánh giá và được đính kèm trong Kế hoạch đánh giá GV của Trường hằng năm [H6.06.06.06]. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của GV được xây dựng phù hợp với tiêu chí, năng lực trong Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc của Trường ban hành [H6.06.06.07]. Đồng thời, các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV được xác định dựa trên ý kiến đóng góp của các đơn vị tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị cũng như ý kiến đóng góp của GV tại cuộc họp giao ban của các đơn vị [H6.06.06.08], [H6.06.06.09].

Đầu năm học, GV thực hiện đăng ký thi đua trong năm học, nộp Khoa tổng hợp và nộp về Phòng TC-HC. Hằng năm, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch và trình Hiệu trưởng ban hành kế hoạch đánh giá CBVC nói chung, GV nói riêng và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H6.06.06.05], [H6.06.06.10]. Trên cơ sở đó, các đơn vị tiến hành triển khai đến GV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc theo mẫu do Trường ban hành [H6.06.06.11]. Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả đạt được trong năm của GV, NCV, tổng hợp kết quả và gửi về Phòng TC-HC [H6.06.06.12]. Hằng năm, Phòng ĐT tổng hợp giờ giảng của GV Khoa CNTP và CNSH và gửi đến Phòng TC-HC; Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC tổng hợp giờ NCKH của GV Khoa CNTP và CNSH và gửi đến Phòng TC-HC; Công đoàn Trường tổng hợp các hoạt động PVCĐ của GV toàn trường, trong đó có GV Khoa CNTP và CNSH và gửi đến Phòng TC-HC. Sau khi Phòng TC-HC tổng hợp kết quả hoạt động trong năm của từng viên chức mỗi đơn vị, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá GV của Trường và kết quả đánh giá được thông báo đến GV [H6.06.06.13], [H6.06.06.14]. Đối với CBQL cấp phòng, khoa, trung tâm, Đảng ủy họp triệu tập cuộc họp đảng ủy mở rộng gồm có đảng ủy, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Trường để đánh giá CBQL và thông báo kết quả đánh giá đến từng CBQL của Trường [H6.06.06.15]. Kết quả đánh giá GV, NCV hằng năm được gửi đến các đơn vị để thông báo đến GV [H6.06.06.12].

Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của GV được Phòng TC-HC lưu trữ dữ liệu thống nhất chung trong toàn Trường [H6.06.06.16]. Phòng TC-HC phân công 01 chuyên viên xây dựng CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của GV của Trường [H6.06.06.17]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của GV của Trường luôn được tổng hợp và lưu trữ trong hồ sơ năng lực của GV, đồng thời được thể hiện trong báo cáo tổng kết hằng năm của Trường và của Phòng TC-HC [H6.06.06.18], [H6.06.06.19]. Các nội dung về thi đua khen thưởng đối với GV, NCV được thể hiện rõ trong Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H6.06.06.20]. Bên cạnh đó, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường thể hiện rõ các chế độ khen thưởng đối với GV đạt thành tích và các danh hiệu thi đua trong thực thi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H6.06.06.21].

Kinh phí chi cho việc thi đua khen thưởng GV của Trường được phân bổ theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.06.22]. Định kỳ hằng tháng, hằng quý, các đơn vị tiến hành họp xét thi đua đối với CB, VC của đơn vị, trên cơ sở đó định kỳ hằng năm, Nhà trường tiến hành họp xét thi đua khen thưởng đối với GV, NCV của Trường [H6.06.06.23], [H6.06.06.24]. Trong nội dung xét thi đua khen thưởng đối với GV, Nhà trường luôn căn cứ vào kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng tháng, hằng quý và hằng năm của GV của Trường [H6.06.06.12]. Trong giai đoạn 2016-2020, đội ngũ GV của Trường và của Khoa CNTP và CNSH đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp [H6.06.06.25], [H6.06.06.26], [H6.06.06.27]. Kết quả đánh giá CB, VC hằng năm được Nhà trường sử dụng để làm căn cứ xác định đầu tư cho ĐT, BD đội ngũ GV nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H6.06.06.28], [H6.06.06.29], [H6.06.06.30], [H6.06.06.31]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có quy định cụ thể về định mức đầu tư cho ĐT, BD đội ngũ GV [H6.06.06.21]. Đối với GV hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm được Nhà trường ưu tiên đầu tư tài chính, tạo điều kiện để học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong giai đoạn 2016-2020 có 34 GV được Nhà trường tạo điều kiện học tập sau đại học, 444 lượt GV được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước [H6.06.06.29], [H6.06.06.31], [H6.06.06.32], [H6.06.06.33], [H6.06.06.34]. Ý kiến khảo sát GV hằng năm và ý kiến của GV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm đều thể hiện sự hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền [H6.06.06.35], [H6.06.06.36], [H6.06.06.37], [H6.06.06.38], [H6.06.06.39].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc.
- Hằng năm, GV Khoa CNTP và CNSH thực hiện đăng ký thi đua năm học.
- Nhà trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV.
- Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá kết quả công việc của Gv và thông báo đến các đơn vị để thực hiện.
- GV Khoa CNTP và CNSH hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.
- Trong giai đoạn 2016-2020, đội ngũ GV của Trường và của Khoa CNTP và CNSH đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp.

3. Điểm tồn tại:

Các hình thức khen thưởng cấp cao của GV Khoa CNTP và CNSH chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Nhà trường, Phòng TC-HC, Khoa CNTP và CNSH tăng cường động viên, khuyến khích GV tham gia các hình thức khen thưởng cấp cao.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Nhà trường ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV, trong đó bao gồm nhiệm vụ của CB, GV, thời gian giảng dạy, thời gian cho hoạt động NCKH và các hoạt động khác có liên quan [H6.06.07.01]. Đồng thời Quy định chế độ làm việc đối với GV có nêu cụ thể về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của GV trong Trường như: (i) Biên soạn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo; (ii) Bài báo, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc đăng trên các kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế; (iii) Đề tài NCKH các cấp; (iv) Hướng dẫn SV NCKH các cấp; hướng dẫn SV làm luận văn tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp. Theo đó, các hoạt động NCKH của GV được quy định, đánh giá thông qua việc quy đổi thành giờ chuẩn và giám sát, đánh giá hằng năm [H6.06.07.01]. Kết quả NCKH của GV đồng thời là tiêu chí đánh giá GV hằng năm cũng như xét thi đua khen thưởng hằng năm. Kết quả đánh giá GV hằng năm và kết quả xét thi đua khen thưởng hằng năm được lưu trữ trong hồ sơ năng lực của GV. Ngoài ra, trong Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường đồng thời thể hiện các loại hình NCKH của GV [H6.06.07.02]. Nhà trường thông báo Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đến các đơn vị để phổ biến CB, GV thực hiện [H6.06.07.03], [H6.06.07.04]. Đồng thời, Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đăng tải trên website của Nhà trường và của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay NCKH [H6.06.07.05].

Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC là đơn vị được phân công nhiệm vụ theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của CB, GV, NV trong Nhà trường [H6.06.07.06], [H6.06.07.07], [H6.06.07.08], [H6.06.07.09]. Trên cơ sở đó, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC phân công 01 chuyên viên thực hiện việc, theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.10]. Chuyên viên của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC được phân công nhiệm vụ tiến hành xây dựng CSDL về kết quả NCKH của GV toàn trường dựa trên báo cáo hằng năm của các đơn vị trực thuộc, trong đó chủ yếu là các Khoa. Bên cạnh đó, các Khoa đồng thời xây dựng CSDL về kết quả thực hiện NCKH của đội ngũ GV của Khoa [H6.06.07.11]. Định kỳ từng học

kỳ và đặc biệt là cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả thực hiện NCKH của đội ngũ GV về Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC để cập nhật CSDL cấp trường [H6.06.07.12], [H6.06.07.13]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV Nhà trường. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng NCKH của GV Nhà trường. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV Nhà trường ở mức độ Khá [H6.06.07.14], [H6.06.07.15], [H6.06.07.16], [H6.06.07.17], [H6.06.07.18], [H6.06.07.19], H6.06.07.20]. Hằng năm, NCKH-HTQT-TTr-PC thực hiện đối sánh kết quả NCKH mà từng GV Nhà trường đạt được so với quy định về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV Nhà trường phải thực hiện [H6.06.07.21], [H6.06.07.22], [H6.06.07.23]. Trong trường hợp GV không đảm bảo về số giờ NCKH sau khi quy đổi phải đạt được theo loại hình, số lượng và chất lượng NCKH được Nhà trường quy định sẽ bị xử lý theo quy định về thi đua khen thưởng [H6.06.07.24]. Bên cạnh đó, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC tiến hành đối sánh kết quả NCKH của GV đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của GV đã xác định trong kế hoạch năm học. Các Khoa đồng thời đối sánh kết quả NCKH GV của khoa đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của GV được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H6.06.07.22]. Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả NCKH của GV với các tiêu chí về NCKH trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H6.06.07.23]. Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả NCKH của GV Nhà trường đạt được hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.25]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.26], [H6.06.07.27], [H6.06.07.28]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động NCKH nói chung và NCKH của GV nói riêng [H6.06.07.29], [H6.06.07.30]. Ngoài ra, Nhà trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.31], [H6.06.07.32]. Trong giai đoạn 2016-2020, hoạt động NCKH của đội ngũ GV Nhà trường tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu [H6.06.07.33], [H6.06.07.34], [H6.06.07.35], [H6.06.07.36]. Nhiều tập thể, GV được nhận các hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích trong hoạt động NCKH.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành đầy đủ văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện.

- Hoạt động NCKH của đội ngũ GV Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu.

- Nhà trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV.

- Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH.

3. Điểm tồn tại:

Kinh phí dành cho các đề tài NCKH còn hạn chế nên ảnh hưởng đến số lượng đề tài NCKH cấp trường.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường điều chỉnh Quy chế làm việc của GV, đồng thời nghiên cứu tăng cường kinh phí cho việc thực hiện đề tài NCKH cho GV và động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Thành phồ và tương đương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Nhà trường ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV biết và thực hiện. Nhà trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ. Đội ngũ GV khoa CNTP&CNSH có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt đông chuyên môn khác. Bộ môn Công nghệ thực phẩm có đủ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH. Tỉ lệ GV/người học của CTĐT ngành CNTP đáp ứng yêu cầu theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.

Nhà trường ban hành văn bản liên quan đến việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Quy định chế độ làm việc của GV được Nhà trường ban hành, trong đó có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV. Hằng năm, Nhà trưởng có triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Trong giai đoạn 2016-2020, GV Khoa CNTP và CNSH được đánh giá hoàn thành

tốt nhiệm vụ trở lên và hầu hết các ý kiến của SV ngành CNTP hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV.

Nhà trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của Phòng TC-HC. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường tuyển dụng 75 CBVC, trong đó có 03 TS, 29 ThS và thu hút được 01 TS; bổ nhiệm 60 CBQL, luân chuyển 07 CBQL.

Nhà trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV. Hằng năm, Nhà trường luôn triển khai đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV được thông báo đến GV và lưu trữ trong dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV hằng năm.

Nhà trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm, trong đó gần 100% GV của Trường được ĐT, BD và phát triển chuyên môn, trong đó có 168 GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 86,6%. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CB, CC, VC.

Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc. Hằng năm, GV Khoa CNTP và CNSH thực hiện đăng ký thi đua năm học. Nhà trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV. Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá kết quả công việc của Gv và thông báo đến các đơn vị để thực hiện. GV Khoa CNTP và CNSH hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền. Trong giai đoạn 2016-2020, đội ngũ GV của Trường và của Khoa CNTP và CNSH đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp.

Tuy nhiên, việc điều chỉnh một số văn bản liên quan đến công tác quy hoạch GV còn chậm. Số lượng GV có học hàm, học vị cao của Khoa CNTP và CNSH còn ít. Do những khó khăn về chính sách thu hút nên Nhà trường chưa tuyển được

nhiều GV có học hàm, học vị cao. Năng lực ngoại ngữ của GV Khoa CNTP và CNSH còn những hạn chế nhất định. Các hình thức khen thưởng cấp cao của GV Khoa CNTP và CNSH chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí, Khoa CNTP và CNSH tự đánh giá cả 57tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu:

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên luôn được Đảng ủy, BGH quan tâm chú trọng để hỗ trợ và phục vụ tốt công tác ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhà trường bố trí đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác để đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Trong quá trình tuyển dụng, các tiêu chí và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Hàng năm, Nhà trường triển khai đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH luôn xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV và triển khai thực hiện. Đồng thời, Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH thường xuyên tiến hành triển khai việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên gồm cả khen thưởng và công nhận để tạo động lực và hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Trong quá trình thành lập và phát triển, Nhà trường luôn quan tâm và chú trọng công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ NV của Trường và thể hiện trong Đề án thành lập Trường và Đề cương Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 [H7.07.01.01], [H7.07.01.02]. Căn cứ Đề án thành lập Trường về phát triển nguồn nhân lực và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng TC-HC tham mưu về công tác quy hoạch đội ngũ NV để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H7.07.01.03], [H7.07.01.04], [H7.07.01.05]. Căn cứ Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, các quy định của Bộ GD&ĐT về công tác cán bộ, các văn bản của Thành ủy, UBND thành phố Cần Thơ về công tác quy hoạch, Phòng TC-HC xây dựng và tham mưu Hiệu trưởng ban hành văn bản hướng dẫn công tác quy hoạch đội ngũ NV [H7.07.01.06], [H7.07.01.07], [H7.07.01.08], [H7.07.01.09], [H7.07.01.10]. Để có cơ sở thực hiện công tác quy hoạch, Phòng TC-HC phối hợp các đơn vị thực

hiện báo cáo đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của mỗi đơn vị để triển khai hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ giai đoạn 2015-2020 [H7.07.01.11].

Căn cứ Luật Viên chức, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, Nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Bộ Nội vụ, Phòng TC-HC tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường [H7.07.01.12], [H7.07.01.06], [H7.07.01.13], [H7.07.01.14], [H7.07.01.15], [H7.07.01.16]. Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng hằng năm của Trường và triển khai thực hiện, trong đó có tuyển dụng đội ngũ NV [H7.07.01.17].

Nhà trường ban hành quy định cụ thể về quy trình quy hoạch nhân lực và tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng đối với từng vị trí cán bộ quản lý và được thể hiện trong kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nguồn nhân lực và bản mô tả vị trí việc làm của Trường giai đoạn 2015-2020 [H7.07.01.10]. Nhà trường ban hành kế hoạch quy hoạch đội ngũ NV thông báo đến các đơn vị để thực hiện công tác quy hoạch, trong đó Phòng TC-HC là đơn vị thường trực [H7.07.01.18]. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng và ban hành Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm là cơ sở để quy hoạch đội ngũ NV của Trường [H7.07.01.19]. BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xác định danh sách NV đáp ứng quy định, phù hợp với đề án vị trí việc làm và nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.01.20]. Kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2015-2020 được Nhà trường thông báo công khai đến các đơn vị và toàn thể CB, GV, NV của Trường [H7.07.01.21], [H7.07.01.22]. Trên cơ sở đó, tại cuộc họp giao ban của các đơn vị, lãnh đạo đơn vị phổ biến kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nhân lực của Trường giai đoạn 2015-2020 đến toàn thể CB, GV, NV của đơn vị [H7.07.01.23]. Nhà trường phê duyệt và công bố danh sách quy hoạch nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2016-2020 đến toàn thể CB, GV, NV được biết [H7.07.01.24]. Các văn bản quy hoạch nguồn nhân lực giai đoạn 2015-2020 đồng thời được đăng tải trên website của Trường [H7.07.01.25], [H7.07.01.26]. Định kỳ hằng năm, trên cơ sở Đề án vị trí việc làm của từng đơn vị, Nhà trường thông báo đến các đơn vị triển khai xây dựng kế hoạch ĐT, BD nguồn nhân lực của đơn vị [H7.07.01.27]. Các phòng chức năng, khoa chuyên môn, trung tâm trực thuộc căn cứ nhu cầu nhân lực cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của đơn vị, đã tiến hành xây dựng Đề án vị trí việc làm của đơn vị với sự tham gia đóng góp ý kiến của tất cả CB, VC và gửi về Phòng TC-HC để tổng hợp [H7.07.01.19]. BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để thông qua Đề án vị trí việc làm và trên cơ sở đó, Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2015-2020 [H7.07.01.28]. Nhà trường thông báo Đề án vị trí việc làm giai đoan 2015-2020 đến các đơn vị để phổ biến cho CB, GV, NV biết và thực hiện [H7.07.01.29].

Hiện nay, Nhà trường có 50 NV, đảm bảo về chuyên môn nghiệp vụ. Các NV của Nhà trường được bố trí làm việc tại các phòng chức năng gồm 17 người, thư viện gồm 02 người, y tế 01 người để thực hiện các công việc hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường, Khoa CNTP và CNSH. Phòng TCHC quản lý CSDL, hồ sơ, lý lịch của đội ngũ NV của Trường [H7.07.01.30]. Hằng năm, Phòng ĐBCL&KT triển khai lấy ý kiến của GV, SV, trong đó có nội dung khảo sát về mức độ đáp ứng của NV [H7.07.01.31], [H7.07.01.32], [H7.07.01.33]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về mức độ đáp ứng của NV của Nhà trường [H7.07.01.34]. Ngoài ra, ý kiến của GV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm, các ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm và ý kiến của SV tại các buổi sinh hoạt lớp thể hiện mức độ hài lòng về mức độ đáp ứng của NV của Trường [H7.07.01.35], [H7.07.01.36], [H7.07.01.37].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng kế hoạch quy hoạch đội ngũ NV và triển khai hoạch đội ngũ NV dựa trên việc phân tích nhu cầu về đội ngũ NV của các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

- Nhà trường triển khai công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

- Nhà trường triển khai quy hoạch, tuyển dụng đội ngũ NV đúng theo quy định.

- Đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

- Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về mức độ đáp ứng của NV của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại:

Công tác quy hoạch đội ngũ NV tuy đã được triển khai nhưng việc rà soát quy hoạch đội ngũ NV đôi lúc còn chậm.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, hằng năm, Phòng TC-HC phối hợp với các đơn vị để rà soát quy hoạch đội ngũ NV nhằm có những điều chỉnh, bổ sung quy hoạch kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả:

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự; quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV được thể hiện trong Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức do Nhà trường ban hành [H7.07.02.01]. Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng hằng năm của Trường và triển khai thực hiện [H7.07.02.02]. Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường, kế hoạch tuyển dụng hằng năm, thông báo tuyển dụng hằng năm được đăng tải trên website của Trường và của Phòng TC-HC [H7.07.02.03], [H7.07.02.04], [H7.07.02.05]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường tuyển dụng 13 NV, trong đó có 06 ThS, 07 ĐH. Nhà trường ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý và thông báo đến các đơn vị thực hiện [H7.07.02.06]. Trong Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý do Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về các tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự. Bên cạnh đó, các nhân sự được đề bạt phải đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí và yêu cầu được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm [H7.07.02.07]. Trước khi bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự, Đảng ủy Trường họp với BGH để xem xét và ra nghị quyết thống nhất về bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự [H7.07.02.08]. Công tác bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự đáp ứng yêu cầu, nhu cầu nguồn nhân lực giai đoạn 2013-2019 và được thể hiện trong báo cáo tổng kết Nghị quyết Đảng bộ trường nhiệm kỳ 2015-2020 [H7.07.02.09], [H7.07.02.10], [H7.07.02.11], [H7.07.02.12]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường bổ nhiệm 60 CBQL, luân chuyển 07 CBQL [H7.07.02.13], [H7.07.02.14].

Căn cứ Luật Viên chức, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, Nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Bộ Nội vụ, Phòng TC-HC dự thảo Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường, Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả vị trí việc làm và triển khai lấy ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tổng hợp của các đơn vị, Phòng TC-HC trình Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả vị trí việc làm của Trường [H7.07.02.15], [H7.07.02.16], [H7.07.02.17, [H7.07.02.18], [H7.07.02.19], [H7.07.01.20]. [H7.07.02.21].

Các Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường và Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường được Nhà trường thông báo công khai đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV của đơn vị [H7.07.02.22], [H7.07.02.23]. Thông qua các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH phổ biến và yêu cầu các đơn vị thông báo đến toàn thể CB, GV, NV biết về thông báo tuyển dụng hằng năm của Trường [H7.07.02.24]. Tại các cuộc họp giao ban của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV về thông báo tuyển dụng hằng năm của Trường [H7.07.02.25]. Đồng

thời, các thông tin về tuyển dụng hằng năm của Trường được đăng tải trên website của Trường [H7.07.02.04], [H7.07.02.05]. Ngoài ra, toàn bộ thông tin về quản lý nhân sự được lưu trữ trong phần mềm quản lý nhân sự và tiền lương của Trường (HRM) và đăng tải trên website của Trường [H7.07.02.26].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV.

- Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tícht nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV.

- Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và của Phòng TC-HC.

- Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường tuyển dụng 13 NV, trong đó có 06 ThS, 07 ĐH.

3. Điểm tồn tại:

Vẫn còn trường hợp NV kiêm nhiệm các công tác khác.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường rà soát để bố trí, sắp xếp nhằm đảm bảo NV thực hiện công tác chuyên trách theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả:

Việc xác định và xây dựng tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ NV khác nhau được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả công việc do Nhà trường ban hành [H7.07.03.01], [H7.07.03.02]. Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc được Nhà trường thông báo, phổ biến cụ thể đến đội ngũ CB, GV, NV để tất cả hiểu rõ về những năng lực cần có và cần bổ sung, hoàn thiện trong quá trình thực thi công việc [H7.07.03.03], [H7.07.03.04]. Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc được lãnh đạo đơn vị phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV thông qua cuộc họp giao ban của các đơn vị [H7.07.03.05]. Ngoài ra, trong các văn bản tuyển dụng hằng năm, Nhà trường xác định và mô tả rõ năng lực cần có đối với các vị trí NV cần tuyển dụng [H7.07.03.06]. Đồng thời, văn bản hướng dẫn công tác quy hoạch và bổ nhiệm do Nhà trường ban hành có mô tả rõ năng lực đối với từng vị trí quy hoạch và bổ nhiệm [H7.07.03.07]. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động

của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của CB, GV, NV [H7.07.03.08], [H7.07.03.09]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường có nêu rõ trách nhiệm của lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của CB, GV, NV của đơn vị [H7.07.03.10]. Quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được thể hiện rõ trong Quy định đánh giá, phân loại CB, GV, NV và Kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường hằng năm [H7.07.03.11]. Bên cạnh đó, các biểu mẫu đánh giá thể hiện rõ từng tiêu chí đánh giá và được đính kèm trong Kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường hằng năm [H7.07.03.12]. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được xây dựng phù hợp với tiêu chí, năng lực trong Đề án vị trí việc làm của Trường [H7.07.03.13]. Đối với NV, các tiêu chí đánh giá bao gồm: tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ,... Đồng thời, các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được xác định dựa trên ý kiến đóng góp của các đơn vị tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị cũng như ý kiến đóng góp của CB, GV, NV tại cuộc họp giao ban của các đơn vị [H7.07.03.14], [H7.07.03.15].

Hằng năm, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch và trình Hiệu trưởng ban hành kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H7.07.03.11], [H7.07.03.16]. Trên cơ sở đó, các đơn vị tiến hành triển khai đến CB, GV, NV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc theo mẫu do Trường ban hành [H7.07.03.17]. Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả đạt được trong năm của CB, GV, NV, tổng hợp kết quả và gửi về Phòng TC-HC [H7.07.03.18]. Sau khi Phòng TC-HC tổng hợp kết quả hoạt động trong năm của từng viên chức mỗi đơn vị, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá CB, GV, NV của Trường và kết quả đánh giá được thông báo đến CB, GV, NV [H7.07.03.19], [H7.07.03.20]. Kết quả đánh giá CB, GV, NV hằng năm được gửi đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV [[H7.07.03.18]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV được Phòng TC-HC lưu trữ dữ liệu thống nhất chung trong toàn Trường và trong hồ sơ năng lực của NV [H7.07.03.21]. Phòng TC-HC phân công 01 chuyên viên xây dựng CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường [H7.07.03.22]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường luôn được tổng hợp, đồng thời được thể hiện trong báo cáo tổng kết hằng năm của Trường và của Phòng TC-HC [H7.07.03.23], [H7.07.03.24].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NC, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Hằng năm, nhà trường tiến hành thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan.

- Kết quả đánh giá NV hằng năm được lưu trữ trong CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường và trong hồ sơ năng lực của NV.

3. Điểm tồn tại:

Hoạt động đánh giá đồng nghiệp tuy đã được triển khai nhưng chưa phát huy tối đa hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường bổ sung các hình thức đánh giá đồng nghiệp một cách thường xuyên nhằm phát huy hiệu quả của hoạt động đánh giá đồng nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả:

Căn cứ Đề án thành lập Trường, Nhà trường xây dựng Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020" và đã được UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt, trong Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011-2020" có nội dung phát triển nhân sự của Trường nói chung và đội ngũ NV nói riêng [H7.07.04.01], [H7.07.04.02]. Phòng TC-HC thông báo đến các đơn vị đăng ký nhu cầu ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ NV và gửi về Phòng TC-HC tổng hợp, trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch ĐT, BD đội ngũ NV hằng năm và thông báo đến các đơn vị để phối hợp thực hiện [H7.07.04.03], [H7.07.04.04], [H7.07.04.05]. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV của Nhà trường được xây dựng phù hợp với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ GV do các đơn vị đề xuất [H7.07.04.06], [H7.07.04.07]. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Phòng TC-HC xây dựng báo cáo phân tích nhu cầu ĐT, BD của đội ngũ GV và đồng thời là cơ sở để xây dựng kế hoạch ĐT, BD đội ngũ GV hằng năm.

Các nội dung về ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV đồng thời được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường, Khoa CNTP và CNSH [H7.07.04.08]. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ NV của Nhà trường được xây dựng phù hợp với nhu cầu ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ NV do các đơn vị đề xuất [H7.07.04.06], [H7.07.04.07]. Bên cạnh đó, kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ NV của Nhà trường phù hợp và phục vụ nhu cầu nhân lực để triển khai các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được thể hiện trong Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011-2020", cũng như kế hoạch ĐT, BD đội ngũ NV hằng năm của Nhà trường được xây dựng phù hợp với TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H7.07.04.01], [H7.07.04.09], [H7.07.04.10], [H7.07.04.11]. Ngoài ra, kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường phù hợp với nội dung chỉ đạo trong Nghị quyết của Đảng ủy của Trường [H7.07.04.12].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai hoạt động ĐT, BD đội ngũ NV của Trường [H7.07.04.13], [H7.07.04.14], [H7.07.04.15]. Định kỳ hằng năm, thực hiện chỉ đạo của BGH, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch và phối hợp các đơn vị triển khai các hoạt động ĐT, BD đội ngũ NV [H7.07.04.16]. Bên cạnh đó, hằng năm, hoạt động ĐT, BD và phát triển đội ngũ NV được Nhà trường cân đối kinh phí để hỗ trợ cho NV học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.04.17], [H7.07.04.18]. Nhà trường thường xuyên phối hợp với Sở Nội vụ, Sở KH&CN, Trường Chính trị TP Cần Thơ tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ NV [H7.07.04.19], [H7.07.04.20], [H7.07.04.21]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí để đội ngũ CB, GV, NV tham gia các khóa ĐT, BD trong và ngoài nước [H7.07.04.20]. Trong giai đoạn 2016-2020, 478 lượt CB, GV, NV của Trường đã tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tham gia các khóa tập huấn trong và ngoài nước [H7.07.04.22], [H7.07.04.23]. Bên cạnh đó, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH theo dõi hoạt động ĐT, BD đội ngũ CB, GV, NV của Trường và xây dựng CSDL về đội ngũ CB, GV, NV, trong đó dữ liệu về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV hằng năm [H7.07.04.24]. Trong giai đoạn 2016-2020, gần 100% CB, GV, NV của Trường được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, trong đó có 168 CB, GV, NV được ĐT, BD và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 86,6% [H7.07.04.25]. Kết quả khảo sát ý kiến của đội ngũ NV thể hiện 100% ý kiến NV hài lòng về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường [H7.07.04.26]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm thể hiện sự hài lòng về hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường [H7.07.04.27].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011-2020" có nội dung phát triển nhân sự của Trường nói chung và phát triển đội ngũ NV nói riêng.

- Hằng năm, Nhà trường xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV.

- Căn cứ kế hoạch ĐT, BD đã phê duyệt, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và các đơn vị.

- Trong giai đoạn 2016-2020, kết quả khảo sáy ý kiến của đội ngũ NV thể hiện 100% ý kiến NV hài lòng về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng NV tham gia học tập sau đại học chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường áp dụng chế độ động viên, khuyến khích đội ngũ NV học tập sau đại học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của NV [H7.07.05.01], [H7.07.05.02]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường có nêu rõ trách nhiệm của lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của NV của đơn vị [H7.07.05.03]. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ CB quản lý do BGH đánh giá và kết quả thực hiện nhiệm vụ của BGH do Đảng ủy đánh giá [H7.07.05.04]. Quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của NV được thể hiện rõ trong Quy định đánh giá, phân loại GV và Kế hoạch đánh giá NV của Trường hằng năm [H7.07.05.05]. Bên cạnh đó, các biểu mẫu đánh giá thể hiện rõ từng tiêu chí đánh giá và được đính kèm trong Kế hoạch đánh giá NV của Trường hằng năm [H7.07.05.06]. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của NV được xây dựng phù hợp với tiêu chí, năng lực trong Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc của Trường ban hành [H7.07.05.07]. Đồng thời, các tiêu chí rõ ràng để đánh giá

hiệu quả công việc của NV được xác định dựa trên ý kiến đóng góp của các đơn vị tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị cũng như ý kiến đóng góp của GV tại cuộc họp giao ban của các đơn vị [H7.07.05.08], [H7.07.05.09].

Hằng năm, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch và trình Hiệu trưởng ban hành kế hoạch đánh giá NV của Trường và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H7.07.05.05], [H7.07.05.10]. Trên cơ sở đó, các đơn vị tiến hành triển khai đến NV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc theo mẫu do Trường ban hành [H7.07.05.11]. Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả đạt được trong năm của NV, tổng hợp kết quả và gửi về Phòng TC-HC [H7.07.05.12]. Sau khi Phòng TC-HC tổng hợp kết quả hoạt động trong năm của từng viên chức mỗi đơn vị, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá NV của Trường và kết quả đánh giá được thông báo đến NV [H7.07.05.13], [H7.07.05.14]. Đối với CBQL cấp phòng, khoa, trung tâm, Đảng ủy họp triệu tập cuộc họp đảng ủy mở rộng gồm có đảng ủy, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Trường để đánh giá CBQL và thông báo kết quả đánh giá đến từng CBQL của Trường [H7.07.05.15]. Kết quả đánh giá NV hằng năm được gửi đến các đơn vị để thông báo đến NV [H7.07.05.12].

Đầu năm học, NV thực hiện đăng ký thi đua trong năm học, nộp Khoa tổng hợp và nộp về Phòng TC-HC. Trong đó, thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, … để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ ĐT, NCKH và PVCĐ. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của NV được Phòng TC-HC lưu trữ dữ liệu thống nhất chung trong toàn Trường [H7.07.05.16]. Phòng TC-HC phân công 01 chuyên viên xây dựng CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của NV của Trường [H7.07.05.17]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của NV của Trường luôn được tổng hợp, đồng thời được thể hiện trong báo cáo tổng kết hằng năm của Trường và của Phòng TC-HC [H7.07.05.18], [H7.07.05.19].

Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của NV và các quy định về thi đua khen thưởng được Phòng TC-HC lấy ý kiến của tất cả NV thông qua việc triển khai và tổng hợp ý kiến của các đơn vị. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường, Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả vị trí việc làm, quy định về thi đua khen thưởng và gửi đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời thông báo, phổ biến đến toàn thể NV biết để thực hiện. Bên cạnh đó, hệ thống văn bản về đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV và các văn bản về thi đua khen thưởng được đăng tải trên website của Trường, của Phòng TC-HC.

Các nội dung về thi đua khen thưởng đối với NV được thể hiện rõ trong Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H7.07.05.20]. Bên cạnh đó, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường thể hiện rõ các chế độ khen thưởng đối với NV đạt

thành tích và các danh hiệu thi đua trong thực thi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H7.07.05.21]. Kinh phí chi cho việc thi đua khen thưởng NV của Trường được phân bổ theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H7.07.05.22]. Định kỳ hằng tháng, hằng quý, các đơn vị tiến hành họp xét thi đua đối với CB, VC của đơn vị, trên cơ sở đó định kỳ hằng năm, Nhà trường tiến hành họp xét thi đua khen thưởng đối với NV của Trường [H7.07.05.23], [H7.07.05.24]. Trong nội dung xét thi đua khen thưởng đối với NV, Nhà trường luôn căn cứ vào kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng tháng, hằng quý và hằng năm của NV của Trường [H7.07.05.12]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường và các đơn vị, đội ngũ NV của Trường đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp [H7.07.05.25], [H7.07.05.26], [H7.07.05.27]. Kết quả đánh giá CB, VC hằng năm được Nhà trường sử dụng để làm căn cứ xác định đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng CB, GV, NV nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H7.07.05.28], [H7.07.05.29], [H7.07.05.30], [H7.07.05.31]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có quy định cụ thể về định mức đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng NV [H7.07.05.21]. Đối với NV hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm được Nhà trường ưu tiên đầu tư tài chính, tạo điều kiện để học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong giai đoạn 2016-2020 có 34 CB, GV, NV được Nhà trường tạo điều kiện học tập sau đại học, 444 lượt CB, GV, NV được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước [H7.07.05.29], [H7.07.05.31], [H7.07.05.32], [H7.07.05.33], [H7.07.05.34]. Ý kiến khảo sát CB, GV, NV và ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm đều thể hiện sự hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NVvà quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

- Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

- Các phòng, khoa, trung tâm đều có xây dựng kế hoạch năm và phân công công việc rõ ràng cho NV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết,… để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCĐ.

- Tất cả đội ngũ NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc.

Ý kiến khảo sát CB, GV, NV và ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm đều thể hiện sự hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

3. Điểm tồn tại:

Các hình thức khen thưởng cấp cao của GV Khoa CNTP và CNSH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Nhà trường, Phòng TC-HC, các đơn vị tăng cường động viên, khuyến khích NV tham gia các hình thức khen thưởng cấp cao.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Nhà trường xây dựng kế hoạch quy hoạch đội ngũ NV và triển khai hoạch đội ngũ NV dựa trên việc phân tích nhu cầu về đội ngũ NV của các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhà trường triển khai công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhà trường triển khai quy hoạch, tuyển dụng đội ngũ NV đúng theo quy định. Đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về mức độ đáp ứng của NV của Nhà trường.

Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tícht nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và của Phòng TC-HC. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường tuyển dụng 13 NV, trong đó có 06 ThS, 07 ĐH.

Nhà trường ban hành quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NC, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm, nhà trường tiến hành thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Kết quả đánh giá NV hằng năm được lưu trữ trong CSDL về kết

quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường và trong hồ sơ năng lực của NV.

Nhà trường xây dựng Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011-2020" có nội dung phát triển nhân sự của Trường nói chung và phát triển đội ngũ NV nói riêng. Hằng năm, Nhà trường xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Căn cứ kế hoạch ĐT, BD đã phê duyệt, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và các đơn vị. Trong giai đoạn 2016-2020, kết quả khảo sáy ý kiến của đội ngũ NV thể hiện 100% ý kiến NV hài lòng về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường.

Nhà trường ban hành quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NVvà quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Các phòng, khoa, trung tâm đều có xây dựng kế hoạch năm và phân công công việc rõ ràng cho NV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết,… để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCĐ. Tất cả đội ngũ NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Ý kiến khảo sát CB, GV, NV và ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm đều thể hiện sự hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

Tuy nhiên, Công tác quy hoạch đội ngũ NV tuy đã được triển khai nhưng việc rà soát quy hoạch đội ngũ NV đôi lúc còn chậm. Vẫn còn trường hợp NV kiêm nhiệm các công tác khác. Hoạt động đánh giá đồng nghiệp tuy đã được triển khai nhưng chưa phát huy tối đa hiệu quả. Số lượng NV tham gia học tập sau đại học chưa nhiều. Các hình thức khen thưởng cấp cao của GV Khoa CNTP và CNSH còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí, Khoa CNTP và CNSH tự đánh giá cả 5 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

Xác định người học là chủ thể của quá trình đào tạo, Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH luôn quan tâm, chú trọng triển khai nhiều hoạt động và hỗ trợ người học. Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh rõ ràng, đúng theo quy định của

Bộ GD&ĐT, trong đó xác định cụ thể phương pháp xét tuyển công khai, vùng tuyển sinh, đối tượng xét tuyển. Đồng thời, Nhà trường ứng dụng CNTT quản lý, hỗ trợ và giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học một cách minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực nhằm nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường nói chung và chất lượng đào tạo của ngành CNTP nói riêng.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả:

Các Nghị quyết của Đảng ủy và các thông báo kết luận của BGH thể hiện sự quan tâm của Đảng ủy, BGH về công tác tuyển sinh và kết quả tuyển sinh của Trường [H8.08.01.01], [H8.08.01.02]. Phòng ĐT là đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, đề xuất chiến lược và giúp Hiệu trưởng trong thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh [H8.08.01.03], [H8.08.01.04], [H8.08.01.05], [H8.08.01.06], [H8.08.01.07]. Hằng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng Tuyển sinh, trong đó Phòng ĐT là đơn vị thường trực [H8.08.01.08]. Trong BGH, Nhà trường có phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác tuyển sinh của Trường [H8.08.01.09]. Căn cứ các văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, CSDL tuyển sinh của các năm học trước, Phòng ĐT phối hợp với các khoa, phòng, ban để xây dựng dự thảo Đề án tuyển sinh, thông qua cuộc họp của Hội đồng Tuyển sinh để thống nhất Đề án tuyển sinh hằng năm [H8.08.01.10], [H8.08.01.11]. Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng ký ban hành Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường. Đề án tuyển sinh của Trường thể hiện rõ các nội dung như đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, chế độ ưu tiên, ngưỡng ĐBCL đầu vào, thông tin về các ngành nghề đào tạo của Trường, thời gian nhận hồ sơ, các thủ tục, quy trình đăng ký xét tuyển, ưu tiên xét tuyển nhằm đảm bảo cung cấp thông tin cụ thể nhất đến thí sinh và phụ huynh [H8.08.01.12]. Bên cạnh đó, Nhà trường công bố các chính sách học bổng, ưu đãi học phí cụ thể đến thí sinh trong hướng dẫn tuyển sinh cũng như công bố chính thức trên các ấn phẩm truyền thông, Brochure tuyển sinh, quảng bá trên báo chí, đài phát thanh truyền hình và website của Trường để thí sinh, phụ huynh thí sinh và các đối tượng quan tâm dễ dàng tiếp cận, đăng ký và kịp thời nắm bắt quyền lợi chính đáng khi tham gia tuyển sinh vào Trường [H8.08.01.13], [H8.08.01.14], [H8.08.01.15], [H8.08.01.16].

Định kỳ hằng năm, Phòng ĐT xây dựng Kế hoạch tuyển sinh dựa trên Đề án tuyển sinh, thông qua cuộc họp của HĐTS để thống nhất và trình Hiệu trưởng ký ban hành Kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Trường [H8.08.01.17]. Trong Kế hoạch tuyển sinh hằng năm, Nhà trường có phân công cụ thể trách nhiệm của các

đơn vị, trong đó Phòng CTCT&QLSV có nhiệm vụ chính trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, các hoạt động truyền thông phù hợp theo phân công của BGH Trường. Bên cạnh đó, các phòng, khoa có nhiệm vụ tổ chức, phối hợp với Phòng CTCT&QLSV tổ chức các hoạt động hỗ trợ theo phân công của Nhà trường trong kế hoạch tuyển sinh. Ngoài ra, thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường luôn quán triệt và yêu cầu các đơn vị, CB, GV, NV có trách nhiệm và tích cực tham gia công tác tuyển sinh của Trường [H8.08.01.18]. Đồng thời, tại cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo đơn vị quán triệt và yêu cầu đội ngũ CB, GV, NV tích cực tham gia công tác tuyển sinh của Trường [H8.08.01.19]. Trong Kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Trường có nêu rõ các mốc thời gian của công tác tuyển sinh như: thời gian tư vấn, thời gian xét tuyển, thời gian xét tuyển nguyện vọng bổ sung để các khoa chủ động phối hợp thực hiện [H8.08.01.17].

Nhà trường luôn chú trọng công tác tuyển sinh, theo đó hằng năm, Nhà trường tích cực tham gia các hoạt động tư vấn tuyển sinh trực tiếp do các cơ quan báo chí, truyền thông tổ chức như: Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên, tham gia tư vấn tuyển sinh với các trường THPT tại thành phố Cần Thơ và các tỉnh ĐBSCL, truyền thông trên các báo online cũng như cẩm nang tuyển sinh [H8.08.01.20], [H8.08.01.21]. Trong Kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Trường luôn có nội dung truyền thông về tuyển sinh. Nhà trường phân công Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chuyên trách và phối hợp với các đơn vị trong Trường để thực hiện truyền thông về tuyển sinh của Trường một cách đa dạng, kịp thời và hiệu quả [H8.08.01.17]. Nhà trường đăng tải đầy đủ đề án tuyển sinh, các thông tin về tuyển sinh trên website của Trường [H8.08.01.22], [H8.08.01.23]. Bên cạnh đó, thông tin về tuyển sinh của Trường còn thể hiện trên Brochure của Trường, đăng trên cẩm nang tuyển sinh của các báo. Ngoài ra, Nhà trường đăng thông tin tuyển sinh trên facebook của Trường, trên Zalo Trường cũng như tổng đài của VNPT qua hình thức nhắn tin SMS [H8.08.01.24], [H8.08.01.25]. Các hình thức truyền thông tuyển sinh của Trường thông qua khảo sát ý kiến của tân SV được đánh giá là kịp thời, tiện lợi, hiệu quả, góp phần tích cực vào kết quả tuyển sinh tăng trưởng tích cực qua từng năm của Trường và được thể hiện trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh, báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị [H8.08.01.25], [H8.08.01.26], [H8.08.01.27], [H8.08.01.28], [H8.08.01.29], [H8.08.01.30], [H8.08.01.31], [H8.08.01.32], [H8.08.01.33]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó Phòng ĐT báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh của Trường, đồng thời Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh của Trường. Trên cơ sở đó, dựa trên việc tham khảo các báo cáo phân tích và dự báo nhân lực ngành nghề đào tạo của Trường, của thành phố Cần Thơ, khu vực đồng bằng sông Cửu Long

và cả nước, Nhà trường có những điều chỉnh, cải tiến chính sách tuyển sinh cho phù hợp.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó thể hiện chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm.

- Nhà trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh bằng nhiều hình thức khác nhau, góp phần đáng kể vào kết quả tuyển sinh của Trường.

- Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh của Trường.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Phòng ĐBCL&KT phối hợp với Phòng ĐT và các Khoa triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài về chính sách tuyển sinh của Trường để có thêm cơ sở điều chỉnh chính sách tuyển sinh cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả:

Hằng năm, để xác định chỉ tiêu cụ thể các ngành tuyển sinh nói chung, ngành CNTP nói riêng, HĐTS của Trường họp để xác định các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành đào tạo của toàn Trường [H8.08.02.01], [H8.08.02.02], [H8.08.02.03]. Căn cứ các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, báo cáo công tác tuyển sinh của Trường cũng như báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh của năm học trước, Nhà trường xác định các tiêu chí, điều kiện tuyển sinh, các chính sách ưu tiên tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành đào tạo và được thể hiện trong Đề án tuyển sinh của Trường [H8.08.02.04], [H8.08.02.05], [H8.08.02.06], [H8.08.02.07] [H8.08.02.08]. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường ban hành Kế hoạch tuyển sinh hằng năm [H8.08.02.09]. Các tiêu chí, điều kiện tuyển sinh của Trường bên cạnh việc tuân thủ quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xác định tiêu chí, điều kiện tuyển sinh cụ thể đối với chương trình đào tạo từng ngành của Trường, đồng thời, đăng tải trên website của

Trường và thông báo đầy đủ đến thí sinh [H8.08.02.10], [H8.08.02.11]. Trên cơ sở căn cứ năng lực của đội ngũ GV của Trường và của các ngành đào tạo, HĐTS Trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh chung của Trường và của từng ngành đào tạo [H8.08.02.12], [H8.08.02.13]. Trong giai đoạn 2016-2020, chỉ tiêu tuyển sinh của Trường được xác định đúng theo quy định [H8.08.02.14].

Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường áp dụng các phương thức xét tuyển đại học cho từng ngành đào tạo với mục tiêu chọn người học phù hợp với từng CTĐT và áp dụng thống nhất chung cho chương trình giảng dạy [H8.08.02.15]. Nhà trường áp dụng 02 phương thức xét tuyển bao gồm: (1) Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia: Thí sinh có hộ khẩu thường trú tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long hoặc thí sinh có hộ khẩu tạm trú và học trung học phổ thông lớp 10, 11, 12 tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (năm 2019 xét tuyển cả nước); Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; Tổ hợp môn thi xét tuyển phù hợp với ngành đào tạo, có điểm xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1.0 điểm trở xuống; (2) Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT theo học bạ (áp dụng từ năm 2019); thí sinh phải tốt nghiệp THPT, tổng điểm trung bình cả 3 năm THPT của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định hiện hành, xét điểm theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Nhà trường áp dụng linh hoạt các hình thức xét tuyển phù hợp, đúng quy định với số lượng thí sinh được tuyển, đáp ứng được ngưỡng ĐBCL đầu vào của Trường. Số lượng tân SV của Trường tăng qua từng năm [H8.08.02.16]. Ngoài ra, Nhà trường phân công Phòng ĐT xây dựng, quản lý CSDL về công tác tuyển sinh của Trường [H8.08.02.17]. CSDL về công tác tuyển sinh của Trường được lưu trữ đầy đủ và dễ dàng trích xuất khi có yêu cầu [H8.08.02.18]. Các thông tin tuyển sinh, nhập học, các điều kiện tuyển sinh được Nhà trường công khai và thông tin đầy đủ theo quy định của Bộ GD&ĐT [H8.08.02.11]. Kết thúc tuyển sinh hằng năm, Phòng ĐT thực hiện báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh để báo cáo Bộ GD&ĐT theo quy định đồng thời báo cáo Hội đồng tuyển sinh Nhà trường. Trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hằng năm của Nhà trường luôn có sự đối sánh kết quả so với chỉ tiêu đã xác định, phân tích số liệu tuyển sinh và nhập học, so sánh số liệu tuyển sinh của các ngành đào tạo và các CTĐT, rà soát và đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học. Trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hằng năm, căn cứ kết quả phân tích công tác tuyển sinh, Phòng ĐT đề xuất các biện pháp nhằm cải tiến và nâng cao hiệu quả của công tác tuyển sinh của năm tiếp theo cũng như khắc phục các tồn tại của quá trình thực hiện công tác tuyển sinh, trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

2. Điểm mạnh:

- Hằng năm, Nhà trường xây dựng và ban hành đề án tuyển sinh đúng theo quy định, trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học rõ ràng.

- Hằng năm, Nhà trường rà soát các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh.

- Kết quả tuyển sinh của Nhà trường luôn đạt chỉ tiêu đề ra, góp phần nâng cao học hiệu của Trường.

3. Điểm tồn tại:

Do tính cạnh tranh cao của các trường ĐH truyền thống trên địa bàn nên điểm chuẩn đầu vào của Nhà trường chưa được cải thiện.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2021, Nhà trường đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh đồng thời tăng cường công tác truyền thông nhằm cải thiện điểm chuẩn đầu vào của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

1. Mô tả:

Phòng ĐT được thành lập năm 2013 và nhân sự của Phòng ĐT hiện có 06 người, trong đó gồm có 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 04 chuyên viên. Phòng CTCT&QLSV được thành lập năm 2013 và nhân sự của Phòng CTCT&QLSV hiện có 06 người, trong đó gồm có 01 Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng, 02 chuyên viên. Nhà trường giám sát tiến trình giảng dạy của GV và học tập, rèn luyện của SV thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường (Education) [H8.08.03.01]. Hằng năm, các Khoa thường xuyên tiến hành dự giờ GV của Khoa [H8.08.03.02]. Ngoài ra, Bộ phận Thanh tra của Trường thường xuyên kiểm tra việc thực hiện giờ giấc giảng dạy của GV [H8.08.03.03], [H8.08.03.04]. Nhà trường ban hành Quy định công tác phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học nhằm giám sát hoạt động học tập và rèn luyện của SV được triển khai ở cấp Trường, trong đó Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; ở lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách [H8.08.03.05], [H8.08.03.06], [H8.08.03.07], [H8.08.03.08], [H8.08.03.09], [H8.08.03.10], [H8.08.03.11], [H8.08.03.12], [H8.08.03.13], [H8.08.03.14].

Nhà trường ban hành và thông báo Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H8.08.03.15] , [H8.08.03.16], [H8.08.03.17], [H8.08.03.18]. Các Khoa phổ biến Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến GV, SV biết để thực hiện đúng quy định [H8.08.03.19]. Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban hành, trong đó có quy định cụ thể về các hình thức đánh giá học phần [H8.08.03.15]. Nhà trường ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường. Tại cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị về công tác đào tạo, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý của các Khoa về công tác thi, KTĐG KQHT của người học [H8.08.03.20]. Năm 2020, Nhà trường ban hành quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học và thông báo đến các đơn vị để thực hiện. Đầu mỗi học kỳ, Phòng ĐT trích xuất danh sách SV chưa đăng ký học phần, liên hệ trực tiếp để hỏi thăm, nhắc nhở và kịp thời hỗ trợ các trường hợp SV gặp khó khăn. Bên cạnh đó, danh sách SV chưa đăng ký học phần được gửi đến Khoa để thông báo đến CVHT và liên hệ trực tiếp SV để nhắc nhở, hỗ trợ SV. Phòng CTCT&QLSV giám sát SV trong việc quản lý hồ sơ SV, điểm rèn luyện của SV, tin nhắn SV, SV tốt nghiệp, … Hằng năm, Phòng CTCT&QLSV thực hiện báo cáo, rà soát đối với các trường hợp sinh viên có nguy cơ nghỉ học và từ đó đề xuất các giải pháp hạn chế việc bỏ học của SV. Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát người học, Nhà trường đầu tư và ngày càng hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo thông qua hợp đồng với Công ty ASC để thiết kế phần mềm quản lý đào tạo với nhiều tính năng ưu việt trong giám sát người học như: đánh giá điểm rèn luyện, kết quả học tập, đăng ký học phần,… [H8.08.03.21]. Phần mềm quản lý đào tạo giúp cho việc lưu trữ CSDL về kết quả học tập và rèn luyện của người học nhanh chóng, thuận lợi, an toàn [H8.08.03.22], [H8.08.03.23], [H8.08.03.24]. Bên cạnh đó, Nhà trường điều chỉnh, bổ sung hệ thống biểu mẫu đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người học [H8.08.03.25]. Hệ thống biểu mẫu đào tạo được đăng trên website của Nhà trường, Phòng ĐT [H8.08.03.26], [H8.08.03.27]. Ngoài ra, Nhà trường tăng cường tập huấn, trang bị nghiệp vụ cho đội ngũ CVHT nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác giám sát người học của Trường [H8.08.03.28].

Phòng ĐT sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả học tập của người học toàn Trường [H8.08.03.29], [H8.08.03.30]. Bên cạnh đó, Phòng CTCT&QLSV sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả rèn luyện của người học toàn Trường [H8.08.03.31]. Các Khoa được phân quyền trên phần

mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học của Khoa. Đội ngũ CVHT được cấp quyền trên phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học, đồng thời nhập điểm rèn luyện của người học trong mỗi học kỳ [H8.08.03.32], [H8.08.03.33]. Hằng năm, Phòng ĐT thống kê kết quả học tập của SV và Phòng CTCT&QLSV thống kê kết quả rèn luyện của SV toàn trường. Cơ sở dữ liệu về kết quả học tập của SV do Phòng ĐT quản lý và cơ sở dữ liệu về kết quả rèn luyện của SV do Phòng CTCT&QLSV quản lý. Bên cạnh đó, dữ liệu về kết quả học tập và rèn luyện của SV được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV và đối với SV Khoa CNTP và CNSH được thể hiên trong báo cáo tổng kết của Khoa. Các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của SV được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV và các Khoa [H8.08.03.334, [H8.08.03.35].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường phân công trách nhiệm rõ ràng cho Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; ở lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách.

- Nhà trường ban hành văn bản quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV và triển khai thực hiện.

- Nhà trường đầu tư phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học.

3. Điểm tồn tại:

Do là GV kiêm nhiệm nên việc giám sát SV của CVHT đôi lúc còn chưa kịp thời.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020 2021, Nhà trường, Phòng CTCT&QLSV thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng cho CVHT và dành thời gian để CVHT tăng cường giám sát, hỗ trợ SV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

1. Mô tả:

Nhà trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường vào các năm 2013, 2026 và 2018, trong đó có xác định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, có phân công đơn vị tham gia phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học [H8.08.04.01]. Phòng ĐT được thành lập năm 2013 với chức năng, nhiệm vụ tham mưu và giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo đại học chính quy, trong đó có tư vấn công tác tuyển sinh [H8.08.04.02], [H8.08.04.03], [H8.08.04.04]. Phòng CTCT&QLSV được thành lập năm 2013 với chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý công tác chính trị và công tác sinh viên; công tác bảo vệ, giáo dục chăm sóc sức khoẻ cho cán bộ, viên chức và người học; công tác vệ sinh, phòng dịch trong trường; Tổ chức dịch vụ chăm sóc sức khoẻ cộng đồng; công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật và của Nhà trường, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ người học [H8.08.04.05], [H8.08.04.06], [H8.08.04.07], [H8.08.04.08]. Bên cạnh đó, các Khoa tham gia tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học [H8.08.04.09]. Ngoài ra, đội ngũ CVHT tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học đối với lớp được phân công phụ trách [H8.08.04.10], [H8.08.04.11].

Phòng CTCT&QLSV được phân công triển khai các hoạt động hướng nghiệp; giới thiệu việc làm, thực tập cho SV. Bên cạnh đó, Đoàn TN, Hội SV tham gia tổ chức các hoạt động hướng nghiệp; giới thiệu việc làm cho SV. Các Khoa có trách nhiệm tổ chức các hoạt động hướng nghiệp; giới thiệu việc làm cho SV của Khoa. Nhà trường ký kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp nhằm triển khai các hoạt động hướng nghiệp; giới thiệu việc làm, thực tập cho SV. Bên cạnh đó, Khoa CNTP và CSH ký kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp nhằm triển khai các hoạt động hướng nghiệp; giới thiệu việc làm, thực tập cho SV ngành CNTP.

Các nội dung về phục vụ và hỗ trợ người học được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và các đơn vị, đồng thời Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện [H8.08.04.12], [H8.08.04.13], [H8.08.04.14], H8.08.04.15]. Trong cuộc họp giao ban đầu năm học và các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường triển khai và yêu cầu các đơn vị thực hiện hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H8.08.04.16]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: Hội thảo việc làm, tư vấn hướng nghiệp, hội thảo phương pháp học

tập,… [H8.08.04.17]. Bên cạnh đó, các Khoa tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: tham quan thực tế nhà máy, công ty, xí nghiệp, tổ chức các sự kiện hội xuân,… [H8.08.04.18]. Khoa CNTP và CNSH tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: hoạt động kết nối doanh nghiệp; khen thưởng cho tân sinh viên là thủ khoa ngành, sinh viên đạt thành tích học tập xuất sắc; giới thiệu việc làm; vận động tài trợ học bổng cho sinh viên; tổ chức cho sinh viên tham quan tế, thực tập chuyên ngành tại cơ sở sản xuất; liên kết đào tạo các chứng chỉ ngắn hạn giúp sinh viên thuận lợi tìm việc làm, báo cáo chuyên đề Ngoài ra, Đoàn TN và Hội SV tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: hội thao văn nghệ truyền thống; chương trình chào đón tân sinh viên; các cuộc thi thiết kế theo chủ đề (giới thiệu ngành nghề, an toàn thực phẩm), báo tường; Chương trình Xanh - Sạch - Đẹp trường học, tổ chức các câu lạc bộ: tin học, giao lưu, kết nghĩa với các đoàn thể địa phương [H8.08.04.19], [H8.08.04.20]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Trường [H8.08.04.21], [H8.08.04.22].

Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chịu trách nhiệm trong việc phối hợp với các Khoa tổ chức ngày hội việc làm cho SV. Hằng năm, Phòng CTCT&QLSV xây dựng kế hoạch và trình Hiệu trưởng ban hành kế hoạch ngày hội việc làm của SV. Bên cạnh đó, Phòng CTCT&QLSV phối hợp các khoa mời các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tổ chức các buổi chuyên đề giới thiệu, tư vấn việc làm cho SV. Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học hiệu quả như: hội thảo tư vấn việc làm, ngày hội việc làm, tư vấn hướng nghiệp, tham quan thực tế nhà máy, công ty, xí nghiệp,… nhằm nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học [H8.08.04.23]. Các phòng, khoa, công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các CLB SV tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Trường [H8.08.04.24], [H8.08.04.25], [H8.08.04.26], [H8.08.04.27], [H8.08.04.28].

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quy định về khảo sát các bên liên quan, Phòng ĐBCL&KT triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát hiệu quả của hoạt động tư vấn, phục vụ, hỗ trợ người học [H8.08.04.29], [H8.08.04.30], [H8.08.04.31], [H8.08.04.32], [H8.08.04.33], [H8.08.04.34], [H8.08.04.35]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với hoạt động tư vấn, phục vụ, hỗ trợ người học, với trên 90% ý kiến SV và 85% ý kiến cựu SV hài lòng đối với hoạt động phục vụ , hỗ trợ và giám sát người học của Nhà trường [H8.08.04.36]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động hiệu quả hoạt động tư vấn, phục vụ, hỗ trợ người học [H8.08.04.23], [H8.08.04.25], [H8.08.04.27], [H8.08.04.28].

Kết quả khảo sát 342 cựu SV về tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp đạt tỷ lệ 69,3% SV có việc làm, trong đó có 67% SV có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo [H8.08.04.37]. Đặc biệt, tỷ lệ SV tốt nghiệp các ngành có việc làm cao: Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, CNKT điện, điện tử, CNKT điều khiển và TĐH, CNKT cơ điện tử, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp. SV tốt nghiệp ngành CNTP sau 1 năm khoảng 90% SV có việc làm, trong đó có 69.39% SV có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo. Kết quả sát ý kiến của SV, cựu SV cho thấy trên 85 % số SV, cựu SV tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường. Ngoài ra, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm cũng như ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm đều thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động tư vấn, phục vụ, hỗ trợ người học của Nhà trường [H8.08.04.38], [H8.08.04.39], [H8.08.04.40].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường thành lập đơn vị chuyên trách và giao trách nhiệm cụ thể về tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học.

- Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTCT&QLSV, các Khoa chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động tư vấn việc làm cho người học.

- Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học.

- Khoa CNTP&CNSH có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho người học.

- Kết quả sát ý kiến của SV, cựu SV cho thấy trên 85 % số SV, cựu SV tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại:

Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo SV tham gia.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Phòng CTCT&QLSV phối hợp Đoàn TN, Hội SV, các Khoa đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thu hút đông đảo SV tham gia, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của SV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

1. Mô tả:

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Nhà trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý môi trường; Bộ phận Y tế thuộc Phòng CTCT&QLSV chịu trách nhiệm về sức khỏe; Phòng QT-TB chịu trách nhiệm về an toàn của NH [H8.08.05.01], [H8.08.05.02], [H8.08.05.03], [H8.08.05.04], [H8.08.05.05], [H8.08.05.06], [H8.08.05.07], [H8.08.05.08], [H8.08.05.09], [H8.08.05.10]. Nhân sự của Phòng TC-HC, Phòng CTCT&QLSV, Phòng QT-TB được Nhà trường tạo điều kiện tham gia các Hội thảo, các khóa Tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, cụ thể như: Hội thảo về phòng, chống tác hại thuốc lá và công tác nước sạch - vệ sinh trong Trường học; Tập huấn về công tác đảm bảo an ninh, trật tự Trường học và công tác HS-SV; Tập huấn PCCC hằng năm;... Đội ngũ nhân viên bảo vệ của Trường được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ và đảm bảo trực 24/24 giờ tại Trường [H8.08.05.11]. Phòng TC-HC, Phòng CTCT&QLSV, Phòng QT-TB phân công nhân sự của phòng để triển khai và phối hợp triển khai các hoạt động quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn của CB, GV, NV, SV Nhà trường. Các dãy phòng học, giảng đường, phòng làm việc của Nhà trường đều được trang bị hệ thống các bình chữa cháy và hướng dẫn lối thoát hiểm rõ ràng. Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn và tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học được thể hiện rõ trong Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược Nhà trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030, kế hoạch năm học của Trường và trong dự án xây dựng nhà học 01 trệt 06 lầu [H8.08.05.12], [H8.08.05.13], [H8.08.05.14], [H8.08.05.15]. Bên cạnh đó, các nội dung đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học được thể hiện trong Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2020-2025 cũng như kế hoạch năm học của Phòng QT-TB [H8.08.05.16], [H8.08.05.17]. Hiện nay, khuôn viên của Trường được phân thành các khu vực: 02 dãy nhà học một trệt sáu, dãy nhà thực hành thí nghiệm, dãy nhà dành cho các phòng làm việc của GV, khối hành chính; khu vực thư viện. Trường có không gian sạch sẽ, ghế đá, sân bóng chuyền. Trong khuôn viên của Trường có các bảng biểu tuyên truyền, phổ biến về SM, TN, TLGD, các quy tắc ứng xử trong trường. Hằng năm, Nhà trường xem xét nhu cầu về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và được thể hiện trong cuộc họp đầu năm học của BGH với

lãnh đạo các đơn vị [H8.08.05.18]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị chú trọng về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học tại các cuộc họp giao ban định kỳ. Nhà trường hợp đồng với công ty TNHH một thành viên XD-TM-DV Thành Đồng, Công ty CP ĐTPT Giáo dục TPN để bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh các phòng học, nhà vệ sinh phục vụ cho toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.19]. Bên cạnh đó, Nhà trường có lắp đặt hệ thống camera trong khuôn viên Trường để tăng cường an ninh, an toàn tài sản cho tài sản của Trường và toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.20]. Các dãy phòng học, phòng làm việc của Trường đều được trang bị hệ thống bình chữa cháy và lối thoát hiểm rõ ràng [H8.08.05.21]. Cảnh quan của Trường sạch sẽ, thân thiện. Nhà trường có 01 nhân sự đảm nhiệm chăm sóc y tế cho CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.22]. Nhân sự đảm nhiệm công tác y tế của Trường thường xuyên tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc y tế cho CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.23]. Hằng năm, căn cứ nhu cầu đề xuất về kinh phí của Phòng TC-HC, Phòng CTCT&QLSV, Phòng QT-TB về đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học, Nhà trường dành kinh phí đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn của CB, GV, NV, SV [H8.08.05.24], [H8.08.05.25]. Nhà trường ký cam kết với Công an phương An Hòa để tăng cường hỗ trợ an ninh, trật tự nhằm đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.26]. Năm 2019, Nhà trường thực hiện báo cáo giai đoạn 2015-2019 về việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, an toàn của người học [H8.08.05.27]. Bên cạnh đó, năm 2019, Nhà trường thực hiện báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư, cải thiện về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học giai đoạn 2015-2019 [H8.08.05.28]. Ngoài ra, việc đánh giá về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H8.08.05.29], [H8.08.05.30].

Hằng năm, Phòng ĐBCL&KT triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có GV, SV về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường. Bên cạnh đó, ý kiến của GV tại CB, CC, VC hằng năm hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm thể hiện mức độ hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường [H8.08.05.31], [H8.08.05.32], [H8.08.05.33], [H8.08.05.34].

2. Điểm mạnh:

- Với phương châm "Tất cả vì Sinh viên thân yêu!", Nhà trường luôn tạo môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

- Đảng ủy, BGH Nhà trường luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho người học.

- Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

- Nhà trường có hợp đồng thuê Công ty Thành đồng để chăm lo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường.

- Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm sạch sẽ, an toàn, tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

3. Điểm tồn tại:

Không gian sinh hoạt chung còn hạn chế so với nhu cầu của GV, SV.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường tích cực đề nghị UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Cơ sở II tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó thể hiện chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Nhà trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh bằng nhiều hình thức khác nhau, góp phần đáng kể vào kết quả tuyển sinh của Trường. Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh của Trường. Nhà trường xây dựng và ban hành đề án tuyển sinh đúng theo quy định, trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học rõ ràng. Hằng năm, Nhà trường rà soát các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh. Kết quả tuyển sinh của Nhà trường luôn đạt chỉ tiêu đề ra, góp phần nâng cao học hiệu của Trường. Nhà trường phân công trách nhiệm rõ ràng cho Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; ở lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách. Nhà trường ban hành văn bản quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập

và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV và triển khai thực hiện. Nhà trường đầu tư phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học. Nhà trường thành lập đơn vị chuyên trách và giao trách nhiệm cụ thể về tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học. Khoa CNTP&CNSH có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho người học. Kết quả sát ý kiến của SV, cựu SV cho thấy trên 85% số SV, cựu SV tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường. Với phương châm "Tất cả vì Sinh viên thân yêu!", Nhà trường luôn tạo môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Đảng ủy, BGH Nhà trường luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho người học. Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học. Nhà trường có hợp đồng thuê Công ty Thành đồng để chăm lo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường. Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm sạch sẽ, an toàn, tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường. Do tính cạnh tranh cao của các trường ĐH truyền thống trên địa bàn nên điểm chuẩn đầu vào của Nhà trường chưa được cải thiện. Bên cạnh, do là GV kiêm nhiệm nên việc giám sát SV của CVHT đôi lúc còn chưa kịp thời. Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo SV tham gia. Không gian sinh hoạt chung còn hạn chế so với nhu cầu của GV, SV.

Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí, Khoa CNTP và CNSH tự đánh giá cả 5 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu:

Cơ sở vật chất và trang thiết bị là những điều kiện cần thiết để triển khai các hoạt động đào tạo ở trường ĐH. Nhà trường cần có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các

hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Bên cạnh đó, thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị cũng như hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Ngoài ra, các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả:

Căn cứ đề án thành lập Trường và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, năm 2013, Nhà trường thành lập Phòng QT-TB và giao nhiệm vụ tham mưu BGH quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị, trong đó có phận xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H9.09.01.01]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường hoạt động theo Đề án thành lập Trường đã được ban hành, trong đề án thể hiện các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về CSVC, trang thiết bị nhằm phục vụ việc thực hiện các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và các mục tiêu chiến lược của Trường [H9.09.01.02]. Bên cạnh đó, trong nội dung Đề án thành lập Trường cũng như kế hoạch năm học hằng năm của Trường luôn có các nội dung về phát triển CSVC, trang thiết bị để phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H9.09.01.03]. Hiện nay, Nhà trường có 41 phòng học từ 50 chỗ ngồi đến trên 100 chỗ ngồi, 03 hội trường, đủ để đáp ứng các hoạt động đào tạo của các CTĐT và CTĐT ngành CNTP. Tỷ lệ diện tích/người học là: 6,7 m^2/SV, đảm bảo đúng theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ các CTĐT và CTĐT ngành CNTP.

Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường được niêm yết tại lối ra vào của trường, của khu nhà và từng tầng cụ thể. Các phòng học lớn, nhỏ và phòng thực hành được bố trí hợp lý; được trang bị đầy đủ bảng, bàn ghế, quạt, máy chiếu, thiết bị âm thanh, hệ thống chiếu sáng, hệ thống wifi. Nhà trường có 01 phòng hội thảo khoa học đặt tại tầng 6, 03 giảng đường, hội trường lớn, được trang bị đầy đủ CSVC và hệ thống wifi. Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản trong Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, trên cơ sở đó vào cuối mỗi năm kết thúc năm tài chính, Phòng QT-TB tiến hành triển khai kiểm kê số lượng, chất lượng CSVC, trang thiết bị của Trường [H9.09.01.04], [H9.09.01.05]. Bên cạnh đó, Phòng QT-TB phối hợp các đơn vị triển khai sổ theo dõi sử dụng phòng thực hành, phòng

máy tính, mượn và trả trang thiết bị của Trường H9.09.01.06]. Trên cơ sở đó, hằng năm, Phòng QT-TB thực hiện báo cáo theo dõi, đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H9.09.01.07]. Tại các dãy phòng học, phòng thực hành, cầu thang máy của Trường luôn có số điện thoại liên lạc khẩn để GV, SV liên hệ trong trường hợp cần sự hỗ trợ của cán bộ, nhân viên kỹ thuật hoặc sự cố khẩn cấp [H9.09.01.08]. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-KT tham mưu cho BGH thực hiện báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, thí nghiệm, thiết bị [H9.09.01.09]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hằng năm của Nhà trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng CSVC và cơ sở hạ tầng, các trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H9.09.01.10], [H9.09.01.11], [H9.09.01.12]. Nhằm định hướng phát triển và mở rộng quy mô đào tạo, Nhà trường ban hành Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2020-2025 với các mục tiêu, chỉ tiêu cơ sở hạ tầng của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trong đó tập trung phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,69 ha tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, điều chỉnh lại quy hoạch không gian cơ sở đúng theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học và dự kiến di dời về cơ sở mới vào năm 2025 [H9.09.01.13], [H9.09.01.14]. Trong kế hoạch ngân sách hằng năm của Nhà trường luôn dành kinh phí cho đầu tư, bảo trì, nâng cấp CSVC, trang thiết bị dạy học. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường đã xây dựng mới 02 dãy nhà học 01 trệt 06 lầu, nâng cấp hệ thống wifi, đầu tư bổ sung thiết bị phòng thí nghiệm, đồng thời tiến hành giải phóng mặt bằng Cơ sở II với hơn 5,7 ha trên tổng thể 17,69 ha [H9.09.01.15], [H9.09.01.16].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành CNTP theo quy định hiện hành.

- Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn,...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành CNTP.

- Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho hoạt động nâng cấp CSVC và trang thiết bị cho phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại:

Do những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,69 tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Nhà trường tích cực làm việc với UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh việc giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng Cơ sở II với 17,69 tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên kết đào tạo, Trung tâm Đại học Tại chức (tiền thân của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ) thành lập bộ phận Thư viện và giao nhiệm vụ quản trị nguồn lực học tập để phục vụ nhu cầu học tập của các sinh viên các trường liên kết đào tạo. Sau khi thành lập Trường, căn cứ tình hình và điều kiện hoạt động thực tế của Trường, Nhà trường bố trí Thư viện trực thuộc Phòng Đào tạo từ năm 2013 - 2016; trực thuộc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm từ 2017-2018 và từ 2019 đến hiện nay, Thư viện trực thuộc Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC [H9.09.02.01], [H9.09.02.02], [H9.09.02.03], [H9.09.02.04], [H9.09.02.05], [H9.09.02.06]. Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch năm học đã được ban hành [H9.09.02.07], [H9.09.02.08], [H9.09.02.09]. Đồng thời, các nội dung tăng cường nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến còn được thể hiện trong Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2018-2020 và 2020-2025 [H9.09.02.10]. Thư viện của Nhà trường hiện nay được bố trí tại tầng 1 với 02 phòng đọc, 02 phòng tư liệu. Thư viện Nhà trường được trang bị 80 bộ bàn ghế, 50 máy tính, 01 máy in, 01 máy photocopy.

Nhà trường ban hành nội quy của Thư viện, gửi đến các các đơn vị để thông báo, phổ biến CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H9.09.02.11], [H9.09.02.12]. Thư viện Trường áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong quản trị nguồn lực học tập của Trường [H9.09.02.13], [H9.09.02.14]. Hằng năm, Thư viện Trường tiến hành kiểm kê nguồn tài liệu học tập của Trường [H9.09.02.15], [H9.09.02.16]. Bên cạnh đó, Thư viện sử dụng sổ theo dõi bạn đọc, quản lý nguồn lực học tập cũng như sử dụng các dịch vụ của thư viện [H9.09.02.17]. Trên cơ sở đó, hằng năm, Thư viện Trường thực hiện báo cáo, theo dõi, đánh giá các nguồn lực học tập cũng như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H9.09.02.18]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hằng năm của Trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư

và sử dụng nguồn lực học tập của Trường [H9.09.02.19], [H9.09.02.20], [H9.09.02.21].

Thư viện Nhà trường hiện có 4664 đầu sách với 4216 đầu sách trong nước, 448 đầu sách nước ngoài, 12 loại báo, tạp chí, 01 CSDL trực tuyến nhằm phục vụ và đáp ứng hoạt động động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường. Bên cạnh đó, Thư viện Trường thiết lập mối quan hệ liên kết với Thư viện của Trường Đại học Cần Thơ để tiếp nhận nhiều sách và CSDL trực tuyến [H9.09.02.22], [H9.09.02.23]. Với số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo hiện có, Thư viện Nhà trường đảm bảo nguồn học liệu cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNTP. Nhằm học tập chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực của cán bộ nhân viên của Trung tâm, hằng năm, Nhà trường thường xuyên cử cán bộ, nhân viên của Trung tâm học liệu tham gia các hội thảo, hội nghị về Thư viện, các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ.

Hằng năm, nhằm mở rộng nguồn tài liệu phục vụ cho công tác dạy học và NCKH, Thư viện gửi thông báo về việc bổ sung nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH đến các Khoa [H9.09.02.24]. Căn cứ đề xuất của các khoa về dự kiến nhu cầu nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH, Thư viện tổng hợp kế hoạch đầu tư, bảo trì và mua sắm các nguồn lực học tập, trình Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện [H9.09.02.25], [H9.09.02.26]. Hằng năm, Phòng TC-KT tham mưu BGH dự toán kinh phí cho việc mua sắm, đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập của Trường [H9.09.02.27]. Nhà trường đầu tư thư viện số phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH của Trường [H9.09.02.28]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí để mua CSDL trực tuyến nhằm phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH của GV và SV [H9.09.02.29]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, Quy định chế chế làm việc của GV và Quy định biên soạn, chọn lựa giáo trình của Nhà trường có quy định chế độ khuyến khích GV biên soạn và xuất bản giáo trình Thư viện số trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ [H9.09.02.30], [H9.09.02.31], [H9.09.02.32]. Trong giai đoạn 2016-2020, hằng năm, Thư viện Nhà trường cập nhật, bổ sung giáo trình, tài liệu, sách tham khảo.

Nhà trường đầu tư phần mềm quản lý thư viện, trên cơ sở đó, Thư viện thực hiện lưu trữ CSDL về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H9.09.02.33]. Bên cạnh đó, Thư viện triển khai thực hiện sổ góp ý để tiếp thu ý kiến bạn đọc [H9.09.02.34]. Hằng năm, Thư viên Trường phối hợp các đơn vị triển khai kế hoạch khảo sát các bên liên quan trong trường, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H9.09.02.35], [H9.09.02.36], [H9.09.02.37]. Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của CB, GV, NV, SV hài lòng

về mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H9.09.02.38]. Định kỳ hằng năm, Phòng QT-TB phối hợp các đơn vị tiến hành kiểm kê tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, trong đó có kiểm kê nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và dựa trên kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hằng năm về các nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, bổ sung nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H9.09.02.09]. Qua thống kê kinh phí đầu tư, mua săm hằng năm của Phòng TC-KT, Nhà trường chi cho việc tăng cường, bổ sung nguồn lực học tập tăng qua từng năm [H9.09.02.39], [H9.09.02.40].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đầu tư nâng cấp thư viện, bố trí phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT.

- Nhà trường ban hành nội quy, quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số và các trang thiết bị.

- Thư viện Nhà trường có đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNTP.

- Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho việc mua sắm, bổ sung nguồn học liệu cua Thư viện.

- Thư viện Nhà trường có đầy đủ sổ sách, dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường áp dụng các chế độ động viên, khuyến khích GV biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả:

Nhà trường hiện có 24 phòng thí nghiệm, 08 phòng thực hành với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu của ngành học và các trang thiết bị cần thiết được xác định trong CTĐT ngành CNTP [H9.09.03.01]. Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị các thiết bị

hiện đại phục vụ cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu gắn liền với thực tế thiết kế và bố trí khoa học, có sơ đồ hệ thống đáp ứng được các tiêu chuẩn về phòng thí nghiệm, thực hành [H9.09.03.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường hiện có khoảng 400 máy tính, 20 máy chiếu, 40 tivi thông minh đảm bảo hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành của Nhà trường được bố trí phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và SV.

Căn cứ đề án thành lập Trường và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, năm 2013, Nhà trường thành lập Phòng QT-TB và giao nhiệm vụ tham mưu BGH quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị, trong đó có phận xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ, trong đó có nâng cấp có nâng cấp đầu tư trang thiết bị ngành CNTP [H9.09.03.03]. Trong Nghị quyết của Đảng ủy và thông báo kết luận cuộc họp giao ban của Hiệu trưởng với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị tập trung xây dựng, nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị nhằm phát triển và đảm bảo phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H9.09.03.04]. Hằng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho hoạt động nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường [H9.09.03.05], [H9.09.03.06]. Nhà trường thông báo Quy chế quản lý, sử dụng tài sản trong Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ đến các đơn vị để để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV SV biết để thực hiện [H9.09.03.07], [H9.09.03.08]. Hoạt động nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường trong giai đoạn 2016-2020 luôn được thực hiện đúng quy định và kế hoạch đã ban hành [H9.09.03.09]. Năm 2019, Nhà trường đầu tư bổ sung dự án trang thiết bị thực hành ngành CNTP hơn 3 tỷ đồng từ ngân sách của UBND thành phố Cần Thơ [H9.09.03.06]. Trong giai đoạn 2016-2020, hằng năm, Nhà trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành CNTP nói riêng.

Để đảm bảo quản lý, vận hành và khai thác hiệu quả trang thiết bị phòng thí nghiệm, phòng thực hành ngành CNTP, trên cơ sở đề xuất của Khoa CNTP và CNSH, Nhà trường phân công các GV khoa kiêm nhiệm trợ lý phụ trách phòng thí nghiệm, phòng thực hành và giao nhiệm vụ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng QT-TB có trách nhiệm xây dựng CSDL theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị đối với từng loại hình đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. [H9.09.03.10]. Để đánh giá sự hài lòng của CB, GV, SV về CSVC và trang thiết bị của Trường trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ

đáp ứng của CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H9.09.03.11], [H9.09.03.12], [H9.09.03.13]. Trong giai đoạn 2016-2020, ý kiến của CB, GV, NV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H9.09.03.14], [H9.09.03.15]. Định kỳ hằng năm thông qua kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hằng năm về CSVC và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, Phòng QT-TB phối hợp các phòng, khoa, trung tâm tham mưu BGH và đề xuất Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, cải thiện CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H9.09.03.16].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNTP.

- Phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

- Hằng năm, Nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu.

- Nhà trường có phân công cụ thể người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị.

- Trong giai đoạn 2016-2020, hằng năm, Nhà trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành CNTP nói riêng.

3. Điểm tồn tại:

Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn chậm so với tiến độ.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường tích lũy kinh phí và nguồn kinh phí hỗ trợ để mua sắm các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNTP.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả:

Ngay sau khi thành lập trường, năm 2013, Nhà trường xây dựng hạ tầng CNTT và truyền thông phục vụ cho đào tạo của Trường, trong đó có đầu tư mua sắm hệ thống phần mềm quản lý giáo dục, máy chủ, thiết bị kết nối mạng,... và giao cho Ban Quản trị hệ thống thông tin là đơn vị chuyên trách phụ trách về CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT để khai thác và vận hành máy chủ, hạ tầng mạng, các phần mềm quản lý giáo dục, các trang thông tin điện tử, trang hành chính điện tử, hệ thống Email và xây dựng kế hoạch, bảo trì, kiểm soát, nâng cấp các thiết bị CNTT [H9.09.04.01], [H9.09.04.02], [H9.09.04.03], [H9.09.04.04]. Trong Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch năm học đã được ban hành và thực hiện luôn luôn có các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập [H9.09.04.05], [H9.09.04.06], [H9.09.04.07]. Bên cạnh đó, kế hoạch về CSVC giai đoạn 2020-2025 có các nội dung về tăng cường thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H9.09.04.08].

Hằng năm, để chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm trang thiết bị, Phòng QT-TB gửi công văn đến các đơn vị về việc đề xuất nhu cầu về trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H9.09.04.09]. Tổng hợp các đề xuất của các đơn vị và dự kiến nhu cầu thực tiễn về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, Phòng QT-TB tham mưu BGH duyệt kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập và triển khai thực hiện [H9.09.04.10], [H9.09.04.11]. Hằng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí cho hoạt động trang bị, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập [H9.09.04.12]. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, Ban Quản trị hệ thống tham mưu BGH ban hành văn bản quy định về việc sử dụng CNTT, trong đó có quy định rõ về cơ chế bảo mật và quyền truy cập [H9.09.04.13]. Nhà trường thông báo Quy định về việc sử dụng CNTT đến các đơn vị để phổ biến CB, GV, NV, SV thực hiện [H9.09.04.14]. Nhà trường cấp địa chỉ email công vụ cho tất cả CB, GV, NV, SV và yêu cầu sử dụng trong quá trình trao đổi công việc nhằm đảm bảo tính bảo mật của thông tin [H9.09.04.15], [H9.09.04.16]. Bên cạnh đó, Nhà trường trang bị các phần mềm diệt virus và giao Ban Quản trị hệ thống phối hợp các đơn vị thường xuyên cập nhật chương trình diệt virus có bản quyền để bảo đảm các trang thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT của Trường và máy tính tại phòng làm việc của đơn vị [H9.09.04.17]. Nhà trường trang bị ổ cứng di động để Ban Quản trị hệ thống thường xuyên sao lưu dữ liệu, đồng thời máy chủ có cơ chế sao lưu dữ liệu tự động theo định kỳ [H9.09.04.18]. Đối với hệ thống mạng, Nhà trường hợp đồng với công ty viễn thông VNPT, Viettel để cung cấp hệ thống mạng và phủ sóng cho toàn Trường [H9.09.04.19],

[H9.09.04.20]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường đầu tư mới hệ thống wifi sử dụng cho toàn Trường, đồng thời nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H9.09.04.21]. Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường luôn triển khai công tác bảo trì trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường.

Kết thúc năm tài chính, Phòng QT-TB phối hợp với Ban Quản trị hệ thống tiến hành triển khai kiểm kê số lượng trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT như máy chủ, hạ tầng mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập hạ tầng CNTT và truyền thông của Trường [H9.09.04.22], [H9.09.04.23]. Bên cạnh đó, Phòng QT-TB phối hợp các đơn vị triển khai sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị CNTT của Trường và trên cơ sở đó, hằng năm Phòng QT-TB thực hiện báo cáo theo dõi, đánh giá sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ cho hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H9.09.04.24]. Bên cạnh đó, Phòng TC-KT đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H9.09.04.25]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hằng năm của Nhà trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H9.09.04.26], [H9.09.04.27], [H9.09.04.28].

Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H9.09.04.29], [H9.09.04.30], [H9.09.04.31]. Trong giai đoạn 2016-2020, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H9.09.04.32]. Ngoài ra, ý kiến của GV tại Hội nghị CB, CV, VC hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm thể hiện sự hài lòng của hệ thống CNTT của Nhà trường đối với hoạt động ĐT và nghiên cứu.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đầu tư hạ tầng CNTT và tuyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

- Nhà trường thành lập Ban Quản trị hệ thống thông tin và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

- Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

- Trong giai đoạn 2016-2020, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

3. Điểm tồn tại:

Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH, CVHT tăng cường hướng dẫn để SV hiểu rõ và khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả:

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Nhà trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý môi trường; Bộ phận Y tế thuộc Phòng CTCT&QLSV chịu trách nhiệm về sức khỏe; Phòng QT-TB chịu trách nhiệm về an toàn của những người có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.01], [H9.09.05.02], [H9.09.05.03], [H9.09.05.04], [H9.09.05.05], [H9.09.05.06], [H9.09.05.07], [H9.09.05.08], [H9.09.05.09], [H9.09.05.10]. Các phòng TC-HC, CTCT&QLSV, QT-TB phân công nhân sự của phòng để triển khai và phối hợp triển khai các hoạt động quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường [H9.09.05.11]. Hằng năm, các nhân sự quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường được cử tham dự các khoa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo về quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.12].

Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng được thể hiện rõ trong Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược Nhà trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030, kế hoạch năm học của Trường và trong dự án xây dựng nhà học 01 trêt 06 lầu [H9.09.05.13], [H9.09.05.14], [H9.09.05.15], [H9.09.05.16]. Bên cạnh đó, trong nội dung kế hoạch năm học

hằng năm của Nhà trường có các nội dung đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng. Kế hoạch năm học hằng năm của Phòng QT-TB và Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2020-2025 có các nội dung tăng cường đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt riêng [H9.09.05.17], [H9.09.05.18]. Trong nội dung nội quy của Nhà trường có đề cập đến môi trường, sức khỏe và an toàn của người học nói chung và người học có nhu cầu đặc biệt nói riêng. Nhà trường thông báo, phổ biến nội quy của Trường đến các đơn vị để thực hiện và thông báo, phổ biến đến CB, GV, SV biết để thực hiện, trong đó quan tâm hỗ trợ người học có nhu cầu đặc biệt. Hằng năm, dựa trên kết quả rà soát, đánh giá về môi trường, sức khỏe, sự an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng, Nhà trường xác định các chỉ số về môi trường, sức khỏe, sự an toàn của người học được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm và triển khai nhiều hoạt động cải tiến về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học như: phun thuốc diệt côn trùng gây hại sức khỏe, lắp đèn diệt côn trùng xung quanh khuôn viên Trường, khai thông cống rảnh,… [H9.09.05.19], [H9.09.05.20]. Nguồn kinh phí Nhà trường chi cho việc tăng cường, cải tiến về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học tăng qua từng năm [H9.09.05.21]. Trong giai đoạn 2016-2020, tất cả CB, GV, NV, SV được đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường.

Hằng năm, Nhà trường xem xét nhu cầu về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt riêng và được thể hiện trong cuộc họp đầu năm học của BGH với lãnh đạo các đơn vị [H9.09.05.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị chú trọng về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt tại các cuộc họp giao ban định kỳ. Trong dự án xây dựng khối nhà học 01 trệt 06 lầu, Nhà trường thiết kế lối đi riêng cho người học có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.22]. Nhà trường hợp đồng với công ty TNHH một thành viên XD-TM-DV Thành Đồng, Công ty CP ĐTPT Giáo dục TPN để bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh các phòng học, nhà vệ sinh phục vụ cho toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường [H9.09.05.23]. Đội ngũ nhân viên bảo vệ của Trường được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ và đảm bảo trực 24/24 giờ tại Trường [H9.09.05.24]. Bên cạnh đó, Nhà trường có lắp đặt hệ thống camera trong khuôn viên Trường để tăng cường an ninh, an toàn tài sản cho tài sản của Trường và toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường [H9.09.05.25]. Các dãy phòng học, phòng làm việc của Trường đều được trang bị hệ thống bình chữa cháy và lối thoát hiểm rõ ràng [H9.09.05.26]. Cảnh quan của Trường sạch sẽ, thân thiện. Nhà trường có 01 nhân sự đảm nhiệm chăm sóc y tế cho CB, GV, NV, SV của Trường [H9.09.05.27]. Nhân sự đảm nhiệm công tác y tế của Trường thường

xuyên tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc y tế cho CB, GV, NV, SV của Trường [H9.09.05.28]. Hằng năm, căn cứ nhu cầu đề xuất về kinh phí của Phòng TC-HC, Phòng CTCT&QLSV, Phòng QT-TB về đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, Nhà trường dành kinh phí đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn của CB, GV, NV, SV nói chung và những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H9.09.05.29], [H9.09.05.30]. Nhà trường ký cam kết với Công an phương An Hòa để tăng cường hỗ trợ an ninh, trật tự nhằm đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV, SV của Trường [H9.09.05.31]. Năm 2019, Nhà trường thực hiện báo cáo giai đoạn 2015-2019 về việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.32]. Bên cạnh đó, năm 2019, Nhà trường thực hiện báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư, cải thiện về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt giai đoạn 2015-2019 [H9.09.05.33]. Ngoài ra, việc đánh giá về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hằng năm [H9.09.05.34] [H9.09.05.35]. Phòng CTCT&QLSV là đơn vị thực hiện lưu trữ CSDL về người học có nhu cầu đặc biệt, đồng thời phối hợp Phòng TC-KT lưu trữ dữ liệu theo dõi, đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường [H9.09.05.36]. Phòng CTCT&QLSV tiến hành thống kê số lượng người học có nhu cầu đặc biệt của Trường. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường không có người học là những người có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.37]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người học [H9.09.05.36], [H9.09.05.38], [H9.09.05.39], [H9.09.05.40]. Trong giai đoạn 2016-2020, ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

- Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt.

- Môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt của Trường được đảm bảo và cải thiện.

- Ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

3. Điểm tồn tại:

CSVC của Nhà trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, đối với CSVC tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, Nhà trường tăng cường các tiện ích phù hợp với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành CNTP theo quy định hiện hành. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn,...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành CNTP. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho hoạt động nâng cấp CSVC và trang thiết bị cho phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường ban hành nội quy, quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số và các trang thiết bị. Thư viện Nhà trường có đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNTP. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho việc mua sắm, bổ sung nguồn học liệu cua Thư viện. Thư viện Nhà trường có đầy đủ sổ sách, dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNTP. Phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường có phân công cụ thể người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Trong giai đoạn 2016-2020, hằng năm, Nhà trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT

ngành CNTP nói riêng. Nhà trường đầu tư hạ tầng CNTT và tuyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường thành lập Ban Quản trị hệ thống thông tin và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2016-2020, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt. Môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt của Trường được đảm bảo và cải thiện. Ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Tuy nhiên, do những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,69 tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ. Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế. Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn chậm so với tiến độ. Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. CSVC của Nhà trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí, Khoa CNTP và CNSH tự đánh giá 5 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu:

Sứ mạng của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có đạo đức tốt và trình độ chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tốt trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ và cả nước. Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành

trường đại học đào tạo chuyên ngành kỹ thuật công nghệ có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ Cách mạng công nghệ công nghiệp 4.0. Nâng cao chât lượng luôn là mục tiêu quan trọng, xuyên suốt trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường và được triển khai thực hiện liên tụ, chặt chẽ và có hệ thống nhằm nâng cao học hiệu của Trường.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

1. Mô tả:

Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị, Phòng ĐT là đơn vị tham mưu BGH xây dựng hệ thống văn bản liên quan đến lĩnh vực đào tạo để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và trình Hiệu trưởng ban hành các CTĐT và các học phần của Trường [H10.01.01.01], [H10.01.01.02], [H10.01.01.03], [H10.01.01.04], [H10.01.01.05]. Căn cứ các văn bản quy định về đào tạo trình độ đại học, Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường, trong đó có quy định khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp [H10.01.01.06]. Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và phối hợp với Khoa CNTP và CNSH khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng về CTDH ngành CNTP [H10.01.01.07], [H10.01.01.08]. Bên cạnh đó, tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH tổ chức, các đơn vị và Khoa CNTP và CNSH tiếp thu ý kiến của các đại biểu tham dự, đặc biệt là của cựu SV và các nhà tuyển dụng lao động để tham khảo, phục vụ việc điều chỉnh CTDH ngành CNTP [H10.01.01.09].

Phòng ĐBCL&KT là đơn vị xử lý dữ liệu khảo sát khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kết quả khảo sát của các bên liên quan được Phòng ĐBCL&KT gửi đến Khoa CNTP và CNSH để tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNTP [H10.01.01.10], [H10.01.01.11], [H10.01.01.12], [H10.01.01.13], [H10.01.01.14], [H10.01.01.15], [H10.01.01.16]. Bên cạnh đó, các ý kiến góp ý của cựu SV và các nhà tuyển dụng lao động được các đơn vị tổ chức hội nghị, hội thảo tổng hợp trong bản thống kê nhu cầu của các bên liên quan đối với CTDH ngành CNTP và gửi đến Khoa CNTP và CNSH để tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNTP [H10.01.01.09]. Khoa CNTP và CNSH sử dụng, tham khảo ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là của cựu SV và các nhà tuyển dụng lao động và dự báo

nhu cầu của thị trường lao động về ngành CNTP trong quá trình điều chỉnh CTDH ngành CNTP. CTDH ngành CNTP được ban hành lần đầu tiên vào năm 2016 và ban hành phiên bản điều chỉnh vào năm 2017, 2019 và 2020 [H10.01.01.17]

2. Điểm mạnh:

- Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành có yêu cầu các Khoa sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan.

- Nhà trường ban hành quy định về khảo sát các bên liên quan, các phiếu khảo sát và hằng năm triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó có khảo sát về CTDH ngành CNTP.

- Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTDH ngành CNTP và thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực được Khoa CNTP và CNSH tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNTP.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng các nhà tuyển dụng tham gia góp ý CTĐT ngành CNTP chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Phòng ĐBCL&KT đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng nhằm nâng cao số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả:

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng ĐT là đơn vị tham mưu BGH để phối hợp các khoa rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường [H10.10.02.01], [H10.10.02.02], [H10.10.02.03], [H10.10.02.04], [H10.10.02.05]. Năm 2015, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường trong đó thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.02.06]. Năm 2020, Phòng ĐT tổ chức họp với các đơn vị để rà soát Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường đã ban hành năm 2015, tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị để chỉnh sửa Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT đã được điều chỉnh, trong đó có quy trình thiết kế và phát triển CTDH với các biểu mẫu cụ thể [H10.10.02.07], [H10.10.02.08], [H10.10.02.09]. Nhà trường

thông báo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời yêu cầu các đơn vị phổ biến đến GV biết để thực hiện [H10.10.02.10].

Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT của Trường vào năm 2017, 2018, 2019, 2020 và thông báo đến các Khoa để triển khai rà soát các CTĐT đã ban hành [H10.10.02.11], [H10.10.02.12]. Trong kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá CTDH, Nhà trường yêu cầu các Khoa trong quá trình điều chỉnh CTDH phải tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, đồng thời lấy kiến phản hồi của các bên liên quan. Trong kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan của Trường có nội dung khảo sát về CĐR của CTĐT và đề cương học phần [H10.10.02.13], [H10.10.02.14], [H10.10.02.15], [H10.10.02.16], [H10.10.02.17], [H10.10.02.18], [H10.10.02.19]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTDH được Phòng ĐBCL&KT xử lý và gửi đến các Khoa để tham khảo và sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH [H10.10.02.20]. Ngoài ra, tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức, Nhà trường đồng thời lấy ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động về CTDH và gửi đến các Khoa để tham khảo. CTDH ngành CNTP đã tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan khi điều chỉnh CTDH [H10.10.02.21], [H10.10.02.22], [H10.10.02.23].

Năm 2017, 2018, 2019 và 2020, Nhà trường tiến hành điều chỉnh CTĐT, trong đó có CTDH ngành CNTP và thông báo đến các khoa, GV, SV biết để thực hiện [H10.10.02.24], [H10.10.02.25]. Bên cạnh đó, trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Nhà trường ban hành năm 2020 có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CĐR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam [H10.10.02.09]. Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Nhà trường được niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT và đăng tải trên website của Nhà trường, Phòng ĐT [H10.10.02.26], [H10.10.02.27], [H10.10.02.28], [H10.10.02.29], [H10.10.02.30].

2. Điểm mạnh:

- Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường trong đó thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

- Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Nhà trường, trong đó có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng

lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CĐR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- Khoa CNTP và CNSH triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNTP vào năm 2017, 2018, 2019 và 2020.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Phòng ĐBCL&KT phối hợp Phòng ĐT triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài về quy trình thiết kế và phát triển CTDH thông qua các hội nghị, hội thảo về công tác đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

1. Mô tả:

Nhà trường ban hành các văn bản, quy định liên quan đến quá trình dạy và học, KTĐG KQHT của người học, trong đó yêu cầu các Khoa thường xuyên rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của SV phải đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.01], [H10.10.03.02]. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đã được ban hành, trong đó có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của GV, quan trọng nhất là hoạt động giảng dạy và tham gia NCKH [H10.10.03.03]. Bên cạnh đó, chức năng, nhiệm vụ của GV được thể hiện trong Quy định chế độ làm việc đối với GV do Nhà trường ban hành [H10.10.03.04]. Nhà trường thông báo, phổ biến Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định chế độ làm việc đối với GV đến các đơn vị để phổ biến GV biết và thực hiện [H10.10.03.05], [H10.10.03.06]. Nhà trường giám sát tiến trình giảng dạy của GV thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường (Education) [H10.10.03.07]. Hằng năm, Khoa CNTP và CNSH thường xuyên tiến hành dự giờ GV của Khoa [H10.10.03.08]. Ngoài ra, Bộ phận Thanh tra của Trường thường xuyên kiểm tra việc thực hiện giờ giấc giảng dạy của GV [H10.10.03.09], [H10.10.03.10], [H10.10.03.11]. Đối với hoạt động học tập và rèn luyện của SV, Nhà trường giám sát thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường [H10.10.03.07]. Đồng thời, Nhà trường ban hành Quy định công tác phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học nhằm giám sát hoạt động học tập và rèn luyện của SV được triển khai ở cấp Trường, trong đó Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; Khoa CNTP và

CNSH đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; Ở cấp lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách [H10.10.03.12], [H10.10.03.13], [H10.10.03.14], [H10.10.03.15], [H10.10.03.16], [H10.10.03.17], [H10.10.03.18], [H10.10.03.19], [H10.10.03.20], [H10.10.03.21]. Kết quả đánh giá sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT ngành CNTP để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, Phòng ĐT, Phòng ĐBCL&KT, Khoa CNTP và CNSH [H10.10.03.22], [H10.10.03.23], [H10.10.03.24], [H10.10.03.25].

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ và Quy định về biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần của Trường ban hành có quy định rõ về quy trình thi và hướng đến đạt CĐR [H10.10.03.26], [H10.10.03.27]. Kết thúc mỗi học kỳ, năm học, căn cứ kết quả học tập của SV, Phòng ĐBCL&KT tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm thi của các học phần cũng như sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học [H10.10.03.28]. Bên cạnh đó, tại cuộc họp giao ban về công tác ĐT, Phòng ĐBCL&KT, Phòng ĐT, các Khoa có ý kiến về độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, phương pháp KTĐG KQHT người học [H10.10.03.29]. Ngoài ra, trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát về độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, phương pháp KTĐG KQHT người học [H10.10.03.30], [H10.10.03.31], [H10.10.03.32], [H10.10.03.33], [H10.10.03.34], [H10.10.03.35], [H10.10.03.36], [H10.10.03.37]. Hằng năm, Phòng ĐBCL&KT phối hợp với các đơn vị triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có khảo sát GV và SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Kết quả khảo sát ý kiến của GV và SV thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Bên cạnh đó, tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm, Nhà trường, Khoa tiếp thu ý kiến góp ý, phản hồi của SV về quá trình dạy và học, các hình thức, phương pháp thi, KTĐG KQHT của người học [H10.10.03.38]. Trên cơ sở báo cáo của Phòng ĐBCL&KT về kết quả nghiên cứu, đánh giá phổ điểm thi của các học phần, sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học, kết quả rà soát, đánh giá các phương pháp KTĐG người học, Nhà trường tổ chức họp với Phòng ĐT, Phòng ĐBCL&KT, các Khoa để điều chỉnh, cải tiến các loại hình, phương pháp KTĐG KQHT của người học [H10.10.03.28], [H10.10.03.39]. Nhà trường bổ sung áp dụng các loại hình, phương pháp KTĐG KQHT của người học như: thi vấn đáp, tiểu luận, làm đồ án,.... Bên cạnh đó, Nhà

trường điều chỉnh trọng số điểm KTĐG KQHT của người học cho phù hợp [H10.10.03.40], [H10.10.03.41].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản, quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; KTĐG KQHT của người học.

- Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

- Hằng năm, Phòng ĐBCL&KT khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến của cựu SV về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Phòng ĐBCL&KT phối hợp các Khoa triển khai khảo sát ý kiến của cựu SV về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.4: Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả:

Xác định hoạt động NCKH là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần đổi mới nội dung CTDH và phương pháp dạy học, Nhà trường ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV, trong đó bao gồm nhiệm vụ của CB, GV, thời gian giảng dạy, thời gian cho hoạt động NCKH và các hoạt động khác có liên quan [H10.10.04.01]. Đồng thời Quy định chế độ làm việc đối với GV có nêu cụ thể về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của GV trong Trường như: (i) Biên soạn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo; (ii) Bài báo, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc đăng trên các kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế; (iii) Đề tài NCKH các cấp; (iv) Hướng dẫn SV NCKH các

cấp; hướng dẫn SV làm luận văn tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp. Theo đó, các hoạt động NCKH của GV được quy định, đánh giá thông qua việc quy đổi thành giờ chuẩn và giám sát, đánh giá hằng năm [H10.10.04.01]. Ngoài ra, trong Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường đồng thời thể hiện các loại hình NCKH của GV [H10.10.04.02]. Bên cạnh đó, Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung quy định về kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H10.10.04.03]. Các đề tài NCKH cấp Trường từ khâu xét duyệt, thực hiện đến khâu nghiệm thu đều yêu cầu kết quả nghiên cứu phải có tính mới, tính sáng tạo và tính ứng dụng trong công tác dạy học [H10.10.04.04]. Trong giai đoạn 2016-2020, GV Khoa CNTP và CNSH đã thực hiện 05 đề tài NCKH (đã nghiệm thu) và 01 dự án khoa học công nghệ cấp huyện liên quan đến dạy học, đó là: 05 đề tài NCKH (đã nghiệm thu) và 01 dự án khoa học công nghệ cấp huyện [H10.10.04.05], [H10.10.04.06].

Trong Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường ban hành có nội dung động viên, khuyến khích GV áp dụng sản phẩm đề tài NCKH vào thực tiễn [H10.10.04.03]. Trên cơ sở đề tài NCKH đã được nghiệm thu, GV chủ nhiệm đề tài chuyển tải sản phẩm đề tài NCKH thành nội dung bài giảng, chuyên đề, thông qua Khoa và áp dụng vào quá trình dạy học [H10.10.04.07]. Các đề tài được sử dụng để giảng dạy môn học: Công nghệ lên men, Đánh giá cảm quan, TT. Quá trình và thiết bị 1 (PTN) dành cho SV năm 3,4 tại Trường ĐHKTCNCT.

Thông tin sản phẩm đề tài NCKH được đăng tải trên website của Trường, của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, Khoa CNTP và CNSH để GV, SV dễ dàng tiếp cận và sử dụng trong quá trình dạy học [H10.10.04.08], [H10.10.04.09], [H10.10.04.10]. Bên cạnh đó, tại cuộc họp Khoa CNTP và CNSH, chủ nhiệm đề tài báo cáo kết quả NCKH và trên cơ sở góp ý của GV trong Khoa, BCN Khoa quyết định áp dụng sản phẩm đề tài NCKH nhằm cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và học tập của SV [H10.10.04.11]. Ngoài ra, nhiều sáng kiến kinh nghiệm của GV đã được áp dụng nhằm cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và học tập của SV của Khoa CNTP và CNSH. Năm 2019, Khoa CNTP và CNSH tổ chức 04 hội thảo, báo cáo khoa học và chia sẻ kinh nghiệm về PPGD hiệu quả [H10.10.04.12].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành văn bản quy định về công tác NCKH của GV và triển khai thực hiện.

- Trong giai đoạn 2016-2020, GV Khoa CNTP và CNSH thực hiện 05 đề tài NCKH có áp dụng trong dạy học và 01 dự án KHCN đang triển khai.

- Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng đề tài NCKH của Khoa CNTP&CNSH còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của GV.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích kết hợp giao nhiệm vụ để nâng cao số lượng đề tài NCKH của GV Khoa CNTP&CNSH.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả:

Trong Nghị quyết của Đảng ủy, kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn tập trung nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) phục vụ công tác giảng dạy, học tập, NCKH [H10.10.05.01], [H10.10.05.02]. Nhà trường ban hành các văn bản, quy định, quy chế quản lý, sử dụng tài sản của Trường, trong đó có nội dung đánh giá các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.03]. Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Đề cương chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch năm học đã được ban hành [H10.10.05.04], [H10.10.05.05], [H10.10.05.02]. Đồng thời, các nội dung tăng cường nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT còn được thể hiện trong Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2025 [H10.10.05.06]. Ngoài ra, trong Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Nhà trường ban hành có nội dung đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.07], [H10.10.05.08].

Căn cứ kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường đã được ban hành, Phòng ĐBCL&KT phối hợp với các Khoa thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư

viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.09]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV được Phòng ĐBCL&KT gửi đến các đơn vị để có cơ sở áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.10]. Trong giai đoạn 2016-2020, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Bên cạnh đó, ý kiến góp ý của GV tại Hội nghị Hội nghị CB, CC, VC hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.11].

Nhà trường đầu tư phần mềm quản lý giáo dục, thư viện số, phần mềm quản lý thư viện, trên cơ sở đó, Thư viện thực hiện lưu trữ CSDL về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H10.10.05.12], [H10.10.05.13], [H10.10.05.14], [H10.10.05.15]. Bên cạnh đó, Thư viện triển khai thực hiện sổ góp ý để tiếp thu ý kiến bạn đọc [[H10.10.05.16]. Hằng năm, Thư viên Trường phối hợp các đơn vị triển khai kế hoạch khảo sát các bên liên quan trong trường, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H10.10.05.07], [H10.10.05.08], [H10.10.05.17]. Trong giai đoạn 2016 - 2020, ý kiến của CB, GV, NV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H10.10.05.18]. Nguồn kinh phí của Trường chi cho việc tăng cường, nâng cấp CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị tăng qua từng năm [H10.10.05.19]. Trong giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường đã xây dựng mới 02 dãy nhà học 01 trệt 06 lầu, nâng cấp hệ thống wifi, đầu tư bổ sung thiết bị phòng thí nghiệm, đồng thời tiến hành giải phóng mặt bằng Cơ sở II với hơn 5,7 ha trên tổng thể 17,69 ha [H10.10.05.20], [H10.10.05.21].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

- Hằng năm, Nhà trường và Khoa CNTP&CNSH thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn người học, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, …).

- Trong giai đoạn 2016-2020, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường.

- Nhà trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại:

Do nguồn lực có hạn nên việc cải tiến các dịch vụ hỗ trợ chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của SV.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục để cải tiến các dịch vụ hỗ trợ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của SV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả:

Quy định hoạt động ĐBCL bên trong của Trường có thể hiện rõ ràng về sự tham gia của các bên liên quan đối với hoạt động ĐBCL [H10.10.06.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL, trong đó quy định trách nhiệm của đơn vị, cá nhân triển khai công tác khảo sát các bên liên quan [H10.10.06.02], [H10.10.06.03]. Theo đó, Phòng ĐBCL&KT phối hợp các đơn vị xây dựng các biểu mẫu khảo sát và trình Hiệu trưởng phê duyệt; Xây dựng kế hoạch khảo sát các bên liên quan, triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị liên quan; Hỗ trợ các đơn vị phân tích số liệu khảo sát; Lưu trữ toàn bộ kế hoạch, biên bản, các văn bản triển khai thực hiện, phiếu khảo sát, dữ liệu thống kê, các báo cáo, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cải tiến chất lượng về công tác khảo sát trong thời hạn 05 năm. Phòng TC-HC có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan về tầm nhìn sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục; khảo sát ý kiến của viên chức về môi trường làm việc, chế độ chính sách, nhu cầu học tập, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phòng ĐT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của SV năm thứ nhất về công tác tuyển sinh, công tác nhập học. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên, sinh viên về công tác quản lý khoa học và công nghệ. Phòng CTCT&QLSV có trách nhiệm triển khai,

thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cựu sinh viên về việc làm; khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp. Bên cạnh đó, các khoa có trách nhiêm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng học phần đồ án, tiểu luận, luận văn tốt nghiệp; khảo sát ý kiến SV năm cuối về chất lượng đào tạo; khảo sát mở ngành đào tạo mới; khảo sát ý kiến về cập nhật chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra; khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên, hoạt động dạy học và phương pháp đánh giá học phần, giáo trình, cơ sở vật chất phục vụ dạy học. Hằng năm, Nhà trường ban hành và triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Trường [H10.10.06.04], [H10.10.06.05], H10.10.06.06], [H10.10.06.07], [H10.10.06.08]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành Sổ tay chất lượng, trong đó thể hiện rõ sự tham gia của các bên liên quan trong các hoạt động ĐBCL của Trường [H10.10.06.09]. Kết quả khảo sát được báo cáo BGH và gửi đến các phòng, khoa, trung tâm tham khảo và sử dụng trong quá trình cải tiến các lĩnh vực hoạt động được phân công phụ trách [H10.10.06.10]. Bên cạnh đó, Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được gửi đến các Khoa để tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT của Trường.

Năm 2020, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.11]. Phòng ĐBCL&KT tổ chức họp với các đơn vị để rà soát cơ chế phản hồi của các bên liên quan trong Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các đơn vị, Phòng ĐBCL&KT xây dựng quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL được điều chỉnh, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H10.10.06.12], [H10.10.06.13].

Trong quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Nhà trường ban hành sau rà soát, Nhà trường bổ sung nội dung về việc Phòng ĐBCL&KT giám sát các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan để cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H10.10.06.13]. Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Nhà trường đã điều chỉnh được gửi đến các đơn vị để thông báo đến GV, SV biết và thực hiện [H10.10.06.14]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL, trong đó thể hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống.

- Hằng năm, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL và gửi kết quả khảo sát đến các đơn vị để xác định kế hoạch cải tiến và tiến hành cải tiến chất lượng hoạt động.

- Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các bên liên quan, trên cơ sở đó, Nhà trường bổ sung Phòng ĐBCL&KT giám sát các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan để cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

- Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng các nhà tuyển dụng trả lời ý kiến khảo sát chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Phòng KT&ĐBCL đa dạng hình thức khảo sát và tăng cường phối hợp với các Khoa nhằm nâng cao số lượng các nhà tuyển dụng trả lời ý kiến khảo sát.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành có yêu cầu các Khoa sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan, thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Nhà trường ban hành quy định về khảo sát các bên liên quan, các phiếu khảo sát và hằng năm triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó có khảo sát về CTDH ngành CNTP. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTDH ngành CNTP và thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực được Khoa CNTP và CNSH tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNTP. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Nhà trường, trong đó có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CĐR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Khoa CNTP và CNSH triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNTP vào năm 2017, 2018, 2019 và 2020. Nhà trường ban hành hệ thống văn bản, quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; KTĐG KQHT của người học. Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Hằng năm, Phòng ĐBCL&KT khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Nhà trường ban hành văn bản quy định về công tác NCKH của GV và triển khai thực hiện. Trong giai đoạn 2016-2020, GV Khoa CNTP và CNSH thực hiện 05 đề tài NCKH có áp dụng trong dạy học và 01 dự án KHCN đang triển khai. Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Nhà trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Hằng năm, Nhà trường và Khoa CNTP&CNSH thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn người học, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, …). Trong giai đoạn 2016-2020, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Nhà trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL, trong đó thể hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống. Hằng năm, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL và gửi kết quả khảo sát đến các đơn vị để xác định kế hoạch cải tiến và tiến hành cải tiến chất lượng hoạt động. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các bên liên quan, trên cơ sở đó, Nhà trường bổ sung Phòng ĐBCL&KT giám sát các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan để cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Tuy nhiên, số lượng các nhà tuyển dụng tham gia góp ý CTĐT ngành CNTP chưa nhiều. Nhà trường chưa khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến của cựu SV về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Số lượng đề tài NCKH của Khoa CNTP&CNSH còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của

GV. Do nguồn lực có hạn nên việc cải tiến các dịch vụ hỗ trợ chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của SV. Số lượng các nhà tuyển dụng trả lời ý kiến khảo sát chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí, Khoa CNTP và CNSH tự đánh giá 5 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu:

Kết quả đầu ra là mục tiêu và nhiệm vụ hàng đầu của Nhà trường và của Khoa CNTP và CNSH. Nhà trường xác lập, giám sát và đối sánh tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp để cải tiến chất lượng. Bên cạnh đó, Nhà trường xác lập, giám sát và đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu, mức độ hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường ban hành, Phòng ĐT là đơn vị xây dựng và tham mưu kế hoạch đào tạo năm học của Trường [H11.11.01.01], [H11.11.01.02], [H11.11.01.03], [H11.11.01.04], [H11.11.01.05]. Hằng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng ĐT xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo năm học và gửi đến các đơn vị trực thuộc để lấy ý kiến góp ý, trong đó yêu cầu các khoa chuyên môn phân tích và dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của các lớp chuyên ngành do khoa đang quản lý [H11.11.01.06]. Phòng ĐT đồng thời gửi kết quả tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của năm học trước thông qua sử dụng phần mềm quản lý ĐT đến các Khoa để tham khảo [H11.11.01.07], [H11.11.01.08]. Trên cơ sở đó, các Khoa gửi báo cáo dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của các CTĐT do Khoa đang quản lý về Phòng ĐT để tổng hợp [H11.11.01.09]. Thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, Phòng ĐT trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của tất cả các CTĐT [H11.11.01.10], [H11.11.01.11]. Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và các Khoa thông báo đến CB, GV, SV biết để thực hiện [H11.11.01.12]. Ngoài ra, kế hoạch đào tạo năm học của Nhà trường được đăng tải công khai trên website của Trường, của Phòng ĐT và của các Khoa [H11.11.01.13], [H11.11.01.14].

Nhằm đảm bảo triển khai kế hoạch đào tạo năm học được triển khai hiệu quả, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Bộ phận Thanh tra theo dõi và giám sát hoạt

động giảng dạy của GV và học tập của SV nhằm duy trì nề nếp giảng dạy và học tập đảm bảo tiến độ đào tạo đã được xác lập [H11.11.01.15], [H11.11.01.16], [H11.11.01.17]. Hằng tháng, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC có trách nhiệm báo cáo kết quả công tác thanh tra, giám sát đến BGH Nhà trường [H11.11.01.18]. Bên cạnh đó, trong phần mềm quản lý đào tạo, Phòng ĐT là đơn vị quản lý các chức năng phần mềm đào tạo bao gồm thông tin người học, kết quả học tập, thời khóa biểu, đăng ký học phần, SV đủ điều kiên tốt nghiệp; Phòng CTCT&QLSV là đơn vị quản lý chức năng theo dõi SV bị cảnh báo học vụ, SV bị buộc thôi học [H11.11.01.19], [H11.11.01.20]. Ngoài ra, Phòng ĐT theo dõi tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại,... CSDL về người học của Nhà trường do Phòng ĐT quản lý bao gồm: năm nhập học, tổng số NH nhập học, số NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số NH thôi học sau 1, 2, 3, 4 năm. Định kỳ từng học kỳ, Phòng ĐT báo cáo số liệu về kết quả học tập của SV toàn trường đến BGH và gửi thông báo đến các đơn vị trực thuộc [H11.11.01.21], [H11.11.01.22]. Phòng CTCT&QLSV thông qua đội ngũ CVHT triển khai xét điểm rèn luyện cho SV [H11.11.01.23], [H11.11.01.24], [H11.11.01.25]. Định kỳ 1 tháng/1 lần, CVHT tổ chức sinh hoạt lớp để theo dõi, triển khai các hoạt động đào tạo, rèn luyện, hiểu rõ tình hình lớp, hỗ trợ giải quyết những khó khăn SV gặp phải trong quá trình học tập và rèn luyện [H11.11.01.26], [H11.11.01.27], [H11.11.01.28]. Định kỳ từng học kỳ, Phòng CTCT&QLSV triển khai để các Khoa chấm điểm rèn luyện của SV và trên cơ sở đó chấm kết quả rèn luyện của SV toàn trường [H11.11.01.29]. Các Khoa có trách nhiệm theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của các CTĐT do Khoa quản lý và có các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H11.11.01.01].

Sau mỗi năm học, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV học lại học phần trên thực tế; Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỉ lệ SV bị buộc thôi học, tỉ lệ SV bị cảnh báo học vụ, phổ điểm kết quả rèn luyện so với dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học [H11.11.01.30]. Sau mỗi đợt tốt nghiệp, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp so với cùng kì các năm trước. Đồng thời sau mỗi học kì, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỉ lệ SV học lại, phổ điểm kết quả học tập so với cùng kì các năm trước [H11.11.01.31]. Ngoài ra, Phòng ĐT đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại học phần của các CTĐT tương ứng với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long [H11.11.01.32]. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần của Nhà trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa [H11.11.01.33]. Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần của Trường, Phòng ĐT chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các học phần [H11.11.01.34]. Các biện pháp cải tiến chất lượng

được thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và thể hiện trong kết luận cuộc họp với việc phân công cụ thể các đơn vị thực hiện nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các học phần [H11.11.01.35]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường tập trung tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG,... tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các học phần của Nhà trường [H11.11.01.36], [H11.11.01.37], [H11.11.01.38], [H11.11.01.39], [H11.11.01.40], [H11.11.01.41].

2. Điểm mạnh:

- Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của tất cả các CTĐT.

- Nhà trường trang bị phần mềm quản lý giáo dục và triển khai theo dõi, giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp.

- Nhà trường phân công nhiệm vụ cho các phòng, khoa theo dõi đánh giá, phân tích, giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Sau mỗi năm học, Nhà trường tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV học lại học phần trên thực tế để cải tiến chất lượng CTĐT.

3. Điểm tồn tại:

Hằng năm, vẫn có các trường hợp SV ngành CNTP bị thôi học.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH tăng cường công tác theo dõi, giám sát, hỗ trợ người học để giảm thiểu tối đa số lượng SV bị thôi học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Nhà trường xây dựng và ban hành các CTĐT đáp ứng yêu cầu theo các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT [H11.11.02.01], [H11.11.02.02], [H11.11.02.03], [H11.11.02.04], [H11.11.02.05], [H11.11.02.06]. Trong nội dung các CTĐT đã được phê duyệt và ban hành đều thể hiện thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT của người học được lấy ý kiến của GV bộ môn và thông qua Hội đồng KH&ĐT cấp Khoa, Hội đồng KH&ĐT cấp Trường trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT [H11.11.02.07],

[H11.11.02.08]. Nhà trường đăng tải các CTĐT trên website của Trường, của Phòng ĐT và gửi đến các Khoa để thông báo, phổ biến đến CB, GV, SV thực hiện [H11.11.02.09], [H11.11.02.10], [H11.11.02.11]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTCT&QLSV, các Khoa theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong các ngành đào tạo của Nhà trường [H11.11.02.12], [H11.11.02.13], [H11.11.02.14], [H11.11.02.15], [H11.11.02.16], [H11.11.02.17], [H11.11.02.18], [H11.11.02.19], [H11.11.02.20]. Trong BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng đào tạo quản lý, chỉ đạo chung về hệ thống theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV [H11.11.02.21]. Phòng ĐT phân công nhiệm vụ cho 01 Phó Trưởng phòng và 01 chuyên viên theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV thông qua phần mềm quản lý đào tạo và thực hiện chế độ báo cáo kết quả giám sát định kỳ từng học kỳ. Phòng CTCT&QLSV phân công 01 chuyên viên theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV toàn trường. Các khoa chuyên môn theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các CTĐT của Khoa và định kỳ cuối mỗi học kỳ báo cáo kết quả về Phòng ĐT để tổng hợp [H11.11.02.22], [H11.11.02.23. Kết quả theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa chuyên môn [H11.11.02.24], H11.11.02.25].

Khóa	**Thời gian tốt nghiệp TB (năm)**
2013	4.5
2014	4.45
2015	4
Trung bình chung	4.26

Bảng 22.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình các CTĐT của Nhà trường

Kết thúc từng học kỳ, Phòng ĐT tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian trung bình được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học [H11.11.02.26]. Bên cạnh đó, Phòng ĐT tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian tốt nghiệp trung bình của năm học trước [H11.11.02.27]. Ngoài ra, Phòng ĐT còn đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Cần Thơ và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long [H11.11.02.28]. Kết quả đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của Nhà trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa chuyên môn [H11.11.02.29]. Việc thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình được thực hiện theo Quy định về đối sánh về chất lượng giáo dục của Nhà trường ban hành. Đến năm 2020, Nhà trường ban hành quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình, theo đó, Phòng ĐT

là đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện quy trình giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV toàn trường. Bên cạnh đó, Phòng ĐT thực hiện sổ nhật ký tư vấn, hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Ngoài ra, Khoa CNTP và CNSH, CVHT thường xuyên trao đổi, hướng dẫn, hỗ trợ SV của Khoa rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Tại cuộc họp giao ban công tác ĐT vào cuối học kỳ và cuối năm học, BGH Nhà trường yêu cầu Phòng ĐT, Khoa CNTP và CNSH phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp để từ đó có các biện pháp cải tiến.

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của Nhà trường, Phòng ĐT chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả CTĐT và thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị [H11.11.02.30], [H11.11.02.31], [H11.11.02.32], [H11.11.02.33]. Trong giai đoạn 2016-2020, trong các báo cáo tổng kết năm học, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh CTĐT, trong đó nhằm rút ngắn thời gian đào tạo [H11.11.02.34], [H11.11.02.35], [H11.11.02.36], [H11.11.02.37]. Nhà trường điều chỉnh chuẩn đầu ra ngoại ngữ phù hợp với tình hình thực tế của trường [H11.11.02.38]. Bên cạnh đó, Nhà trường có chính sách hỗ trợ nhằm tạo điều kiện để SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp CTĐT [H11.11.02.39], [H11.11.02.40]. Trong giai đoạn 2016-2020, thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT của SV Nhà trường là 4.26 năm. Trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Nhà trường, Phòng QLĐT, Khoa CNTP và CNSH luôn có nội dung đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh:

- Hằng năm, Nhà trường triển khai tổng hợp thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT và trên cơ sở đó xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT.

- Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTCT&QLSV, các Khoa theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong các ngành đào tạo của Nhà trường.

- Kết thúc từng học kỳ, Nhà trường tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, đồng thời tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

- Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.

3. Điểm tồn tại:

Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành CNTP còn cao so với thời gian dự kiến.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH tăng cường theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành CNTP để hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Phòng ĐT là đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng và tham mưu ban hành kế hoạch đào tạo của Nhà trường [H11.11.03.01], [H11.11.03.02], [H11.11.03.03], [H11.11.03.04], [H11.11.03.05]. Hằng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng ĐT xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo năm học và gửi đến các đơn vị trực thuộc để lấy ý kiến góp ý, trong đó yêu cầu các Khoa phân tích và xác định tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp các CTĐT do khoa quản lý [H11.11.03.06]. Phòng CTCT&QLSV gửi kết quả tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT đến các Khoa để tham khảo [H11.11.03.07], [H11.11.03.08], [H11.11.03.09], [H11.11.03.10], [H11.11.03.11]. Các Khoa gửi báo cáo xác định dự kiến tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp các CTĐT do Khoa đang quản lý về Phòng ĐT để tổng hợp [H11.11.03.12]. Thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, Phòng ĐT trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có xác lập tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H11.11.03.13], [H11.11.03.14]. Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và các Khoa thông báo đến CB, GV, SV biết để thực hiện [H11.11.03.15].

Phòng CTCT&QLSV là đơn vị được Nhà trường giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H11.11.03.05]. Phòng CTCT&QLSV phân công 01 chuyên viên phụ trách việc theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường [H11.11.03.10]. Từ năm 2018, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [H11.11.03.16], [H11.11.03.17], [H11.11.03.18], [H11.11.03.19], [H11.11.03.20]. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa chuyên môn, đồng thời được đăng tải trên website của Trường [H11.11.03.21], [H11.11.03.22], [H11.11.03.23], [H11.11.03.24]. Kết quả khảo sát 342 cựu SV về tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp

đạt tỷ lệ 69,3% SV có việc làm, trong đó có 67% SV có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo [H11.11.03.25]. Đặc biệt, tỷ lệ SV tốt nghiệp các ngành có việc làm cao: Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, CNKT điện, điện tử, CNKT điều khiển và TĐH, CNKT cơ điện tử, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp. SV tốt nghiệp ngành CNTP sau 1 năm (trung bình) có khoảng 90 % SV có việc làm, trong đó có khoảng 69,39% SV có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo.

Căn cứ kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp, Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp trên thực tế so với tỷ lệ được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học [H11.11.03.26], [H11.11.03.27]. Bên cạnh đó, Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Cần Thơ [H11.11.03.28]. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của Nhà trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa [H11.11.03.29].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của Nhà trường, Phòng CTCT&QLSV được giao nhiệm vụ là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H11.11.03.30], [H11.11.03.31], [H11.11.03.32], [H11.11.03.33], [H11.11.03.34], [H11.11.03.35], [H11.11.03.36]. Các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị và thể hiện trong kết luận cuộc họp với việc phân công cụ thể các đơn vị thực hiện [H11.11.03.37]. Tại cuộc họp giao ban ĐT vào cuối học kỳ và cuối năm học, BGH Nhà trường yêu cầu Phòng CTCT&QLSV và các Khoa phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chưa có việc làm để từ đó có các biện pháp cải tiến. Phòng CTCT&QLSV và các Khoa thực hiện nhật ký tư vấn, hỗ trợ người học tốt nghiệp có việc làm. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho SV. Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường tổ chức Ngày hội việc làm đồng thời thông tin kịp thời các thông tin tuyển dụng đến SV [H11.11.03.38], [H11.11.03.39]. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG,... nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H11.11.03.40], [H11.11.03.41], [H11.11.03.42]. Kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng lao động thể hiện tỷ lệ có việc làm và sự hài lòng về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của SV Nhà trường tăng lên [H11.11.03.21], [H11.11.03.25]. Trong báo cáo tổng kết năm

học hằng năm của Nhà trường, Trung tâm HTDN, Phòng CTCT&QLSV và các Khoa luôn có nội dung đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường triển khai để Phòng CTCT&QLSV phân tích, dự đoán tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT.

- Nhà trường triển khai theo dõi, giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT.

- Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan, Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT.

- Các biện pháp cải tiến đã góp phần tích cực nâng cao tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tăng cường sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT của Trường.

3. Điểm tồn tại:

Vẫn còn tỷ lệ SV ngành CNTP làm việc chưa đúng chuyên ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH tăng cường trang bị kỹ năng mềm cho SV, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động hướng nghiệp nhằm tạo điều kiện để SV có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Quy định quản lý hoạt động NCKH của SV do Nhà trường ban hành có nêu rõ nội dung về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà người học phải thực hiện [H11.11.04.01]. Bên cạnh đó, trong quy chế rèn luyện của SV có điểm thưởng dành cho SV có tham gia NCKH [H11.11.04.02]. Ngoài ra, trong tiêu chuẩn của "Sinh viên 5 tốt" có quy định về việc tham gia NCKH của SV [H11.11.04.03]. Trong Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030; kế hoạch tổ chức các hoạt động KH-CN hằng năm, kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và của các Khoa đều có chỉ tiêu về số

lượng, số lượng và chất lượng NCKH của SV [H11.11.04.04], [H11.11.04.05], [H11.11.04.06].

Nhà trường xác định hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của người học, trong đó cấp trường do Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC thực hiện; cấp Khoa do Khoa và Bộ môn thực hiện; về chuyên môn có các Hội đồng xét duyệt thuyết minh, Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH của SV. Trong BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động NCKH của Trường. Trên cơ sở đó, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC phân công 01 chuyên viên thực hiện việc, theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.07]. Tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH luôn yêu cầu Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC, các Khoa triển khai theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của người học.

Hằng năm, chuyên viên của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC được phân công nhiệm vụ tiến hành xây dựng CSDL về kết quả NCKH của SV toàn trường dựa trên báo cáo hằng năm của các Khoa. Bên cạnh đó, các Khoa đồng thời xây dựng CSDL về kết quả thực hiện NCKH của đội ngũ SV của Khoa. Định kỳ từng học kỳ và đặc biệt là cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả thực hiện NCKH của SV về Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC để cập nhật CSDL cấp trường [H11.11.04.08], [H11.11.04.09], [H11.11.04.10]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về chất lượng nghiên cứu của SV Nhà trường [H11.11.04.11]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng NCKH của SV Nhà trường. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá chất lượng nghiên cứu của SV Nhà trường ở mức độ Khá [H11.11.04.12], [H11.11.04.13], [H11.11.04.14], [H11.11.04.15], [H11.11.04.16], [H11.11.04.17].

Hằng năm, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC thực hiện đối sánh kết quả NCKH mà SV Nhà trường đạt được so với quy định về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà SV Nhà trường phải thực hiện [H11.11.04.18]. Bên cạnh đó, Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC tiến hành đối sánh kết quả NCKH của SV đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV đã xác định trong kế hoạch năm học. Các Khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả NCKH SV của khoa đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H11.11.04.19]. Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả NCKH của SV với các tiêu chí về NCKH trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H11.11.04.20].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả NCKH của SV Nhà trường đạt được hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình

và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ SV và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.21]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.04], [H11.11.04.06], [H11.11.04.22]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động NCKH nói chung và NCKH của SV nói riêng [H11.11.04.23], [H11.11.04.24]. Ngoài ra, Nhà trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích SV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.25], [H11.11.04.26]. Trong giai đoạn 2015-2019, hoạt động NCKH của đội ngũ SV Nhà trường tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu [H11.11.04.27], [H11.11.04.28], [H11.11.04.29].

2. Điểm mạnh:

- Loại hình, số lượng NCKH của SV được thể hiện cụ thể trong các văn bản quy định về NCKH của SV do Nhà trường ban hành.

- Nhà trường triển khai và áp dụng nhiều biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để SV đạt được loại hình, số lượng NCKH theo quy định.

- Nhà trường xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của SV, trong đó có dữ liệu việc tổ chức các hội nghị tổng kết, báo cáo kết quả NCKH của SV phù hợp ới mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của Trường.

- Hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh loại hình, số lượng, chất lượng NCKH của SV.

- Nhà trường triển khai rà soát, khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về loại hình, số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của SV, từ đó xây dựng kế hoạch và triển khai cải tiến để tăng số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của của SV Trường.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng SV Khoa CNTP tham gia NCKH chưa nhiều so với tiềm năng của SV.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích SV Khoa CNTP tham gia NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL&KT là đơn vị xây dựng kế hoạch và và phối hợp các phòng, khoa triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, SV, cơ sở vật chất,…) [H11.11.05.01], [H11.11.05.02], [H1.24.05.03], [H11.11.05.04], [H11.11.05.05], [H11.11.05.06], [H11.11.05.07]. Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị trực thuộc về kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất, trình Hiệu trưởng ký ban hành và thông báo đến các đơn vị thực hiện [H11.11.05.08], [H11.11.05.09], [H11.11.05.10], [H11.11.05.11]. Trong kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, SV, cơ sở vật chất,… có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực thuộc thực hiện và phối hợp thực hiện khảo sát. Theo đó, Phòng ĐBCL&KT phối hợp các đơn vị xây dựng các biểu mẫu khảo sát và trình Hiệu trưởng phê duyệt; Xây dựng kế hoạch khảo sát các bên liên quan, triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị liên quan; Hỗ trợ các đơn vị phân tích số liệu khảo sát; Lưu trữ toàn bộ kế hoạch, biên bản, các văn bản triển khai thực hiện, phiếu khảo sát, dữ liệu thống kê, các báo cáo, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cải tiến chất lượng về công tác khảo sát trong thời hạn 05 năm Phòng TC-HC có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan về tầm nhìn sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục; khảo sát ý kiến của viên chức về môi trường làm việc, chế độ chính sách, nhu cầu học tập, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phòng ĐT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của SV năm thứ nhất về công tác tuyển sinh, công tác nhập học. Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên, sinh viên về công tác quản lý khoa học và công nghệ. Phòng CTCT&QLSV có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cựu sinh viên về việc làm; khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp. Bên cạnh đó, các khoa có trách nhiêm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng học phần đồ án, tiểu luận, luận văn tốt nghiệp; khảo sát ý kiến SV năm cuối về chất lượng đào tạo; khảo sát mở ngành đào tạo mới; khảo sát ý kiến về cập nhật chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra; khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy

của giảng viên, hoạt động dạy học và phương pháp đánh giá học phần, giáo trình, cơ sở vật chất phục vụ dạy học. Căn cứ kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất của Trường, Phòng ĐBCL&KT phối hợp với các phòng, khoa chuyên môn tiến hành khảo sát ý kiến của cán bộ nhân viên, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, các nhà tuyển dụng. Nhà trường kết hợp khảo sát bằng phiếu khảo sát trực tiếp và khảo sát online [H11.11.05.12]. Việc thực hiện khảo sát ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng còn được thực hiện thông qua Ngày hội việc làm, các hội nghị, hội thảo do Nhà trường, Khoa tổ chức hoặc những dịp cựu SV về thăm Trường [H11.11.05.13].

Trong kế hoạch công tác hằng năm của Trường, của Phòng ĐBCL&KT có nội dung giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, người học, cơ sở vật chất,… [H11.11.05.14]. Kết quả kiểm tra, giám sát sự hài lòng của các bên liên về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, người học, cơ sở vật chất,… được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng ĐBCL&KT, đồng thời thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị CB, CV, VC hằng năm và trong báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan [H11.11.05.15], [H11.11.05.16], [H11.11.05.17]. Ngoài ra, các Khoa giám sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT của Khoa quản lý và tại các cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị, các Khoa báo cáo kết quả giám sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT của Nhà trường để lãnh đạo Trường theo dõi, giám sát [H11.11.05.18]. Phòng ĐBCL&KT thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học [H11.11.05.19], [H11.11.05.20]. Các Khoa đồng thời đối sánh kết quả sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H11.11.05.21]. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT mà Nhà trường đạt được so với các tiêu chí về sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH do Bộ GD&ĐT ban hành [H11.11.05.22].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của CTĐT ngành CNTP, Phòng CTCT&QLSV phối hợp với Khoa CNTP và CNSH đề xuất các biện pháp cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của CTĐT, thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và thể hiện trong kết luận cuộc họp với sự phân công trách nhiệm cụ thể

cho các đơn vị thực hiện [H11.11.05.23], [H11.11.05.24]. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của Trường nói chung và của ngành CNTP nói riêng [H11.11.05.25], [H11.11.05.26], [H11.11.05.27]. Kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp CTĐT ngành CNTP [H11.11.05.28].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành quy định khảo sát các bên liên quan, trong đó phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,…

- Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan có nội dung khảo sát mức độ hài lòng về CTĐT, hoạt động giảng dạy, KTĐG, NCKH, CSVC và trang thiết bị, cảnh quan sư phạm, hỗ trợ người học, hoạt động kết nối và PVCĐ,…

- Báo cáo kết quả khảo sát thể hiện mức độ hài lòng được so sánh với kết quả khảo sát mức độ hài lòng trước đó của chính CTĐT ngành CNTP.

- Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH sử dụng kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh để lập kế hoạch cải tiến chất lượng và cải tiến CTĐT ngành CNTP.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát chưa nhiều và chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Phòng ĐBCL&KT đa dạng hóa hình thức khảo sát và tăng cường phối hợp với các Khoa tiến hành khảo sát nhằm nâng cao số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng tham gia và trả lời khảo sát.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11:

- Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của tất cả các CTĐT. Nhà trường trang bị phần mềm quản lý giáo dục và triển khai theo dõi, giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho các phòng, khoa theo dõi đánh giá, phân tích, giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo. Sau mỗi năm học, Nhà trường tiến

hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV học lại học phần trên thực tế để cải tiến chất lượng CTĐT. Hằng năm, Nhà trường triển khai tổng hợp thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT và trên cơ sở đó xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTCT&QLSV, các Khoa theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong các ngành đào tạo của Nhà trường. Kết thúc từng học kỳ, Nhà trường tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, đồng thời tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Nhà trường triển khai để Phòng CTCT&QLSV phân tích, dự đoán tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Nhà trường triển khai theo dõi, giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT. Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan, Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Các biện pháp cải tiến đã góp phần tích cực nâng cao tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tăng cường sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT của Trường. Loại hình, số lượng NCKH của SV được thể hiện cụ thể trong các văn bản quy định về NCKH của SV do Nhà trường ban hành. Nhà trường triển khai và áp dụng nhiều biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để SV đạt được loại hình, số lượng NCKH theo quy định. Nhà trường xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của SV, trong đó có dữ liệu việc tổ chức các hội nghị tổng kết, báo cáo kết quả NCKH của SV phù hợp ới mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của Trường. Hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh loại hình, số lượng, chất lượng NCKH của SV. Nhà trường triển khai rà soát, khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về loại hình, số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của SV, từ đó xây dựng kế hoạch và triển khai cải tiến để tăng số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của của SV Trường.

Nhà trường ban hành quy định khảo sát các bên liên quan, trong đó phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,… Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan có nội dung khảo sát mức độ hài lòng về CTĐT, hoạt động giảng dạy, KTĐG, NCKH, CSVC và trang thiết

bị, cảnh quan sư phạm, hỗ trợ người học, hoạt động kết nối và PVCĐ,… Báo cáo kết quả khảo sát thể hiện mức độ hài lòng được so sánh với kết quả khảo sát mức độ hài lòng trước đó của chính CTĐT ngành CNTP. Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH sử dụng kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh để lập kế hoạch cải tiến chất lượng và cải tiến CTĐT ngành CNTP.

Tuy nhiên, Hằng năm, vẫn có các trường hợp SV ngành CNTP bị thôi học. Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành CNTP còn cao so với thời gian dự kiến. Vẫn còn tỷ lệ SV ngành CNTP làm việc chưa đúng chuyên ngành đào tạo. Số lượng SV Khoa CNTP tham gia NCKH chưa nhiều so với tiềm năng của SV. Số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát chưa nhiều và chưa thường xuyên.

Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí, Khoa CNTP và CNSH tự đánh giá 3 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 2 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành CNTP được xác định rõ ràng; phù hợp với SM và TN của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT ngành CNTP tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh và thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau. CĐR của CTĐT ngành CNTP được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành CNTP xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành CNTP được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT ngành CNTP được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường. CĐR của CTĐT ngành CNTP được công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần.

1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Nhà trường ban hành Bản mô tả CTĐT ngành CNTP và thông báo đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau. Năm 2020, Khoa CNTP và CNSH thực hiện điều chỉnh, cập nhật Bản mô tả CTĐT ngành CNTP với đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định của tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ GD&ĐT ban hành. Bên cạnh đó, GV Khoa CNTP và CNSH xây dựng Bản mô tả học phần và trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Bản mô tả học phần đối với tất

cả các học phần của ngành CNTP. Nhà trường ban hành đầy đủ ĐCCT học phần ngành CNTP và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định. ĐCCT học phần ngành CNTP được rà soát, điều chỉnh vào năm 2019 và 2020. Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH xây dựng và ban hành Bản mô tả học phần đối ngành CNTP với tất cả các học phần. Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNTP được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT học phần ngành CNTP được thông báo đến SV ngay tại buổi học đầu tiên. Hằng năm, Nhà trường khảo sát sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan thể hiện các bên liên quan dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT và ĐC học phần.

1.3. Về cấu trúc và nội dung CTDH

Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, trong đó thể hiện rõ quy trình xây dựng, rà soát, đánh giá CTDH và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân thực hiện. Nhà trường triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Trường ban hành, trong đó CTDH ngành CNTP được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. GV ngành CNTP xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của SV trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Các học phần trong CTDH ngành CNTP được cấu trúc thành từng khối kiến thức gắn kết giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Tất cả các học phần trong CTDH ngành CNTP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Tất cả ĐC học phần trong CTDH ngành CNTP xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung các môn học/học phần trong CTDH ngành ngành CNTP thể hiện việc đạt được CĐR. Hằng năm, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung về CTDH ngành CNTP. Các học phần trong CTDH ngành CNTP được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Tất cả các học phần trong CTDH ngành CNTP được bố trí hợp lý, có tính hệ thống, đảm bảo học phần song hành, học trước và tiên quyết. CTDH ngành CNTP được rà soát, điều chỉnh vào năm 2106, 2017, 2019 và năm 2020. Khoa CNTP và CNSH tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Nhà trường tuyên bố TLGD "Đức trí – Kỹ năng – Sáng tạo – Hội nhập" và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường. Triết lý giáo dục được cán bộ, GV, SV của Trường hiểu rõ và triển

khai thực hiện. Hằng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Nhà trường có khảo sát về TLGD của Trường. GV Khoa CNTP&CNSH xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành CNTP và thể hiện trong ĐC học phần. Nhà trường tạo điều kiện để GV Khoa CNTP&CNSH tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR. GV Khoa CNTP&CNSH tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, SV Khoa CNTP&CNSH hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành CNTP. Tất cả ĐC học phần ngành CNTP mô tả rõ việc sử dụng các phương giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV, đồng thời mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. GV Khoa CNTP và CNSH sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: Dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp,…Nhà trường tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện GV Khoa CNTP và CNSH sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường, trong đó có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị, xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học; thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường đến các Khoa, GV, SV thực hiện. Nhà trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp CĐR và yêu cầu các Khoa triển khai thực hiện. Hình thức thi, KTĐG KQHT được thể hiện rõ trong ĐC học phần ngành CNTP và GV Khoa CNTP và CNSH thông báo cho SV ngay trong buổi học đầu tiên. Trong giai đoạn 2016-2020, GV Khoa CNTP và CNSH áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học. Nhà trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp KTĐG phù hợp CĐR và yêu cầu Khoa CNTP và CNSH triển khai thực hiện. Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH

áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành.

Nhà trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường, trong đó có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi. GV Khoa CNTP và CNSH sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV. Kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học. Các phương pháp KTĐG KQHT của SV ngành CNTP được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng.

Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín do Nhà trường ban hành có các quy định cụ thể về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Nhà trường thông báo, phổ biến đến SV quy định về phản hồi kết quả đánh giá với nhiều hình thức khác nhau. Trong giai đoạn 2016-2020, tất cả các trường hợp SV phản hồi về kết quả đánh giá được Nhà trường giải quyết kịp thời. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được CVHT thông báo đến SV sử dụng để cải thiện việc học tập của SV. Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH, CVHT phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến SV thông qua nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường quan tâm và yêu cầu các đơn vị giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của SV. Trong giai đoạn 2016 - 2020, tất cả các khiếu nại về KQHT được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

1.6. Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Nhà trường ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV biết và thực hiện. Nhà trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ. Đội ngũ GV khoa CNTP&CNSH có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt đông chuyên môn khác. Bộ môn Công nghệ thực phẩm có đủ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH. Tỉ lệ GV/người học của CTĐT ngành CNTP đáp ứng yêu cầu theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.

Nhà trường ban hành văn bản liên quan đến việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai

thực hiện. Quy định chế độ làm việc của GV được Nhà trường ban hành, trong đó có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV. Hằng năm, Nhà trưởng có triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Trong giai đoạn 2016-2020, GV Khoa CNTP và CNSH được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và hầu hết các ý kiến của SV ngành CNTP hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV.

Nhà trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của Phòng TC-HC. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường tuyển dụng 75 CBVC, trong đó có 03 TS, 29 ThS và thu hút được 01 TS; bổ nhiệm 60 CBQL, luân chuyển 07 CBQL.

Nhà trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV. Hằng năm, Nhà trường luôn triển khai đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV được thông báo đến GV và lưu trữ trong dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV hằng năm.

Nhà trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm, trong đó gần 100% GV của Trường được ĐT, BD và phát triển chuyên môn, trong đó có 168 GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 86,6%. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CB, CC, VC.

Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc. Hằng năm, GV Khoa CNTP và CNSH thực hiện đăng ký thi đua năm học. Nhà trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV. Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá kết quả công việc của Gv và thông báo đến các đơn vị để thực hiện. GV Khoa CNTP và CNSH hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền. Trong giai đoạn 2016-2020, đội ngũ GV của Trường và của Khoa CNTP và CNSH đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp.

1.7. Đội ngũ nhân viên

Nhà trường xây dựng kế hoạch quy hoạch đội ngũ NV và triển khai hoạch đội ngũ NV dựa trên việc phân tích nhu cầu về đội ngũ NV của các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhà trường triển khai công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhà trường triển khai quy hoạch, tuyển dụng đội ngũ NV đúng theo quy định. Đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về mức độ đáp ứng của NV của Nhà trường.

Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tícht nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và của Phòng TC-HC. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường tuyển dụng 13 NV, trong đó có 06 ThS, 07 ĐH.

Nhà trường ban hành quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NC, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm, nhà trường tiến hành thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Kết quả đánh giá NV hằng năm được lưu trữ trong CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường và trong hồ sơ năng lực của NV.

Nhà trường xây dựng Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011-2020" có nội dung phát triển nhân sự của Trường nói chung và phát triển đội ngũ NV nói riêng. Hằng năm, Nhà trường xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Căn cứ kế hoạch ĐT, BD đã phê duyệt, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và các đơn vị. Trong giai đoạn 2016-2020, kết quả khảo sáy ý kiến của đội ngũ NV thể hiện 100% ý kiến NV hài lòng về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường.

Nhà trường ban hành quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NVvà quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Các phòng, khoa, trung tâm đều có xây dựng kế hoạch năm và phân công công việc rõ ràng cho NV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết,… để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCĐ. Tất cả đội ngũ NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Ý kiến khảo sát CB, GV, NV và ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm đều thể hiện sự hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó thể hiện chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Nhà trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh bằng nhiều hình thức khác nhau, góp phần đáng kể vào kết quả tuyển sinh của Trường. Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh của Trường. Nhà trường xây dựng và ban hành đề án tuyển sinh đúng theo quy định, trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học rõ ràng. Hằng năm, Nhà trường rà soát các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh. Kết quả tuyển sinh của Nhà trường luôn đạt chỉ tiêu đề ra, góp phần nâng cao học hiệu của Trường. Nhà trường phân công trách nhiệm rõ ràng cho Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; ở lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách. Nhà trường ban hành văn bản quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV và triển khai thực hiện. Nhà trường đầu tư phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học. Nhà trường thành lập đơn vị chuyên trách và giao trách nhiệm cụ thể về tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học. Khoa

CNTP&CNSH có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho người học. Kết quả sát ý kiến của SV, cựu SV cho thấy trên 85% số SV, cựu SV tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường. Với phương châm "Tất cả vì Sinh viên thân yêu!", Nhà trường luôn tạo môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Đảng ủy, BGH Nhà trường luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho người học. Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học. Nhà trường có hợp đồng thuê Công ty Thành đồng để chăm lo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường. Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm sạch sẽ, an toàn, tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành CNTP theo quy định hiện hành. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn,...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành CNTP. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho hoạt động nâng cấp CSVC và trang thiết bị cho phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường ban hành nội quy, quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số và các trang thiết bị. Thư viện Nhà trường có đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNTP. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho việc mua sắm, bổ sung nguồn học liệu cua Thư viện. Thư viện Nhà trường có đầy đủ sổ sách, dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNTP. Phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường có phân công cụ thể người phụ

trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Trong giai đoạn 2016-2020, hằng năm, Nhà trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành CNTP nói riêng. Nhà trường đầu tư hạ tầng CNTT và tuyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường thành lập Ban Quản trị hệ thống thông tin và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2016-2020, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt. Môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt của Trường được đảm bảo và cải thiện. Ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

1.10. Nâng cao chất lượng

Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành có yêu cầu các Khoa sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan, thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Nhà trường ban hành quy định về khảo sát các bên liên quan, các phiếu khảo sát và hằng năm triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó có khảo sát về CTDH ngành CNTP. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTDH ngành CNTP và thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực được Khoa CNTP và CNSH tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNTP. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Nhà trường, trong đó có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo

của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CĐR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Khoa CNTP và CNSH triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNTP vào năm 2017, 2018, 2019 và 2020. Nhà trường ban hành hệ thống văn bản, quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; KTĐG KQHT của người học. Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Hằng năm, Phòng ĐBCL&KT khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Nhà trường ban hành văn bản quy định về công tác NCKH của GV và triển khai thực hiện. Trong giai đoạn 2016-2020, GV Khoa CNTP và CNSH thực hiện 05 đề tài NCKH có áp dụng trong dạy học và 01 dự án KHCN đang triển khai. Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Nhà trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Hằng năm, Nhà trường và Khoa CNTP&CNSH thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn người học, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, …). Trong giai đoạn 2016-2020, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Nhà trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL, trong đó thể hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống. Hằng năm, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL và gửi kết quả khảo sát đến các đơn vị để xác định kế hoạch cải tiến và tiến hành cải tiến chất lượng hoạt động. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các bên liên quan, trên cơ sở đó, Nhà trường bổ sung Phòng ĐBCL&KT giám sát các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan để cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

1.11. Kết quả đầu ra

Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của tất cả các CTĐT. Nhà trường trang bị phần mềm quản lý giáo dục và triển khai theo dõi, giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho các phòng, khoa theo dõi đánh giá, phân tích, giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo. Sau mỗi năm học, Nhà trường tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV học lại học phần trên thực tế để cải tiến chất lượng CTĐT. Hằng năm, Nhà trường triển khai tổng hợp thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT và trên cơ sở đó xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTCT&QLSV, các Khoa theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong các ngành đào tạo của Nhà trường. Kết thúc từng học kỳ, Nhà trường tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, đồng thời tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Nhà trường triển khai để Phòng CTCT&QLSV phân tích, dự đoán tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Nhà trường triển khai theo dõi, giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT. Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan, Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Các biện pháp cải tiến đã góp phần tích cực nâng cao tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tăng cường sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT của Trường. Loại hình, số lượng NCKH của SV được thể hiện cụ thể trong các văn bản quy định về NCKH của SV do Nhà trường ban hành. Nhà trường triển khai và áp dụng nhiều biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để SV đạt được loại hình, số lượng NCKH theo quy định. Nhà trường xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của SV, trong đó có dữ liệu việc tổ chức các hội nghị tổng kết, báo cáo kết quả NCKH của SV phù hợp ới mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của Trường. Hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh loại hình, số lượng, chất lượng NCKH của SV. Nhà trường triển khai rà soát, khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về loại hình, số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của SV, từ đó xây dựng kế hoạch và triển khai cải tiến để tăng số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của của SV Trường.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành CNTP chưa nhiều. Khoa CNTP và CNSH chưa thực sự chủ động trong việc khảo sát ý kiến phản hồi của cựu SV, các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT ngành CNTP. Số lượng các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành CNTP ký kết hợp tác với Khoa CNTP và CNSH chưa nhiều.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Khoa CNTP và CNSH chưa tham khảo Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản mô tả CTĐT. Biểu mẫu ĐC học phần của ngành CNTP chưa tham khảo hoàn toàn ĐC học phần của CDIO. Nhà trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNTP đến các bên liên quan.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Các PPGD hiện đại được GV Khoa CNTP xác định trong ĐC học phần chưa nhiều. Số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành CNTP tại các hội nghị, hội thảo do Khoa CNTP và CNSH tổ chức chưa nhiều.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Nhà trường chưa khảo sát mức độ hiểu biết của các nhà tuyển dụng về TLGD của Trường.; Vẫn còn trường hợp SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc đại học. Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa CNTP và CNSH tổ chức chưa nhiều.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG được xác định chưa nhiều. Khoa CNTP và CNSH chưa đánh giá mức độ hiểu biết của SV các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học. Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần của ngành CNTP. Khoa CNTP và CNSH chưa đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập. Nhà trường chưa có nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa việc khiếu nại của SV.

2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Việc điều chỉnh một số văn bản liên quan đến công tác quy hoạch GV còn chậm. Số lượng GV có học hàm, học vị cao của Khoa CNTP và CNSH còn ít. Do những khó khăn về chính sách thu hút nên Nhà trường chưa tuyển được nhiều GV

có học hàm, học vị cao. Năng lực ngoại ngữ của GV Khoa CNTP và CNSH còn những hạn chế nhất định. Các hình thức khen thưởng cấp cao của GV Khoa CNTP và CNSH chưa nhiều.

2.7. Đội ngũ nhân viên

Công tác quy hoạch đội ngũ NV tuy đã được triển khai nhưng việc rà soát quy hoạch đội ngũ NV đôi lúc còn chậm. Vẫn còn trường hợp NV kiêm nhiệm các công tác khác. Hoạt động đánh giá đồng nghiệp tuy đã được triển khai nhưng chưa phát huy tối đa hiệu quả. Số lượng NV tham gia học tập sau đại học chưa nhiều. Các hình thức khen thưởng cấp cao của GV Khoa CNTP và CNSH còn hạn chế.

2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường. Do tính cạnh tranh cao của các trường ĐH truyền thống trên địa bàn nên điểm chuẩn đầu vào của Nhà trường chưa được cải thiện. Bên cạnh, do là GV kiêm nhiệm nên việc giám sát SV của CVHT đôi lúc còn chưa kịp thời. Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo SV tham gia. Không gian sinh hoạt chung còn hạn chế so với nhu cầu của GV, SV.

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Do những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,69 tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ. Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế. Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn chậm so với tiến độ. Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. CSVC của Nhà trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

2.10. Nâng cao chất lượng

Trường chưa khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến của cựu SV về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Số lượng đề tài NCKH của Khoa CNTP&CNSH còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của GV. Do nguồn lực có hạn nên việc cải tiến các dịch vụ hỗ trợ chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của SV. Số lượng các nhà tuyển dụng trả lời ý kiến khảo sát chưa nhiều.

2.11. Kết quả đầu ra

Hằng năm, vẫn có các trường hợp SV ngành CNTP bị thôi học. Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành CNTP còn cao so với thời gian dự kiến. Vẫn còn tỷ lệ SV ngành CNTP làm việc chưa đúng chuyên ngành đào tạo. Số lượng SV Khoa CNTP tham gia NCKH chưa nhiều so với tiềm năng của SV. Số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát chưa nhiều và chưa thường xuyên.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

3.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Phòng ĐBCL&KT phối hợp với Khoa CNTP đa dạng hóa hình thức khảo sát ý kiến nhằm tăng số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành CNTP.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa CNTP và CNSH tích cực khảo sát ý kiến phản hồi của cựu SV, các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT ngành CNTP tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa CNTP và CNSH tăng cường ký kết hợp tác với các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành CNTP.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa CNTP và CNSH tham khảo Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản mô tả CTĐT.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa CNTP và CNSH tham khảo ĐC học phần của CDIO để phục vụ rà soát, điều chỉnh ĐC học phần ngành CNTP.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, hằng năm, Phòng ĐBCL&KT phối hợp với Khoa CNTP và CNSH đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNTP đến các bên liên quan.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa CNTP triển khai để GV tăng cường xác định các PPGD hiện đại trong ĐC học phần để từ đó áp dụng trong quá trình giảng dạy nhằm đạt CĐR.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, hằng năm, Khoa CNTP tổ chức hội nghị, hội thảo và tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức, Khoa CNTP tăng cường lấy ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng và cựu SV về CTDH ngành CNTP.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa CNTP tăng cường tham khảo CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh CTDH ngành CNTP.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, hằng năm, Phòng ĐBCL&KT tiến hành khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng, trong đó có khảo sát mức độ hiểu biết về TLGD của Trường.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho SV, đặc biệt SV năm thứ nhất về phương pháp học ở bậc đại học.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, hằng năm, Khoa CNTP và CNSH tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH triển khai để GV tiếp tục rà soát các phương pháp KTĐG để bổ sung các các phương pháp KTĐG phù hợp và đo lường CĐR.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa CNTP và CNSH triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết của SV của Khoa đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Khoa CNTP và CNSH tăng cường xây dựng ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Khoa CNTP và CNSH phối hợp với Phòng ĐBCL&KT khảo sát đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

- Từ năm học 2020-2021, Nhà trường, Phòng TC-HC thường xuyên rà soát để kịp thời điều chỉnh các văn bản liên quan đến công tác quy hoạch GV.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tăng cường số lượng GV có học hàm, học vị cao cho Khoa CNTP và CNSH.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tuyển dụng, thu hút GV có học hàm, học vị cao.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường chế độ hỗ trợ GV học ngoại ngữ và chỉ đạo Trung tâm NNTH thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ cho GV nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV Khoa CNTP và CNSH.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện kết hợp chế tài để các GV học tập nghiên cứu sinh kết hợp công tác thu hút, tuyển dụng GV có học hàm, học vị cao đúng chuyên ngành đào tạo.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Nhà trường, Phòng TC-HC, Khoa CNTP và CNSH tăng cường động viên, khuyến khích GV tham gia các hình thức khen thưởng cấp cao.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường điều chỉnh Quy chế làm việc của GV, đồng thời nghiên cứu tăng cường kinh phí cho việc thực hiện đề tài NCKH cho GV và động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Thành phố và tương đương.

2.7. Đội ngũ nhân viên

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, hằng năm, Phòng TC-HC phối hợp với các đơn vị để rà soát quy hoạch đội ngũ NV nhằm có những điều chỉnh, bổ sung quy hoạch kịp thời.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường rà soát để bố trí, sắp xếp nhằm đảm bảo NV thực hiện công tác chuyên trách theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường bổ sung các hình thức đánh giá đồng nghiệp một cách thường xuyên nhằm phát huy hiệu quả của hoạt động đánh giá đồng nghiệp.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường áp dụng chế độ động viên, khuyến khích đội ngũ NV học tập sau đại học.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Nhà trường, Phòng TC-HC, các đơn vị tăng cường động viên, khuyến khích NV tham gia các hình thức khen thưởng cấp cao.

2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Phòng ĐBCL&KT phối hợp với Phòng ĐT và các Khoa triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài về chính sách tuyển sinh của Trường để có thêm cơ sở điều chỉnh chính sách tuyển sinh cho phù hợp.

- Năm 2021, Nhà trường đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh đồng thời tăng cường công tác truyền thông nhằm cải thiện điểm chuẩn đầu vào của Trường.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020 2021, Nhà trường, Phòng CTCT&QLSV thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng cho CVHT và dành thời gian để CVHT tăng cường giám sát, hỗ trợ SV.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Phòng CTCT&QLSV phối hợp Đoàn TN, Hội SV, các Khoa đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thu hút đông đảo SV tham gia, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của SV.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường tích cực đề nghị UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Cơ sở II tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

- Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Nhà trường tích cực làm việc với UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh việc giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng Cơ sở II với 17,69 tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường áp dụng các chế độ động viên, khuyến khích GV biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Nhà trường tăng cường tích lũy kinh phí và nguồn kinh phí hỗ trợ để mua sắm các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNTP.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH, CVHT tăng cường hướng dẫn để SV hiểu rõ và khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, đối với CSVC tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, Nhà trường tăng cường các tiện ích phù hợp với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

2.10. Nâng cao chất lượng

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Phòng ĐBCL&KT đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng nhằm nâng cao số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Phòng ĐBCL&KT phối hợp Phòng ĐT triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài về quy trình thiết kế và phát triển CTDH thông qua các hội nghị, hội thảo về công tác đào tạo.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Phòng ĐBCL&KT phối hợp các Khoa triển khai khảo sát ý kiến của cựu SV về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích kết hợp giao nhiệm vụ để nâng cao số lượng đề tài NCKH của GV Khoa CNTP&CNSH.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục để cải tiến các dịch vụ hỗ trợ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của SV.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Phòng KT&ĐBCL đa dạng hình thức khảo sát và tăng cường phối hợp với các Khoa nhằm nâng cao số lượng các nhà tuyển dụng trả lời ý kiến khảo sát.

2.11. Kết quả đầu ra

- Từ năm học 2020-2021, Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH tăng cường công tác theo dõi, giám sát, hỗ trợ người học để giảm thiểu tối đa số lượng SV bị thôi học.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường, Khoa CNTP và CNSH tăng cường theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành CNTP để hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH tăng cường trang bị kỹ năng mềm cho SV, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động hướng nghiệp nhằm tạo điều kiện để SV có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Nhà trường và Khoa CNTP và CNSH tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích SV Khoa CNTP tham gia NCKH.

- Từ học kỳ 2 năm học 2020 - 2021, Phòng ĐBCL&KT đa dạng hóa hình thức khảo sát và tăng cường phối hợp với các Khoa tiến hành khảo sát nhằm nâng cao số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng tham gia và trả lời khảo sát.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ**

Mã: **KCC**

Tên CTĐT: **Công nghệ thực phẩm**

Mã CTĐT: **7540101**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	**Thang đánh giá**							**Tổng hợp theo tiêu chuẩn**		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 1								5	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					

Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								4,66	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4								4,66	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5								5	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								5	7	100%
Têu chí 6.1					5					
Têu chí 6.2					5					
Têu chí 6.3					5					
Têu chí 6.4					5					
Têu chí 6.5					5					
Têu chí 6.6					5					
Têu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7								5	5	100%
Têu chí 7.1					5					

Têu chí 7.2					5					
Têu chí 7.3					5					
Têu chí 7.4					5					
Têu chí 7.5					5					
Tiêu cuẩn 8								5	5	100%
Têu chí 8.1					5					
Têu chí 8.2					5					
Têu chí 8.3					5					
Têu chí 8.4					5					
Têu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								4,8	5	100%
Têu chí 9.1					5					
Têu chí 9.2					4					
Têu chí 9.3					5					
Têu chí 9.4					5					
Têu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10								4,8	6	100%
Têu chí 10.1					5					
Têu chí 10.2					5					
Têu chí 10.3					5					
Têu chí 10.4					4					
Têu chí 10.5					5					
Têu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								4,6	5	100%
Tiêu chí 11.1					5					

Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					4					
Tiêu chí 11.4					4					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								**4,87**	**50**	**100%**

Cần Thơ, ngày 18 tháng 11 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Huỳnh Thanh Nhã

Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/10/2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
   - Tiếng Việt: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ
   - Tiếng Anh: Can Tho University of Technology
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
   - Tiếng Việt: ĐHKTCNCT
   - Tiếng Anh: CTUT
3. Tên trước đây (nếu có):
   .....
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ
5. Địa chỉ: 256 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
6. Thông tin liên hệ:
7. E-mail: 0292 3894050 Website: http://ctuet.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2013
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 09/2013
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Đại học: 10/2017
11. Loại hình cơ sở giáo dục:

    Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

    Loại hình khác (đề nghị ghi rõ) .....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
    - Tiếng Việt: Khoa Công nghệ thực phẩm và Công nghệ sinh học
    - Tiếng Anh: Faculty of Food Technology and Biotechnology
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
    - Tiếng Việt: Khoa CNTP và CNSH
    - Tiếng Anh: .....
14. Tên trước đây (nếu có):.....
15. Tên CTĐT
    - Tiếng Việt: Công nghệ thực phẩm
    - Tiếng Anh: Food technology
16. Mã CTĐT: 7540101
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): .....

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 256 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hoàn. Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
19. Số điện thoại liên hệ: 02923899119 Số fax:
20. E-mail: khoacntp@ctuet.edu.vn

    Website: https://khoacntp.ctuet.edu.vn/
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2013
22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 09/2013
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 10/2017

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Khoa Công nghệ thực phẩm và Công nghệ sinh học được thành lập theo Quyết định số 66/QĐ-ĐHKTCN ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ. Năm năm 2020, tổng số CBGV là 20 người, trong đó có 5 CBGV nam và 15 CBGV nữ. Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm Ban Chủ nhiệm Khoa có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó Trưởng Khoa phụ trách điều hành Khoa, 01 CBGV được giao kiêm nhiệm công tác Trợ lý Khoa. Khoa có 02 Bộ môn là Bộ môn Công nghệ thực phẩm và Bộ môn Sinh Hóa được thành lập theo Quyết định số 117/QĐ-ĐHKTCNCT ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ. Đối với Bộ môn Công nghệ thực phẩm có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó Trưởng Bộ môn. Đối với Bộ môn Sinh hóa có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Trưởng Bộ môn. Tổ chức Đoàn Khoa CNTP và CNSH gồm 01 Chi đoàn CBGV và 10 Chi đoàn sinh viên, 1 Liên chi hội sinh viên khoa CNTP&CNSH, 1 Tổ Công đoàn Khoa có 20 công đoàn viên. Thực hành đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và NCKH.

Khoa CNTP và CNSH đang phụ trách đào tạo 02 ngành trình độ đại học: Công nghệ thực phẩm và Công nghệ sinh học. Hiện nay, tổng số quy mô sinh viên của khoa là 634, trong đó có 495 SV ngành Công nghệ thực phẩm.

Thường xuyên thực hiện phương châm "Lý thuyết đi đôi với thực hành", năm học vừa qua, hằng năm Khoa tổ chức cho trên 500 lượt sinh viên ngành Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sinh học đi tham quan thực tế, thực tập tại các Công ty, doanh nghiệp. Sinh viên của Khoa nhận được sự hài lòng của cơ sở thực tập cả về kiến thức chuyên môn lẫn đạo đức, tác phong trong công việc. Công tác gắn kết doanh nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên được đặc biệt quan tâm và có sự phát triển. Khoa đã tổ chức thành công Chương trình Tọa đàm kết nối "Doanh nghiệp - Sinh viên" năm 2019 và 2020. Chương trình Tọa đàm có nội

dung phong phú, hấp dẫn, thiết thực đã thu hút hầu hết sinh viên tham dự. Qua đó, Khoa đã hợp tác với nhiều doanh nghiệp để trao quà, trao học bổng cho sinh viên, giải quyết việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp.

Tính đến tháng 10/2020, Khoa có 04 khóa sinh viên ngành Công nghệ thực phẩm tốt nghiệp, với 275 SV tốt nghiệp.

Tập thể Khoa luôn hoàn thành tốt công việc được giao, 100% CBGV hoàn thành định mức giờ chuẩn giảng dạy được giao. Năm học 2019-2020, Khoa được Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ tặng danh hiệu Tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

a) Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHKTCNCT

Cơ cấu tổ chức Trường ĐHKTCNCT gồm Hội đồng trường, Ban giám hiệu, 07 phòng (phòng Đào tạo, phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, phòng Tổ chức hành chính, phòng Tài chính kế toán, phòng Quản trị thiết bị, phòng Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế-Thanh tra-Pháp chế), 07 khoa (Khoa Công nghệ thực phẩm và Công nghệ sinh học, Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Quản lý công nghiệp, Khoa Kỹ thuật xây dựng, khoa Công nghệ thông tin, khoa Điện - Điện tử - Viễn Thông và Khoa Kỹ thuật cơ khí), 03 trung tâm (trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng, trung tâm Thí nghiệm - Kỹ thuật năng lượng - Chuyển giao công nghệ, Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể hội, các Hội đồng tư vấn gồm Hội đồng trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng Đảm bảo chất lượng, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng Lương, Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng kiểm tra đánh giá kết thúc học phần.

b) Cơ cấu tổ chức của Khoa CNTP&CNSH

Cơ cấu tổ chức của Khoa CNTP&CNSH gồm Ban Chủ nhiệm khoa; Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa; Văn phòng khoa và Trợ lý khoa; các Bộ môn; các phòng thí nghiệm thực hành.

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1.	Hiệu trưởng	Huỳnh Thanh Nhã	1965	Giảng viên cao cấp, PGS. TS	0919209555	htnha@ctuet.edu.vn
2.	Phó Hiệu trưởng	Trương Minh Nhật Quang	1965	Giảng viên chính, Tiến sĩ	0918192592	tmnquang@ctuet.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Yên Chi	1974	Giảng viên chính, Thạc sĩ	0907389111	ntychi@ctuet.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Phó trưởng khoa	Đoàn Thị Kiều Tiên	1979	Giảng viên, Tiến sĩ	0919005068	dtktien@ctuet.edu.vn
2	Trưởng bộ môn Sinh Hóa	Lê Vũ Lan Phương	1986	Giảng viên, Tiến sĩ	0903.861.214	lvlphuong@cutet.edu.vn

3.	Phó trưởng bộ môn CNTP	Lê Trí Ân	1987	Giảng viên, Thạc sĩ	0982.509.598	ltan@ctuet.edu.vn
4.	Phó trưởng bộ môn Sinh Hóa	Lư Văn Lil	1980	Giảng viên, Thạc sĩ. NCS	09899730085	lvlil@ctuet.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Chi bộ	Đoàn Thị Kiều Tiên	1979	Giảng viên, Tiến sĩ	0919005068	dtktien@ctuet.edu.vn
2.	Đoàn Thanh Niên Cộng Sản HCM	Nguyễn Phúc Huy	1991	Giảng viên, Thạc sĩ	0773063970	nphuy@ctuet.edu.vn
3.	Công Đoàn	Trần Thị Thùy Linh	1987	Giảng viên, Thạc sĩ	0934792199	tttlinh@ctuet.edu.vn
III.	Các phòng, ban					
1.	Trưởng Phòng Đào tạo	Nguyễn Minh Tuấn	1971	GV, Tiến sĩ	0913185666	nmtuan@ctuet.edu.vn
2.	Phó Trưởng Phòng Đào tạo	Cao Thị Bé Oanh	1982	Giảng viên, Thạc sĩ	0907001507	ctboanh@ctuet.edu.vn

3.	Trưởng phòng TCHC	Nguyễn Thị Yên Chi	1974	Giảng viên chính, Thạc sĩ	0907389111	ntychi@ctuet.edu.vn
4..	PT phòng NCKH-HTQT-TTr-PC	Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm		GV, Tiến sĩ	0935611408	ndhnghiem@ctuet.edu.vn
5.	Trưởng phòng CTCT&QLSV	Nguyễn Chí Hiếu		CV, Thạc sĩ	0931771517	nchieu@ctuet.edu.vn
6.	Trưởng phòng QTTB	Võ Khắc Tâm		CVC, Thạc sĩ	0913530530	vktam@ctuet.edu.vn
7.	Trưởng phòng TCKT	Trần Long Hải		CV, Thạc sĩ	0983891457	tlhai@ctuet.edu.vn
8.	Trưởng phòng ĐBCL&KT	Lê Anh Tuấn	1967	GV, Thạc sĩ	0918280455	latuan@ctuet.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 00

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): không

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

29. Tổng số các ngành đào tạo: 02

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

- Năm học 2016 – 2017:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu *Trong đó:*			
I.1	Cán bộ trong biên chế	0	0	0
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	09	18	27
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	02	0	0
	Tổng số	**11**	**18**	**27**

- Năm học 2017 – 2018:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu *Trong đó:*			
I.1	Cán bộ trong biên chế			
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	06	19	25
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	01	01	02
	Tổng số	**7**	**20**	**27**

- Năm học 2018 – 2019:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu *Trong đó:*			
I.1	Cán bộ trong biên chế			
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	06	21	27
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	01	01	02
	Tổng số	**7**	**22**	**29**

- Năm học 2019 – 2020:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu *Trong đó:*			
I.1	Cán bộ trong biên chế			

I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	06	21	27
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	01	01	02
	Tổng số	**7**	**22**	**29**

- Năm học 2020 – 2021:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu[1] *Trong đó:*			
I.1	Cán bộ trong biên chế			
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	06	21	27
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng[2])	01	01	02
	Tổng số	**7**	**22**	**29**

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại giảng viên

- Năm học 2016 – 2017:

[1]Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

[2]Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn[3] trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	2		1	1		
5	Thạc sĩ	23		21		2	
6	Đại học	2		2			
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	**27**		**24**	**1**	**2**	

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 25 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 92.59%.

- Năm học 2017 – 2018:

[3]Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	1			1		
5	Thạc sĩ	25		23		2	
6	Đại học	1		1			
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	**27**		**24**	**1**	**2**	

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 25 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 92.59 %.

- Năm học 2018 – 2019:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	4		3	1		
5	Thạc sĩ	24		21	1	2	
6	Đại học	1		1			
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	**29**		**25**	**2**	**2**	

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 27 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 93.10%.

- Năm học 2019 – 2020:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	5		4	1		
5	Thạc sĩ	24		22	2	2	
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	**29**		**26**	**3**	**2**	

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

2. Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 27 người
3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 93.10%.

- Năm học 2020 – 2021:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	5		4	1		
5	Thạc sĩ	24		21	3	2	
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	**29**		**25**	**4**	**2**	

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 27 người
Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 93.10%.

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (*Ví dụ đối với trường đại học, học viện).*

- Năm học 2016 – 2017:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi								
1	Giáo sư, Viện sĩ								
2	Phó Giáo sư								
3	Tiến sĩ khoa học								
4	Tiến sĩ	2	2		1	1			2.3
5	Thạc sĩ	1	23		21		2		21.4
6	Đại học	0.5	2		2				1
	Tổng		**27**		**24**	**1**	**2**		**24.7**

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

- Năm học 2017 – 2018:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi								
1	Giáo sư, Viện sĩ								
2	Phó Giáo sư								
3	Tiến sĩ khoa học								
4	Tiến sĩ	2	1			1			**0.3**
5	Thạc sĩ	1	25		22	1	2		**22.7**
6	Đại học	0.5	1		1				**0.5**
	Tổng		**27**		**23**	**2**	**2**		**23.5**

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

- Năm học 2018 – 2019:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi								
1	Giáo sư, Viện sĩ								
2	Phó Giáo sư								
3	Tiến sĩ khoa học								
4	Tiến sĩ	2	4		2	2			4.6
5	Thạc sĩ	1	24		20	2	2		21
6	Đại học	0.5	1		1				0.5
	Tổng		**29**		**23**	**4**	**2**		**26.1**

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

- Năm học 2019 – 2020:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi								
1	Giáo sư, Viện sĩ								
2	Phó Giáo sư								
3	Tiến sĩ khoa học								
4	Tiến sĩ	2	5		3	2			6.6
5	Thạc sĩ	1	24		19	3	2		20.3
6	Đại học								
	Tổng		**29**		**22**	**5**	**2**		**26.9**

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

- Năm học 2020 – 2021:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ								
2	Phó Giáo sư								
3	Tiến sĩ khoa học								
4	Tiến sĩ	2	5		3	2			6.6
5	Thạc sĩ	1	24		19	3	2		20.3
6	Đại học								
	Tổng		**29**		**22**	**5**			**26.9**

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

- Năm học 2016 – 2017:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	2	7.41	1	1		1	1		
5	Thạc sĩ	23	85.19	6	17		21	2		
6	Đại học	2	7.40	2	0	2				
	Tổng	27	100	8	18	2	22	3		

Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 33 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 7.41%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 85.19%.

- Năm học 2017 – 2018:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
4	Tiến sĩ	1	3.71		1		1			
5	Thạc sĩ	25	92.59	5	19		22	2		
6	Đại học	1	3.70	2	0	1				
	Tổng	**27**	100 %	7	20	1	23	2		

Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 34 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:3.71 %

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 92.59%.

- Năm học 2018 – 2019:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	4	13.79	1	3		3	1		
5	Thạc sĩ	24	82.76	5	19		22	2		
6	Đại học	1	3.45	1		1				

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
	Tổng	**29**	100	7	22	1	25	3		

Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 35.5 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:13.80 %

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 82.76%.

- Năm học 2019 – 2020:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	5	17.25	2	3		3	2		
5	Thạc sĩ	24	82.75	5	19	1	21	2		
6	Đại học									
	Tổng	**29**	**100 %**	**7**	**21**	**1**	**24**	**4**		

Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 36.6 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 17.25%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 82.75%.

- Năm học 2020 – 2021:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	5	17.25	2	3		3	2		
5	Thạc sĩ	24	82.75	5	19	1	21	2		
6	Đại học									
	Tổng	**29**	**100 %**	**7**	**21**	**1**	**24**	**4**		

Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 38.4 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 17.25%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 85.75%.

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

- Năm học 2015 – 2016:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học

		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	60%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

- Năm học 2016 – 2017:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	60%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

- Năm học 2017 – 2018:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	60%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

- Năm học 2018 – 2019:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	60%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

- Năm học 2019 – 2020:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	60%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	THPT						Học bạ					
	Đăng ký	Trúng tuyển	Tỉ lệ cạnh tranh	Nhập học	Điểm đầu vào (thang 30)	Điểm TB	Đăng ký	Trúng tuyển	Tỉ lệ cạnh tranh	Nhập học	Điểm đầu vào (thang 30)	Điểm TB
2016-2017	233	183	1:1,27	49	17,25	17,44						
2017-2018	321	193	1:1,66	142	15,5	18,66						
2018-2019	565	145	1:3,9	99	15,5	16,88						
2019-2020	414	171	1:2,42	69	15	16,7	125	75	1:1,67	37	18	24,04
2020-2021	358	26	1:13,77	22	22	22,94	574	92	1:6,24	92	18,5	21,47

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	126	49	142	99	106
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác…					

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)					
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có

nhu cầu:

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m^2)					
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)					
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m^2/người)					

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	0	0	0	0	2
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	0	2/495(%)

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy			34	72	99
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác…					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).			34	72	99
2, Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%),			52.31%	51.43%	78.57%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
3, Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A, Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B, Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3,1, Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%),				51.02%	
3,2, Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%),				44.90%	
3,3, Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp				4.08%	
4, Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A, Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều			27	67	90

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B, Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4,1, Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%), - Sau 6 tháng tốt nghiệp, - Sau 12 tháng tốt nghiệp,			17	30	54
4,2, Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%),			5	16	23
4,3, Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm,				6.340.341	6.508.333
5, Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A, Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này, B, Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
5,1, Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%),					
5,2, Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%),					
5,3, Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%),					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp,

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm,

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp,

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này,

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	Tổng (đã quy đổi)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0						
3	Đề tài cấp trường	0,5				1	4	2.5
4	Tổng					1	4	2.5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước,*

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh),*

Tổng số đề tài quy đổi: 5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2015 - 2016	-	-	-
2	2016 - 2017	-	-	-
3	2017 - 2018	-	-	-
4	2018 - 2019	200, 436	31.2%	3,12
5	2019 - 2020	201,627	71.43%	6,1

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	-	6	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	-	-	
Trên 6 đề tài	-	-	-	
Tổng số cán bộ tham gia	-	-	6	

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					
			2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0	-	-	-	-		
2	Sách giáo trình	1,5	-	-	-	-	6	9
3	Sách tham khảo	1,0	-	-	-	-	-	
4	Sách hướng dẫn	0,5	-	-	-	-	-	
5	Tổng		**-**	**-**	**-**	**-**	**6**	**9**

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh),

Tổng số sách (quy đổi):

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	-	10	-	-
Từ 4 đến 6 cuốn sách	-	-	-	-
Trên 6 cuốn sách	-	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	-	10	-	-

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	1	5	1	2	3	18
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	1	2	5	5	1	14
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	-	-	-	-	-	-
	Tổng		**2**	**7**	**6**	**7**	**4**	**32**

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh),

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 32

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.6

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

	Nơi đăng

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	5	2	-
Từ 6 đến 10 bài báo	1	1	-
Từ 11 đến 15 bài báo	-	-	-
Trên 15 bài báo	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	6	3	0

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	-	-	-	-	-	-
2	Hội thảo trong nước	0,5	-	-	-	3	-	1.5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	-	-	-	-	-	0
4	Tổng		-	-	-	3	-	1.5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh),

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 1.5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.075

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	-	2	-
Từ 6 đến 10 báo cáo	-	-	-
Từ 11 đến 15 báo cáo	-	-	-
Trên 15 báo cáo	-	-	-
Tổng số cán bộ than gia	-	2	-

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2015 - 2016	-
2016 - 2017	-
2017 - 2018	-
2018 - 2019	-
2019 - 2020	-

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1 Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	-	2	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	-	-	

Trên 6 đề tài	-	-	-	
Tổng số người học tham gia	-	-	2	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	-	-	-	-
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	-	-	-	-	-

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m2): Cơ sở I diện tích 12,062 m2

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m2): 128m2 (Văn phòng khoa), Diện tích PTN khoa quản lý 494 m2

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m2):

- Nơi làm việc: 5,494m^2 Nơi học: 7,289 m^2 Nơi vui chơi giải trí: 7,021m^2

56. Diện tích phòng học (tính bằng m2)

    - Tổng diện tích phòng học: 3663 m^2

    - Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7.4

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 6317 đầu sách (thư viện) và 4827 đầu sách (thư viện số)

    Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 26 máy

- Dùng cho người học học tập: 320 máy

- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,7

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

   Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 29

   Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 93.10%

   Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 20%

   Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 80%

2. Người học:

   Tổng số người học chính quy (người): 495

   Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 17.07

   Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 72.37%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

   Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 51.02%

   Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 44.90%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

   Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 69.39%

   Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 30.61%

   Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): triệu VNĐ: 6.508.333 (VND).

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6/27

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 6,1

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 9/20

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 32/20

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.5/20

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,7

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7.4

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:.....

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

Phụ lục 1: Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 388 /QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 25 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Ngành Công nghệ thực phẩm

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 462/QĐ-ĐHKTCN ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm;

Theo đề nghị của Khoa Công nghệ thực phẩm và Công nghệ sinh học và Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Lãnh đạo khoa Công nghệ thực phẩm và Công nghệ sinh học, Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, các đơn vị, cá nhân có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Huỳnh Thanh Nhã

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐBCL.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM
(Kèm theo Quyết định số: 388 /QĐ-ĐHKTCN ngày 25 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS. TS Huỳnh Thanh Nhã	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	TS. Trương Minh Nhật Quang	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	ThS. Đoàn Thị Kiều Tiên	Phó trưởng khoa Phụ trách quản lý, điều hành Khoa CNTP và CNSH	Phó Chủ tịch
4	ThS. Lê Anh Tuấn	Trưởng phòng ĐBCL&KT	Thư ký
5	ThS. Nguyễn Thị Yên Chi	Trưởng phòng TCHC	Thành viên
6	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
7	ThS. Cao Thị Bé Oanh	Phó trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
8	ThS. Nguyễn Chí Hiếu	Trưởng phòng CTCT&QLSV	Thành viên
9	TS. Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	Phụ trách Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC	Thành viên
10	ThS. Võ Khắc Tâm	Trưởng phòng QTTB	Thành viên
11	ThS. Trần Long Hải	Trưởng phòng TCKT	Thành viên
12	ThS. Lê Trí Ân	Phó trưởng Bộ môn CNTP	Thành viên
13	ThS. Nguyễn Xuân Hồng	Giảng viên	Thành viên
14	ThS. Trần Thị Thùy Linh	Giảng viên	Thành viên
15	ThS. Đoàn Phương Linh	Giảng viên	Thành viên
16	ThS. Nguyễn Ngọc Trang Thùy	Giảng viên	Thành viên
17	ThS. Huỳnh Thị Sữa	Giảng viên	Thành viên
18	ThS. Nguyễn Hồng Xuân	Giảng viên	Thành viên
19	ThS. Trần Thị Thanh Vân	Giảng viên	Thành viên
20	KS. Trần Hoàng Hiệp	Kỹ thuật viên PTN	Thành viên
21	Nguyễn Song Kim Minh	Sinh viên lớp CNTP0117	Thành viên

(Danh sách có 21 thành viên)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số: 388 /QĐ-ĐHKTCN ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Lê Anh Tuấn	Trưởng Phòng ĐBCL&KT	Trưởng Ban
2	ThS. Lê Trí Ân	P. Trưởng Bộ môn CNTP	Phó Trưởng ban
3	ThS. Cao Thị Bé Oanh	P. Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	ThS. Hồ Chí Linh	P. Trưởng phòng QTTB	Thành viên
5	ThS. Lê Hồng Tuyên	P. Trưởng phòng NCKH-HTQT- TTr - PC	Thành viên
6	ThS. Bùi Thái Bình	P. Trưởng phòng TCKT	Thành viên
7	ThS. Nguyễn Chí Hiếu	Trưởng phòng CTCT-QLSV	Thành viên
8	ThS. Nguyễn Hoàng Viện	Bí thư Đoàn Trường	Thành viên
9	ThS. Phạm Thị Bích Ngân	Phó Trưởng khoa khoa Khoa học cơ bản	Thành viên
10	KS. Lê Anh Nhã Uyên	Chuyên viên Phòng TCHC	Thành viên
11	ThS. Nguyễn Hoàng Yến	GV kiêm nhiệm Phòng ĐBCL&KT	Thành viên
12	ThS. Trần Thị Thanh Thảo	GV kiêm nhiệm Phòng ĐBCL&KT	Thành viên
13	ThS. Đỗ Dương Phương Thảo	GV kiêm nhiệm Phòng ĐBCL&KT	Thành viên
14	ThS. Lê Thị Thảo	GV kiêm nhiệm Phòng NCKH - HTQT - TTr-PC	Thành viên
15	ThS. Nguyễn Xuân Hồng	Giảng viên	Thành viên
16	ThS. Trần Thị Thùy Linh	Giảng viên	Thành viên
17	ThS. Đoàn Phương Linh	Giảng viên	Thành viên
18	ThS. Nguyễn Ngọc Trang Thùy	Giảng viên	Thành viên
19	ThS. Huỳnh Thị Sữa	Giảng viên	Thành viên
20	ThS. Nguyễn Hồng Xuân	Giảng viên	Thành viên
21	ThS. Trần Thị Thanh Vân	Giảng viên	Thành viên
22	KS. Trần Hoàng Hiệp	Kỹ thuật viên PTN	Thành viên

(Danh sách có 22 thành viên)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số: 388 /QĐ-ĐHKTCN ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

Nhóm	Nội dung	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	**Tiêu chuẩn 1:** Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT **Tiêu chuẩn 2:** Bản mô tả CTĐT **Tiêu chuẩn 3:** Cấu trúc và nội dung CTDH	**ThS. Lê Trí Ân**	**Phó trưởng Bộ môn CNTP**	**Trưởng nhóm**
		ThS. Trần Thị Thùy Linh	Giảng viên	Thư ký
		ThS. Huỳnh Thị Sữa	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Đoàn Phương Linh	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Lê Thị Mỹ Tiên	Chuyên viên	Thành viên
		ThS. Cao Thị Bé Oanh	Phó trưởng Phòng Đào tạo	Thành viên
2	**Tiêu chuẩn 4:** Phương pháp tiếp cận trong dạy học **Tiêu chuẩn 5:** Đánh giá kết quả học tập của người học	**ThS. Đoàn Thị Kiều Tiên**	**Phó Trưởng khoa CNTP và CNSH**	**Trưởng nhóm**
		ThS. Trần Thị Thanh Vân	Giảng viên	Thư ký
		ThS. Nguyễn Xuân Hồng	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Nguyễn Thị Hồng Xuyên	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Nguyễn Ngọc Trang Thùy	Giảng viên	Thành viên
		KS. Võ Thị Phương Loan	GV kiêm nhiệm Phòng Đào tạo	Thành viên
3	**Tiêu chuẩn 6:** Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên **Tiêu chuẩn 7:** Đội ngũ nhân viên	**ThS. Nguyễn Thị Yên Chi**	**Trưởng phòng TCHC**	**Trưởng nhóm**
		KS. Lê Anh Nhã Uyên	Chuyên viên Phòng TCHC	Thư ký
		ThS. Nguyễn Thị Kim Xuân	Phó Trưởng phòng TCHC	Thành viên
		CN. Phan Ngọc Uyển	Chuyên viên Phòng TCHC	Thành viên
		CN. Lã Hoàng Lâm	Chuyên viên Phòng TCHC	Thành viên
		TS. Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	Phụ trách Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC	Thành viên

4	**Tiêu chuẩn 8:** Người học và hoạt động hỗ trợ người học	**ThS. Nguyễn Chí Hiếu**	**Trưởng phòng CTCT-QLSV**	**Trưởng nhóm**
		ThS. Đỗ Dương Phương Thảo	GV kiêm nhiệm Phòng ĐBCL&KT	Thư ký
		ThS. Nguyễn Hồng Xuân	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Nguyễn Hoàng Viện	Bí thư Đoàn Trường	Thành viên
5	**Tiêu chuẩn 9:** Cơ sở vật chất và trang thiết bị	**ThS. Hồ Chí Linh**	**Phó trưởng phòng QTTB**	**Trưởng nhóm**
		ThS. Trần Thị Thanh Thảo	GV kiêm nhiệm Phòng ĐBCL&KT	Thư ký
		ThS. Lê Hồng Tuyên	P. Trưởng phòng NCKH-HTQT-TTr-PC	Thành viên
		KS. Trần Hoàng Hiệp	Kỹ thuật viên PTN	Thành viên
6	**Tiêu chuẩn 10:** Nâng cao chất lượng **Tiêu chuẩn 11:** Kết quả đầu ra	**ThS. Lê Anh Tuấn**	**Trưởng phòng ĐBCL&KT**	**Trưởng nhóm**
		ThS. Nguyễn Hoàng Yến	GV kiêm nhiệm Phòng ĐBCL&KT	Thư ký
		ThS. Nguyễn Phúc Huy	Giảng viên, Trợ lý khoa CNTP&CNSH	Thành viên
		ThS. Nguyễn Thị Kiều Diễm	GV kiêm nhiệm Phòng ĐBCL&KT	Thành viên
		ThS. Nguyễn Ngọc Ngân Khánh	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Lê Thị Thảo	GV kiêm nhiệm Phòng NCKH-HTQT-TTr-PC	Thành viên
		ThS. Nguyễn Phan Tú	GV kiêm nhiệm Phòng Đào tạo	Thành viên

(Danh sách có 33 thành viên)

Phụ lục 2: Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Số: 551 /KH - ĐHKTCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 15 tháng 7 năm 2020

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư số: 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 06 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 06 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo.

- Công văn số 1076/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 06 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng hướng dẫn đánh giá chương trình đào tạo.

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục Quản lý chất lượng thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCL ngày 20/04/2018.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được thành lập theo Quyết định số 462/QĐ- ĐHKTCN ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Trường Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Hội đồng gồm có 21 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	Nhóm 1	Từ 28/7/2020 đến 12/10/2020
2	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Nhóm 2	Từ 28/7/2020 đến 12/10/2020
3	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Nhóm 3	Từ 28/7/2020 đến 12/10/2020
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Nhóm 4	Từ 28/7/2020 đến 12/10/2020
5	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Nhóm 5	Từ 28/7/2020 đến 12/10/2020
6	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nhóm 6	Từ 28/7/2020 đến 12/10/2020

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Các nhóm xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp. Giao các Phòng, ban, trung tâm phối hợp các khoa để hỗ trợ nguồn nhân lực và dự toán kinh phí cho hoạt động khảo sát và hội thảo.

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Các nhóm xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài

Các nhóm xác định những lĩnh vực cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê chuyên gia.

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (khoảng 2 tháng), theo lịch trình tham khảo sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2 Từ 01/7/2020 đến 13/7/2020	1. Họp Ban Giám hiệu và lãnh đạo khoa thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. 3. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: • Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; • Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; • Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; • Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 3 - 4 Từ 14/7/2020 đến 27/7/20120	1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 3. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: • Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); • Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5 - 8 Từ 28/7/2020 đến 24/8/2020	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 - 15 Từ 25/8/2020 đến 12/10/2020	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 16 Từ 13/10/20120 đến 19/10/2020	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo

Thời gian	Các hoạt động
	báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 17 - 18 Từ 20/10/2020 đến 02/11/2020	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, … để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19 - 21 Từ 03/11/2020 đến 23/11/2020	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, …) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, …. đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 22 - 23 Từ 24/11/2020 đến 07/12/2020	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.
Tuần 24 Từ ngày 08/12/2020 đến 14/12/2020	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

***Nơi nhận*:**
- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu PTCHC, PĐBCLKT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Trương Minh Nhật Quang